

TRONG
THĂM SÂU CỦA
BÍ ẨN
3

Giữa huyền thoại và khoa học - hoang đường và sự thật



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

TRONG
THÂM SÀU CỦA
BÍ ẨN

3

BIẾU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THU VIỆN KHTH TP.HCM

Nguyễn Thị Kim Anh

Trong thẩm sâu của bí ẩn. T.3 / Nguyễn Thị Kim Anh. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2012.
188tr.; 20cm.

1. Điều bí ẩn. 2. Hiện tượng bí ẩn.

001.94 — dc 22

N573-A60

NGUYỄN THỊ KIM ANH
bìen soạn

TRONG
THẦM SÂU CỦA
BÍ ÂM

3

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Mục lục

Phần 1: GIỮA HUYỀN THOẠI VÀ KHOA HỌC 7

Sự khởi đầu của vũ trụ	10
Nguồn gốc sự sống	15
Tổ tiên chúng ta là ai?	19
Đại Hồng Thủy	28
Có chăng sự sống ngoài trái đất?	35
Người ngoài hành tinh đã viếng thăm Nazca?	42
Đĩa bay đỗ bộ	47
Sinh vật ngoài trái đất ở Roswell	53
Dự báo diệt vong của Trái đất	60

Phần 2: NHỮNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG BÍ ẨN 69

Babel - ngôi tháp chạm đến thiên đường	72
Mê cung của thú thần Minotaur	77
Dãy cự thạch kỳ vĩ nhất thế giới	82

Stonehenge - nơi thờ phụng hay đài thiên văn?	89
Những pho tượng khổng lồ trên đảo Eastern	95
Kim tự tháp hình thành từ số π	105
Hải đăng Alexandria - kỳ quan thế giới cổ đại	117
Các đại đô thị bỏ hoang của người Maya	122
Tiahuanaco - thành phố đá màu nhiệm	127
Thánh đường huyền bí	134
Phần 3: BÍ ẨN CHỐN CUNG ĐÌNH	139
Kẻ mang mặt nạ sắt	142
Gaspard Hauser - bí ẩn của thời đại	148
Bí ẩn thân phận của một “nàng” hiệp sĩ	155
Huyền thoại cái chết vua Louis XVII	161
Khang Hy - vị hoàng đế háo sắc bậc nhất Trung Hoa	171
Các vua Trung Hoa và chuyện hậu cung	177
Án mạng hay tự vẫn?	181

P h â n 1

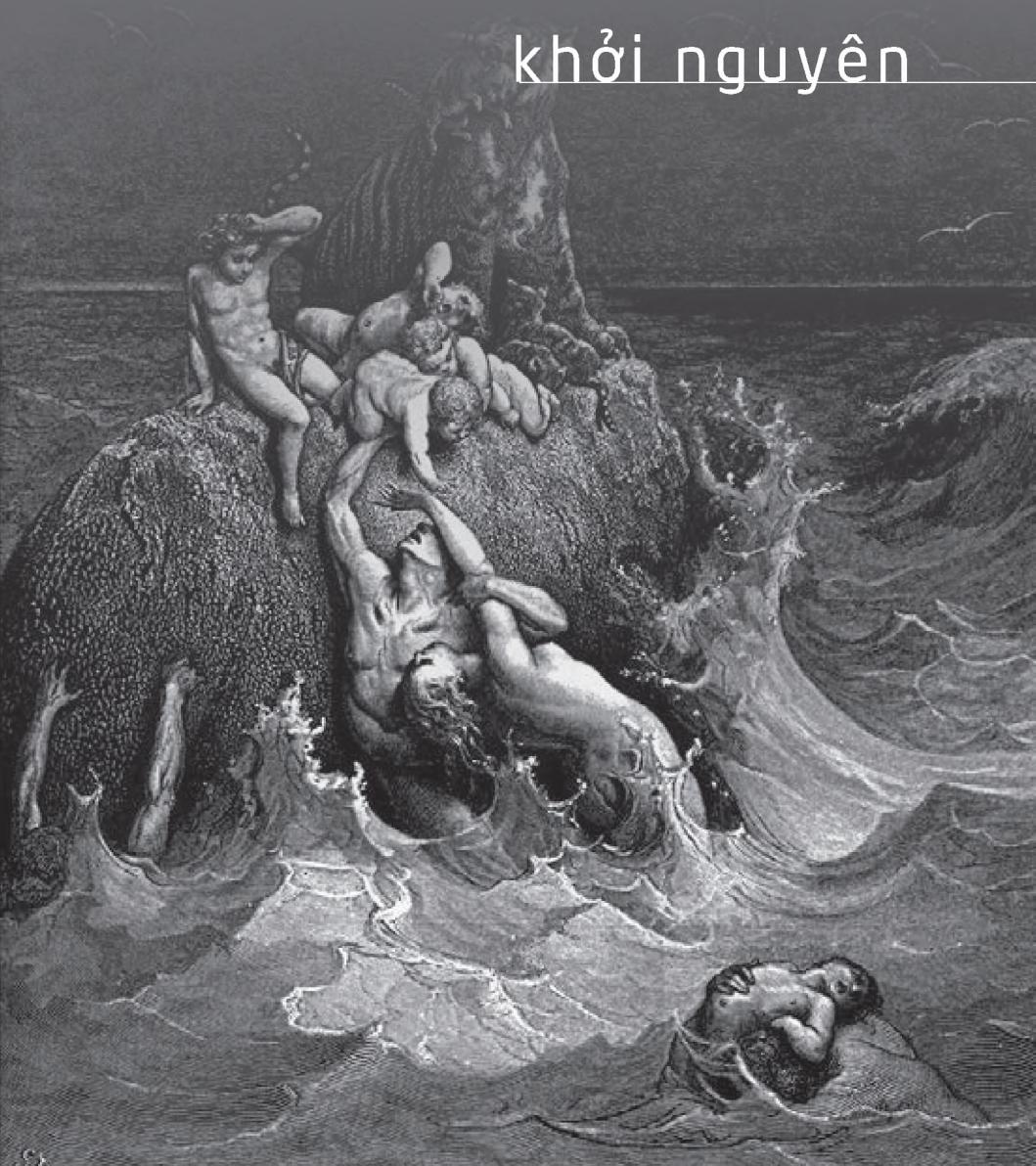
GIỮA HUYỀN THOẠI VÀ KHOA HỌC

CHÚNG TA TỪ ĐÂU ĐẾN? TRÁI ĐẤT CHÚNG TA CÓ PHẢI LÀ NƠI
DUY NHẤT TRONG VŨ TRỤ CÓ SỰ SỐNG? HÀNH TINH CHÚNG TA
LIỆU MỘT NGÀY NÀO ĐÓ SẼ BIẾN MẤT? BIẾT BAO CÂU HỎI
ĐÃ ĐƯỢC ĐẶT RA TRONG SUỐT QUÁ TRÌNH ĐI LÊN
CỦA VĂN MINH NHÂN LOẠI.

Từ lúc khai thiên lập địa cho đến ngày tận thế, từ khi vũ trụ còn chìm trong thịnh lặng bất tận cho đến khi có sự xuất hiện của các sinh vật ngoài hành tinh, con người luôn bằng sự nhiệt thành và niềm tin tìm kiếm những giải đáp thỏa đáng để làm dịu đi nỗi ưu tư của mình. Tôn giáo, triết học, khoa học huyền bí, khoa học tự nhiên... mỗi lĩnh vực từ đều cố gắng mang lại câu trả lời theo cách riêng của mình. Thế nhưng, giữa những người hang động mà 100.000 năm trước đây đã chật vật để tồn tại trong môi trường khắc nghiệt và những con người hiện đại đang bất lực trước sự hủy hoại của môi trường sinh thái, thử hỏi sự khác biệt có lớn lầm hay không?



khởi nguyên



Sự khởi đầu của vũ trụ

Từ thời các triết gia Hy Lạp cổ cho đến thời các nhà vật lý thiên văn ngày nay, cách nhìn nhận vũ trụ của con người đã thay đổi sâu sắc. Tuy nhiên, vẫn còn có quá nhiều thắc mắc mà người xưa nêu ra đến nay vẫn chưa có câu trả lời.

- **Vũ trụ triết lý và vũ trụ đạo giáo**

Suốt cả một quãng thời gian dài người ta không tìm lời giải thích về vũ trụ trong khoa học mà là trong triết học và tôn giáo. Vì thế, vào thế kỷ thứ 4 trước Công nguyên, khi một người Hy lạp tên Eudoxe de Cnide mô tả vũ trụ, ông đã cho Trái đất đứng yên tại tâm của nó còn Mặt trời và các hành tinh thì quay cuồng xung quanh. Về phần các tinh tú thì chúng nằm trên tinh cầu lớn nhất mà ông gọi là “tinh cầu của những định tinh” tạo thành bởi các ranh giới vũ trụ. Quan điểm này được nhà bác học Hy Lạp Ptolemy hoàn thiện vào thế kỷ thứ hai sau Công nguyên và tiếp tục là một quan điểm chuẩn trong suốt gần 14 thế kỷ.

- **Trái đất và Mặt trời hoán đổi vị trí**

Năm 1543, Nicolas Copernic đã tạo ra một cuộc cách mạng thiên văn học khi đưa Mặt trời vào tâm vũ trụ. Tuy nhiên cái thế giới nhật tâm của nhà thiên văn người Ba Lan này vẫn là hình cầu và dừng lại ở các định tinh.

Vũ trụ chỉ thực sự “mở ra” vào năm 1609, khi Galileo lần đầu tiên quan sát bầu trời qua kính thiên văn. Ông phát hiện trong dải Ngân hà, đến lúc đó vẫn còn được xem như một dạng tinh vân trắng, có rất nhiều ngôi sao giống Mặt trời. Bị tụt xuống thành

một ngôi sao giống như các ngôi sao khác, Mặt trời mất chỗ đứng ở tâm vũ trụ vào năm 1784, khi William Herschel phát hiện ra rằng “ngôi sao của chúng ta” nằm ở mép thiên hà, mà thiên hà đó chẳng qua chỉ là một đĩa chứa đầy sao, và cái phần của thiên hà mà ta có thể thấy rõ chính là dải Ngân hà.

- **Vũ trụ không bao giờ cũng chấm hết**

Nhưng cuộc cách mạng thiên văn chỉ thực sự nổ ra ở thế kỷ 20 nhờ các quan sát qua kính viễn vọng lớn và nhờ thuyết Vụ nổ lớn (Big Bang). Nếu như các kính viễn vọng lớn cho ta thấy kích thước thật sự của vũ trụ thì thuyết Big Bang giúp ta nhìn lại lịch sử của Vũ trụ.

THUYẾT BIG BANG - MỘT MÔ HÌNH KHÁ HOÀN HẢO

Sự tiến hóa của vũ trụ trong khoảnh khắc đầu tiên sau khi xảy ra Big Bang đã được dựng lại nhờ các thành tựu của ngành vật lý hạt.

Vũ trụ ban đầu là một chất khí hình thành từ các hạt chuyển động hỗn loạn với vận tốc gần bằng vận tốc ánh sáng. Trong quá trình va chạm liên tục, một số hạt bị phân rã và một số hạt khác xuất hiện. Chỉ một giây sau Big Bang, hạt proton và hạt neutron kết hợp lại với nhau. Trong những phút tiếp sau đó, phóng xạ hạt nhân cực mạnh cho phép hình thành các hạt nhân nguyên tử nhẹ (chủ yếu là hydro và helium). Giai đoạn này kéo dài chưa đến 15 phút.

Sau những giây phút sôi động đầu tiên là một thời kỳ yên ả kéo dài. Chỉ đến 300.000 đến 400.000 năm sau, khi nhiệt độ xuống dưới 3.000°C thì bức xạ mới tự do lan tỏa. Những thiên hà đầu tiên hình thành khoảng một tỷ năm sau Big Bang theo một quy trình cho đến nay vẫn chưa ai rõ.

Quả thực là ở đầu thế kỷ 20 các nhà khoa học vẫn tin rằng vũ trụ là bất biến và bất diệt, rằng vũ trụ sẽ vẫn mãi mãi trường tồn như trạng thái hiện nay. Nhưng tại sao vũ trụ vốn bị chi phối bởi lực vạn vật hấp dẫn (tức lực hút lẫn nhau của tất cả mọi thứ) lại không sụp vào chính nó? Và nếu như vũ trụ hình thành từ một số bất tận những ngôi sao tồn tại từ muôn đời nay thì tại sao trông nó lại tối tăm chứ không hề chói sáng?

Câu trả lời lý thuyết cho hai câu hỏi này đã được một người Nga tên Alexander Friedmann đưa ra năm 1922 và một người Bỉ tên Georges Lemaître đưa ra năm 1927 dựa vào thuyết Big Bang.

*Theo thuyết của Edwin Hubble, các thiên hà di chuyển ra xa nhau.
Điều này cho thấy vũ trụ không ngừng giãn nở.*



Vũ trụ không nằm yên mà luôn giãn nở. Vũ trụ không có sẵn tự bao giờ mà ra đời cách đây 15 tỷ năm. Kể từ đó, nó chuyển từ trạng thái cô đặc và nóng rực sang trạng thái rất loãng và lạnh mà chúng ta hiện nay đang chứng giám. Điều này nhanh chóng được khẳng định bởi những quan sát thiên văn. Ngay từ năm 1924, nhà thiên văn học người Mỹ Edwin Hubble đã khám phá ra rằng vũ trụ được hình thành từ vô số những thiên hà tương tự với thiên hà của chúng ta và từ đó ông đã mang đến cho vũ trụ toàn bộ chiều sâu của nó. Năm 1929, ông nhận thấy các thiên hà này nằm cách xa nhau hơn. Điều này cho thấy vũ trụ thực sự đang giãn nở.

- ***Một mô hình khoa học vững chắc...***

Hiện nay, thuyết Big Bang mặc dù vẫn còn gây tranh cãi nơi một số nhà vật lý thiên văn nhưng vẫn là mô hình đứng vững nhất. Nhiều quan sát đã xác nhận mô hình này: sự dôi dào hiện nay của các nguyên tố như hydro và helium; công trình nghiên cứu về các thiên hà rất xa, cách Trái đất đến gần 15 tỷ năm ánh sáng; phát hiện năm 1965 của Arno Penzias và Robert Wilson về bức xạ phông vi sóng vũ trụ; và việc nghiên cứu vũ trụ một cách chi tiết vào năm 1992 nhờ vệ tinh COBE.

Trên Trái đất, những thí nghiệm vật lý hạt tiến hành nhờ các máy gia tốc mạnh như máy gia tốc ở CERN (Phòng thí nghiệm châu Âu về vật lý hạt) cũng cung cấp thêm cho các quan sát này.

- ... *nhưng không phải mọi thứ đều đã được giải quyết...*

Tuy nhiên, thuyết Big Bang không cho ta mọi câu trả lời, đặc biệt là câu trả lời về tương lai của vũ trụ. Lực hấp dẫn có thăng được sự giãn nở của vũ trụ không? Và liệu vũ trụ có kết thúc vòng đời bằng một “Vụ nát nát lớn” (Big Crunch), đối nghịch với

Vụ nổ lớn? Hay là hai lực này sẽ cân bằng nhau và vũ trụ sẽ ngưng giãn nở? Những quan sát mới đây ở các siêu tân tinh xa xôi cho thấy sự giãn nở của vũ trụ chưa sẵn sàng để ngưng mà trái lại còn đang tăng tốc.

Còn nhiều câu hỏi khác đang chờ được trả lời, chẳng hạn như: Vũ trụ là hữu hạn hay vô hạn? Chuyện gì đã xảy ra trước khi có Big Bang? Có phải vũ trụ của chúng ta ra đời từ một vũ trụ khác lớn hơn không?

Nguồn gốc sự sống

Cách đây 4 tỷ năm, Trái đất đã bị dội bom bởi vô số các thiên thể bé nhỏ. Phải chăng trong số các thiên thể đó có một số thiên thể chứa các nguyên tố hóa học tiền thân của phân tử sinh học?

- *Các hợp chất hữu cơ từ trời rơi xuống*

Năm 1906, nhà hóa học Thụy Điển Svante Arrhenius đưa ra giả thuyết cho rằng sự sống được hình thành từ những hợp chất hữu cơ từ bên ngoài vũ trụ rơi xuống Trái đất. Như vậy, ông cho rằng mầm sống được gieo từ ngoài vũ trụ.

Lý thuyết được gọi là “thuyết tha sinh” này nhanh chóng bị bác bỏ và thay thế bằng một lý thuyết khác cho rằng sự sống hình thành ngay trên Trái đất. Tuy nhiên trong thập niên 1960, nhờ các công trình nghiên cứu khoa học về khả năng tồn tại sự sống ngoài Trái đất mà lý thuyết này được nhiều người hậu thuẫn trở lại. Các khoa học gia phát hiện ra rằng một số vật thể (chẳng hạn như thiên thạch hay sao chổi) chứa những hợp chất hữu cơ thuộc số các chất hóa học hình thành nên sự sống. Những thiên thể này có

Các khoa học gia khám phá ra rằng ngay cả những mảnh sao chổi thường cũng có thể là nguồn gốc của sự sống (trên hình là sao chổi Halley).



thể là nguồn gốc của sự sống trên Trái đất hay ít ra cũng góp phần rất lớn vào việc hình thành sự sống tại đây.

- ***Sao chổi gieo mầm sống cho Trái đất?***

Các hành tinh thuộc hệ Mặt trời được hình thành cách đây khoảng 4,6 tỷ năm. Kể từ đó, mọi thiên thể đều tiến hóa chỉ trừ các sao chổi và thiên thạch là khoanh tay nhìn việc hình thành các tinh vân Mặt trời. Bốn tỷ năm trước, tất cả các hành tinh đều bị “đội bom” dữ dội trong suốt khoảng 300 triệu năm liền. Người ta ước tính Trái đất đã bị hàng trăm vạn tấn vật chất ngoài Trái đất rớt xuống mỗi ngày, trong đó có những vật chất đến từ các thiên thạch và sao chổi, mà trong lõi sao chổi thì lại chứa các hợp chất hữu cơ và nước dưới dạng băng. Năm 1986, với sự hỗ trợ của tàu thăm dò Giotto, người ta đã khám phá ra lõi sao chổi Halley chứa axit cyanhydric và formaldehyde.

Với sự hiện diện của nước ở dạng lỏng, hai hợp chất chứa carbon này có thể dẫn tới việc hình thành những thành phần cơ bản của protein và axit nucleic. Như vậy, khi rơi xuống Trái đất thuở sơ khai, các mảnh sao chổi có thể đã góp phần vào việc hình thành sự sống tại đây.

- ***Các hạt li ti là khởi thủy của sự sống***

Nếu như sự sống đến từ ngoài vũ trụ thì vai trò của thiên thạch và nhất là vi thiên thạch quả thật không nhỏ. Thật vậy, do rất nhỏ (dưới một milimet) nên các vi hạt này có sức kháng cự cao hơn các hạt khi đi vào vùng khí quyển Trái đất. Điều đó có nghĩa là chỉ bề mặt của những hạt bụi vũ trụ này là bị phá hủy (gây ra hiện tượng sao băng) còn bên trong thì vẫn được giữ nguyên.

CÓ CHĂNG SỰ SỐNG TRÊN SAO HỎA?

Ngày 4 tháng 7 năm 1997, tàu thăm dò sao Hỏa Pathfinder đã đáp thành công xuống Hành tinh đỏ. Điểm hạ cánh, được đặt tên là Ares Vallis, nằm ở hợp lưu hai lạch cũ đã cạn, nơi cách đây 2 tới 3 tỷ năm trước từng xảy ra những trận lũ lụt kinh hoàng.

Điều mà NASA (Cơ quan Hàng Không Không gian Mỹ) quan tâm trước tiên là thử nghiệm một mô hình thăm dò mới. Khi vừa đặt chân lên sao Hỏa, NASA đã cho một robot lưu động nhỏ nặng 10,5kg mang tên Sojourner chạy qua vùng đất đầy đá trên hành tinh này để phân tích cấu tạo hóa học của chúng.

Những tấm hình đầu tiên về sao Hỏa mà tàu thăm dò gửi về cho thấy một cảnh quan hỗn độn hơn cảnh quan quan sát trước đây: vô số những mảnh đá rót ra từ mỏm các khối đá sau đó bị cuốn văng đi và nằm vương vãi trên mặt đất. Số thì có màu xám xịt, số lại lõi chỗ những lỗ thủng bên trong chứa đầy bụi, cho thấy những mảnh đá này đang bị gió xói mòn. Màu nâu vàng của mặt đất là cát chứ không phải bụi. Ở chân trời, trên sườn hai ngọn đồi tên "Twin Peaks" cao từ 30 đến 40m, các nhà nghiên cứu nhìn thấy vết tích của sự

xói mòn do nước chảy qua. Cuối cùng, bầu trời sao Hỏa sở dĩ chủ yếu màu hồng là vì có rất nhiều hạt bụi nhỏ màu đỏ treo lơ lửng trong không khí.

Nhung tuyệt nhiên không thấy vết tích cư dân sao Hỏa. Biết đâu họ đã trốn kỹ khi con người đặt chân đến?



Các robot lưu động đưa lên sao Hỏa năm 1997
đã không gặp bất kỳ cư dân nào của Hành tinh đỏ.

Trong số các thiên thạch ào ạt rơi xuống Trái đất người ta tìm thấy một loại thiên thạch đặc biệt có tên là chondrit carbon. Các thiên thạch này chứa nhiều carbon và nước nhưng đồng thời cũng chứa hydro, oxy, nitơ, đất sét và các phân tử hữu cơ. Những chondrit này liệu có cung cấp cho Trái đất những thành phần cần thiết cho sự ra đời của phân tử sinh học? Qua phân tích một trong những chondrit rơi xuống Trái đất năm 1969 gần Murchinson, người ta thấy có sự hiện diện của 8 axit amin, những chất cấu thành các protein cần thiết cho sự sống.

- ***Hệ động vật lạ trong lòng đại dương sâu thẳm***

Mới đây, người ta đã kết hợp thuyết tha sinh với một thuyết khác về nguồn gốc sự sống trên Trái đất. Các nhà khoa học hình dung rằng các phân tử sinh học được sinh ra dưới đáy đại dương, bên cạnh các nguồn thủy nhiệt nóng hình thành nên những thể kết gọi là “ống khói đen” do có những cuộn khói sunfur nhờ đèn tuôn ra từ đó.

Ngày nay, một số người cho rằng các vi thiên thể đã rơi xuống đáy đại dương gần ngay các ống khói đen đó. Độ sâu của đại dương giúp bảo vệ các phân tử hữu cơ chống lại điều kiện khí hậu khắc nghiệt trên mặt địa cầu. Ngoài ra, hơi nóng và khoáng chất của các nguồn thủy nhiệt cũng tạo điều kiện thuận lợi cho các phản ứng hóa học dẫn đến sự hình thành của các phân tử sinh học. Hơn nữa, vào cuối thập niên 1970, người ta còn khám phá ra một hệ động vật lạ xung quanh một số các “ống khói” đó. Phần lớn các loài thuộc hệ động vật này đều có vẻ như được hình thành từ xa xưa.

Tổ tiên chúng ta là ai?

Khi nghe câu hỏi này, trong đầu mọi người sẽ hiện lên hình ảnh một con khỉ đang từ từ đứng thẳng lên để rồi cuối cùng trở thành người. Nay thì ta biết rằng quan niệm tiến hóa theo trực hệ dẫn đến người hiện đại là hoàn toàn không tương ứng với thực tế. Càng có nhiều khám phá thì tổ tiên chúng ta càng đông lên và đa dạng lên.

• Một tổ tiên không mấy vinh dự

Tất cả bắt đầu vào năm 1856 với việc phát hiện ra một chiếc sọ mang hình dáng rất lạ trong một hang đá ở thung lũng Neander, gần thành phố Dusseldorf của Đức. Người ta xôn xao bàn tán về chiếc sọ đó. Franz Carl Mayer, một giáo sư lỗi lạc chuyên ngành giải phẫu học của đại học Bonn, kết luận rằng: “Có thể đó là một kỵ binh kozac của tướng Tchernitcheff từng đóng quân ở khu vực quanh đó trước khi vượt sông Rhin ngày 14 tháng 1 năm 1814. Sọ này có lẽ là của một người lính đào ngũ trốn chạy và bỏ thây nơi đó”. Các nhà khoa học thời đó không sao chấp nhận rằng chiếc sọ xấu xí mang chiếc trán hớt và hai hốc mắt lồi ra đó lại là sọ của tổ tiên loài người.

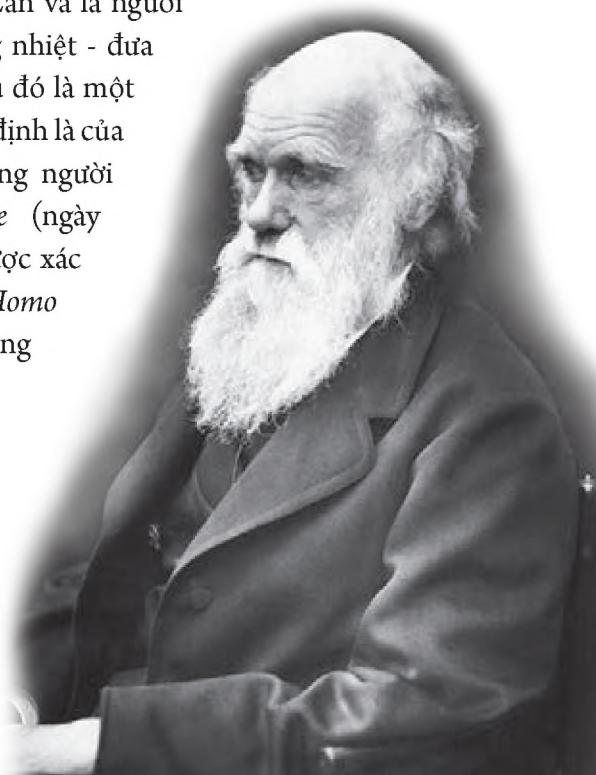
Vào thời đó, cho dù thừa nhận rằng trước Adam đã từng có con người, nhưng người ta vẫn chỉ nghĩ đến hình ảnh một người đẹp đẽ có đường nét hoàn chỉnh. Những phát hiện ngày càng nhiều về xương người Neanderthal trong các thập niên kế tiếp cho thấy đó là một giống người phổ biến chứ không phải là một cá thể biệt lập và bị thoái hóa nào đó. May thay, việc phát hiện một hóa thạch người Cro-Magnon năm 1868 trong một hang động ở Dordogne đã khiến mọi người yên lòng. Hóa thạch này cho thấy người Cro-Magnon có vóc người cao và chiếc trán khá phẳng.

Cuối cùng, đã tìm được một tổ tiên trông được. Nhưng nếu vậy thì giống Neanderthal kia phải sắp xếp vào đâu? Và nhất là lịch sử loài người phải viết như thế nào?

- *Là khỉ sao?*

Trong tác phẩm *Nguồn gốc các loài* (1859), Darwin chứng minh là các loài tiến hóa theo thời gian thông qua quá trình chọn lọc tự nhiên. Nhưng chỉ đến năm 1871, trong tác phẩm *Nguồn gốc loài người* và *Chọn lọc giới tính* ông mới dám áp dụng lý thuyết của mình cho loài người. Theo Darwin, sự tiến hóa của con người gắn với sự tiến hóa loài khỉ nên có lẽ chúng ta là con cháu của khỉ. Tất nhiên là luận đê này đã gây ra nhiều bức xúc trong dư luận. Tuy nhiên, đến năm 1891, một phát hiện thứ hai đã giúp củng cố luận đê trên. Từ Java, Eugène Dubois - một bác sĩ quân y trẻ người Hà Lan và là người ủng hộ Darwin cuồng nhiệt - đưa ra một chỏm sọ và sau đó là một xương đùi mà ông xác định là của loài người và gọi giống người này là *Pithecanthrope* (ngày nay, các xương này được xác định là của người *Homo erectus*). Dubois tin rằng ông đã tìm ra được

Luận đê của Charles Darwin về việc con người có nguồn gốc từ khỉ đã đánh dấu một bước ngoặt trong lý thuyết tiến hóa của loài người.

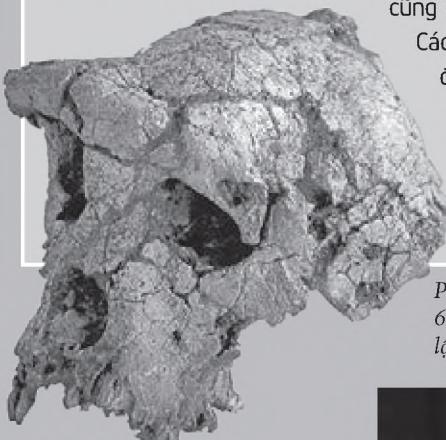


LUCY HAY "CHÂN NHỎ"?

Nàng Lucy nổi tiếng (*Australopithecus afarensis*) mà bộ xương hóa thạch được phát hiện ở Ethiopia năm 1974 nay không còn được xem là tổ tiên của “chúng ta” nữa. Cô “em họ” xa 3,2 triệu năm tuổi này vẫn giữ thói quen sống trên cây. Những dấu chân 3,8 triệu năm tuổi tìm thấy ở Tanzania năm 1978 thuộc về một loài khác, và đó mới là tổ tiên đích thực của nhánh *Homo*. Bộ xương được bảo quản rất tốt của một *Australopithecus* 3,3 triệu năm tuổi được tìm thấy năm 1993 ở Nam Phi và có hình dáng chân hiện đại hơn chân của nàng Lucy (chính vì thế mà nó còn có tên là “Chân nhỏ”) vì vậy đã

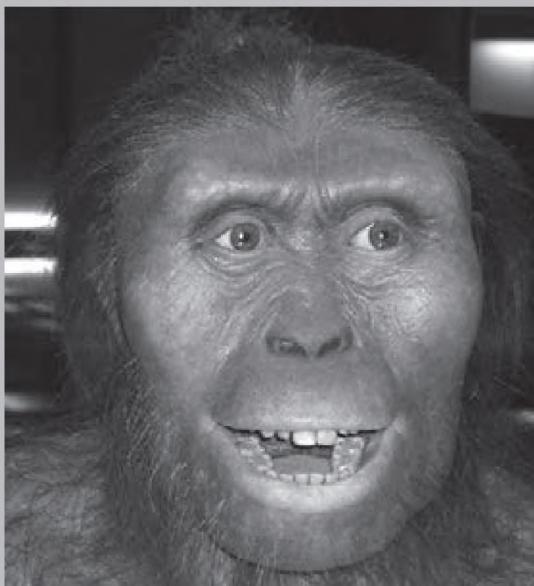
cũng cố thêm cho giả thuyết này.

Các công cụ cổ nhất ra đời cách đây 2,8 triệu năm (tìm thấy ở thung lũng Omo, Ethiopia) cũng được cho là của một trong những họ người “tiền *Homo*”.



Phát hiện về hóa thạch sọ Tumai từ 6 đến 7 triệu năm tuổi đã làm đảo lộn lịch sử nhân loại.

Một mô phỏng
về nàng Lucy



chiếc mắt xích bị thiếu, “dạng chuyển tiếp mà theo quy luật tiến hóa nhất định phải tồn tại giữa người và vượn người”. Giống như người Neanderthal, người *Homo erectus* đã vấp phải sự hoài nghi của các nhà bác học. Một trong số các nhà bác học đó cho rằng người *Homo erectus* “đại diện cho một dạng khỉ khổng lồ”... Nhưng lần này cũng thế, nhiều phát hiện khác ở Java và Trung Hoa (*người Bắc Kinh*) đã khẳng định lý thuyết của Dubois. Con người vừa tìm thấy một tổ tiên lâu đời hơn người *Cro-Magnon* vì người *Homo erectus* đã tồn tại từ một triệu năm trước.

- ***Người Australopithecus (người vượn phương Nam) đầu tiên***

Năm 1924, Raymond Dart, một giáo sư giải phẫu học trẻ tuổi làm việc tại Johannesburg (Nam Phi) nhờ một nhà địa chất đến các công trường đá vôi Taung ở phía bắc Kimberley - một thành phố nổi tiếng với các mỏ kim cương - để thu nhặt một vài khối đá để Dart tinh hóa thạch. Người kỹ sư địa chất này không giấu được sự ngạc nhiên khi nhìn thấy một chiếc sọ nhỏ trên bàn người chỉ huy công trường. Ông này nói đó có lẽ là sọ của một thổ dân Nam Phi và đem nó tặng cho nhà địa chất. Nhà địa chất bèn mang chiếc sọ về cho Dart. Mặc dù chỉ là sọ của một đứa trẻ khoảng 6 tuổi nhưng Dart lập tức nhận ra đây là một phát hiện quan trọng. Vị giáo sư lập tức tuyên bố trên tạp chí *Nature* là tìm được một tổ tiên mới của loài người: người *Australopithecus*. Kích thước nhỏ bé của chiếc hộp sọ (điếc khiến người ta nghĩ rằng bộ não của nó cũng rất nhỏ) cùng địa điểm phát hiện nó (châu Phi) đã vấp phải sự gièm pha của cộng đồng khoa học. Họ nhanh chóng xếp người *Australopithecus* vào họ khỉ. Dart vội vã đến London để thuyết phục những kẻ gièm pha này nhưng anh lại bỏ quên hóa thạch trên taxi và cảnh sát Scotland Yard phải rất vất vả mới tìm lại được

chiếc sọ quý báu này tại nhà người tài xế taxi ở London, gói trong một mảnh giấy báo...

- **Cùng họ chứ không phải là hậu duệ**

Từ thập niên 1960, với sự hậu thuẫn của một gia đình cổ sinh vật học gốc Anh tức gia đình Leakey (bao gồm Louis và vợ là Mary cùng con trai Richard và con dâu Meave) và của Yves Coppens, một người Pháp đã phát hiện bộ xương *nhàng Lucy* nổi tiếng và giúp cho lịch sử phát triển tự nhiên của con người đạt được những bước tiến khổng lồ. Với phát hiện này, tuổi của loài người dòng *Homo* được đẩy lùi ra hơn 2,5 triệu năm. Và nguồn gốc con người cũng ngày càng gắn chặt hơn với thế giới loài vật...

Mặc dù vẫn còn nhiều hoài nghi về mối quan hệ huyết thống giữa những loài thuộc họ người với người hiện đại, nhưng từ đó mà nhiều luận điểm đã được công nhận.

Ngày nay, người ta xếp những loài khỉ lớn ở châu Phi (khỉ đột và tinh tinh), người *Australopithecus*, con người và tổ tiên của con người vào cùng một họ, gọi là họ người. Nhưng cùng họ không nhất thiết phải là con cháu. Nói cách khác, tổ tiên chúng ta không phải là loài khỉ lớn châu Phi mà cả ta lẫn chúng đều có chung một nguồn gốc tổ tiên.

- **Châu Phi, chiếc nôi nhân loại**

Những phát hiện gần đây nhất khẳng định con người có nguồn gốc từ châu Phi. Đông Phi là nơi mà cách đây khoảng 25 triệu năm đã diễn ra sự tách biệt giữa những con “khỉ nhỏ” (tổ tiên xa của khỉ macao và khỉ đầu chó) khỏi những con “khỉ lớn” (cùng họ với con người, khỉ đột, tinh tinh và đười ươi).

- **Phía Tây là khỉ, phía Đông là người Australopithecus**

Sau đó rất lâu, tức khoảng 8 triệu năm trước, vết nứt lớn ở vỏ Trái đất hình thành nên thung lũng Rift ở Đông Phi đã kéo theo việc hình thành các cao nguyên ở Đông Phi, tạo ra một rào chắn ngăn chặn mưa từ phía Tây đổ đến. Rào chắn khí hậu đó là nguyên nhân dẫn đến sự tách biệt giữa nhánh loài người với nhánh loài khỉ lớn châu Phi hiện nay. Trong khi tại Tây Phi, tổ tiên loài tinh tinh và khỉ đột sống trong rừng nhiệt đới thì ở phía Đông của thung lũng Rift kéo dài từ Ethiopia đến Nam Phi, các động vật linh trưởng phải thích ứng với một môi trường savan khô cằn và từ đó nẩy sinh ra người *Australopithecus*. Lý thuyết do Coppens đưa ra năm 1983 mang tên “Lịch sử phía Đông” đến nay đã trở nên kinh điển.

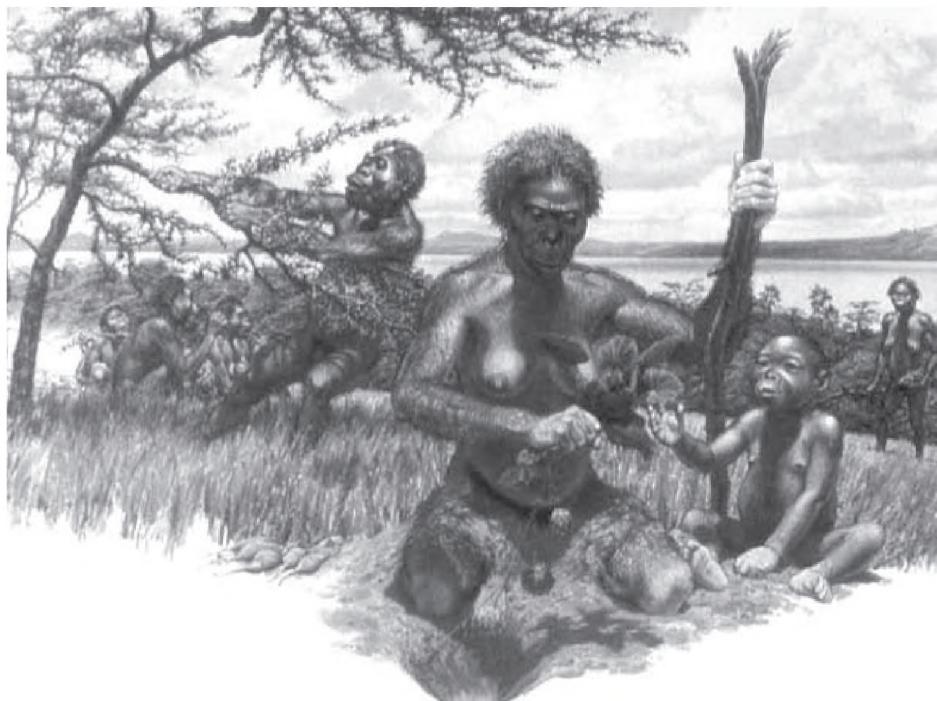
- **“Ông tổ thiên niên kỷ” và “Tumai”**

Tiếc rằng các di tích hóa thạch thời đó (vốn tối cần thiết để tìm hiểu lịch sử loài người) lại chỉ vỏn vẹn có một mẫu hàm dưới bé tí cùng với một chiếc răng. Nhưng hai phát hiện chấn động mới đây đã làm thay đổi tình hình. Năm 2000, ở Kenya, người ta phát hiện ra di tích của *Orrorin tugenensis* (được giới báo chí đặt tên là “Ông tổ thiên niên kỷ”), một họ người 6 triệu năm tuổi. Điều ngạc nhiên là ta có thể thấy rõ xu hướng di chuyển ở tư thế đứng thẳng của họ người này, chứng tỏ động vật hai chân xuất hiện sớm hơn ta tưởng. Sau đó, đến năm 2002, một phát hiện khác ở Tchad đã được công bố. Lần này thứ được phát hiện là chiếc sọ của một họ người 7 triệu năm tuổi. Được đặt tên là “Tumai” (các chuyên gia thì gọi là *Sahelanthropus*), mẫu sọ này cho thấy một sự pha trộn tính cách giữa khỉ đột và người.

- **Nhiều phả hệ**

Australopithecus anamensis, một nhánh *Australopithecus* cổ xưa nhất, được phát hiện ở Kenya năm 1994. Nó có số tuổi nhỉnh hơn 4 triệu năm một chút. Mặc dù rất sơ khai nhưng điều không thể chối cãi là nó thuộc họ người. Họ *Kenyanthropus* - phát hiện năm 1999 với số tuổi dự đoán là 3,4 triệu năm tuổi - có gương mặt dẹt và răng rất giống răng người. Hiện nay, họ người này là ứng cử viên sáng giá cho danh hiệu tổ tiên trực hệ của người (*Homo*). Từ ba triệu đến một triệu năm trở lại đây, họ người đã thực sự phát triển thành nhiều chủng loài. Tính ra có không dưới năm loài thuộc họ *Australopithecus* và ba hay bốn loài thuộc họ người *Homo*. Ở họ *Australopithecus*, trong khi một số vẫn giữ chế độ ăn rau và có vóc dáng mảnh dẻ thì số khác lại quay về với chế độ ăn rễ cây và các

Người *Australopitecus Africanus*.



loại cũ, điều này đòi hỏi phải có chiếc hàm rất khỏe và răng hàm cực lớn. Những *Australopithecus* “lực lưỡng” này là những người sống sót cuối cùng trong nhóm và chỉ hoàn toàn biến mất cách đây một triệu năm.

- ***Người đầu tiên***

Những con người đầu tiên (thuộc họ *Homo*) xuất hiện khoảng 2,5 triệu năm trước đây. Đó là họ người *Homo habilis* (ở Đông Phi và Nam Phi) và họ người *Homo rudolfensis* (ở Tanzania). Với vóc dáng bé nhỏ (cao tối đa 1,50 m), họ khác với người *Australopithecus* ở chỗ luôn di chuyển trên hai chân, có bộ răng dùng để ăn tạp, thể tích sọ lớn hơn và biết đeo đá làm công cụ. Gần đây hơn, người ta tìm thấy một bộ xương ở phía tây hồ Turkana thuộc về họ người *Homo ergaster* sống cách đây 1,6 triệu năm. Họ người này được xem là hiện đại hơn và rõ ràng là cao lớn hơn hai họ trên (cao gần 1,8m).

Năm 2000, việc phát hiện hai chiếc sọ họ người 1,8 triệu năm tuổi ở Georgia đã xác nhận họ *Homo* đã hiện diện rất sớm ở châu Phi lục địa, sau đó mới ra khỏi nơi đây.

- ***Từ Homo erectus đến Homo sapiens***

Người *Homo erectus* được biết đến qua các hóa thạch ở châu Phi, châu Âu, châu Á và ở Java cách đây từ 1.500.000 đến 200.000 năm. Người *Homo erectus* ở Trung Hoa được cho là những người biết cách chế ngự lửa sớm nhất, từ khoảng 500.000 năm trước.

Từ 250.000 đến 100.000 năm trở lại đây tách ra loài *Homo sapiens* của “chúng ta” nhưng nguồn gốc của nó vẫn đang có những tranh cãi cực kỳ gay gắt. Tuy nhiên, các phát hiện sau cùng có vẻ như đã chỉ ra rằng cái nôi của người *Homo sapiens* nằm ở Nam Phi. Thời



Người *Homo erectus* biết đẽo đá làm công cụ.
Những người *Homo erectus* cuối cùng biết chế ngự lửa.

đó, do châu Âu vẫn ít nhiều biệt lập nên nhánh *Homo* bản địa như “người Tautavel” đã tiến hóa theo hướng người Neanderthal (*Homo neandertalensis*), vì vậy mà đôi khi được xem như khác loài với chúng ta.

Cách đây 40.000 năm, người *Homo sapiens* hiện đại (ví dụ như người Eizie) đã từ Cận Đông đi đến châu Âu, trong khi người Neanderthal cuối cùng thì tuyệt chủng ở Tây Ban Nha 10.000 năm sau đó. Người “hiện đại” đến đây đã “ra đời”.

Đại Hồng Thủy

Người Sumer, người châu Âu, châu Phi, Trung Quốc, Úc, Nam Mỹ, Ấn Độ và châu Đại Dương đều có cùng ký ức về một trận đại hồng thủy tàn phá Trái đất nhiều ngàn năm trước Công nguyên. Những câu chuyện họ kể đều giống nhau kỳ lạ như thể chúng cùng chung một kịch bản.

- *Con tàu cứu rỗi nhân loại*

Trong chương 6 và chương 8 của kinh Sáng Thế trong Cựu Ước có kể lại câu chuyện đại hồng thủy như sau: Chúa Trời vì muốn xóa bỏ những mầm xấu đang lan tràn trên Trái đất nên quyết định hủy diệt toàn bộ những con người hư hỏng.

Chỉ một người duy nhất xứng đáng được cứu sống, đó là Noah. Chúa Trời ban lệnh cho ông đóng một con tàu để làm nơi nương náu cho gia đình ông cùng muông thú, mỗi loài một cặp. Khi con tàu hoàn thành, những trận mưa dữ dội bắt đầu trút xuống và nhận chìm cả thế giới trong biển nước. Suốt nhiều tháng liền, Noah và gia đình lắc lư theo cơn bão. Cuối cùng cơn mưa cũng dứt và Noah thả một con chim bồ câu cho nó bay đi và mang về một cành ôliu. Cây cối từ đấy hồi sinh trên mặt đất. Nước rút xuống, thả Noah cùng gia đình trên đỉnh Ararat, từ đó con người sinh sôi nảy nở trở lại trên Trái đất.

Chuyện kể này, phối hợp từ hai ghi chép ở thế kỷ thứ 8 và thứ 6 trước Công nguyên, bản thân nó có xuất xứ từ Sumer rồi sau đó là Babylone. Trong câu chuyện kể về đại hồng thủy của người Sumer, Noah có tên là Zjousoudra. Trong câu chuyện của người Babylone khắc trên những phiến đá nhỏ diễn tả sử thi Gilgamesh thì Noah mang tên là Outanapishtim.

• *Huyền thoại: từ thần Vishnu đến thần Cộng Công*

Nhiều thần thoại Ấn Độ cũng kể lại cùng câu chuyện. Ta có thể tìm thấy những câu chuyện này trong một số kinh thánh như *Satapatha Brahmana*, *Bhagavata Purana* và tất nhiên là cả *Mahabharata*. Theo các phiên bản khác nhau thì *Manu* (hay *Satyaavrata*) được thần *Vishnu* hóa thành cá thông báo là sắp xảy ra đại hồng thủy. Theo lời khuyên của thần *Vishnu*, con người khổ hạnh này đóng một chiếc tàu để làm nơi trú ngụ cho các loài vật sống trên Trái đất. Sau khi nước rút, ông bị mắc lại trên một ngọn núi. Trong một số phiên bản khác, con người khổ hạnh này thả cho một con chim bay đi, chốc sau chim quay về, mỏ ngậm một cành cây.

Chuyện kể trong Kinh Thánh

"Trận hồng thủy kéo dài bốn mươi ngày trên thế gian. Nước dâng lên, đưa tàu lên cao hơn cả mặt đất. Nước tràn khắp mặt đất và thuyền phải di chuyển trên đất liền. Nước ngày càng dâng cao khiến cho tất cả những ngọn núi cao dưới gầm trời đều bị nước bao phủ. Nước dâng cao hơn bảy thước nữa khiến ngọn núi cuối cùng cũng bị phủ lấp.

Tất cả sinh linh sống trên cõi trần đều chết cả: chim chóc, gia súc, thú hoang, tất cả những con vật chen chúc trên thế gian và tất cả loài người. Tất cả những loài có hơi thở cuộc sống ở trong mũi, tức tất cả những ai ở trên đất liền, đều chết cả.

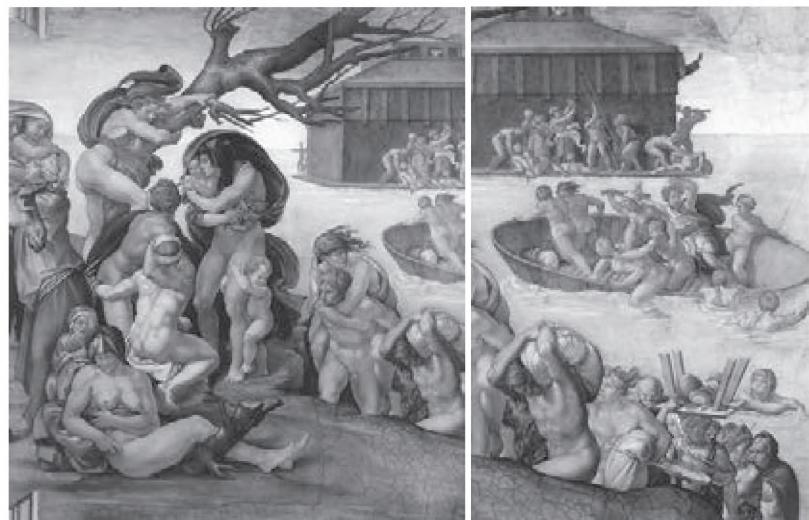
Vậy là tất cả mọi sinh vật sống trên mặt đất đều biến mất, từ người cho đến thú, gia súc, chim chóc ở trên trời. Chúng đều biến mất khỏi mặt đất, chỉ còn lại mỗi Noah và những sinh vật ở trên tàu cùng ông. Nước lũ tràn trề khắp mặt đất kéo dài suốt 150 ngày."

Sáng thế ký, VII, 17

Tất cả có 13 chuyện kể khác nhau về đại hồng thủy ở châu Á và 9 chuyện ở châu Đại Dương, chủ yếu là ở Úc. Trận đại hồng thủy của người Úc là do một thần ếch gây ra bằng cách uống tất cả nước trên mặt đất vào bụng rồi sau đó phun ra toàn bộ số nước này. Trong 14 phiên bản của Nam Mỹ, phần lớn đều kể nguồn gốc tai họa là do hai vị thần sinh đôi sáng lập thế giới gây ra: một trong hai người giật chân xuống đất làm nước bắn lên cao, phủ toàn bộ thế giới trong biển nước. Cả trong 7 câu chuyện kể của Trung Mỹ và 16 chuyện kể của Bắc Mỹ, tai họa này đều do mưa và lũ gây ra.

Cuối cùng, trong các câu chuyện kể của người Trung Hoa, ác thần Công Công lấy đầu húc gãy những chiếc cột chống trời. Thế là vòm trời vỡ ra và từ nơi đó tuôn ra những trận mưa trút nước nhấn chìm toàn bộ sự sống trên mặt đất.

Đại hồng thủy - Tranh của Cappella Sistina





Đại hồng thủy - Tranh sơn dầu tại Bảo tàng nghệ thuật Nantes của Léon Francois Comerre (1850-1916)

- **Có tìm thấy vết tích của trận đại hồng thủy không?**

Năm 1929, trong lúc khai quật các di chí cổ tại Ou - một thành phố cổ của Sumer - tiến sĩ Wooley phát hiện một lớp đất sét dày hơn 2m. Phân tích cho thấy đó là chất lắng lại sau khi nước rút đi. Dưới lớp đất sét có những vết tích của một nền văn minh còn cổ xưa hơn.

Sự gián đoạn này của lịch sử phải chăng do nước gây ra? Chiều dày lớp đất sét cho phép ta phỏng đoán là có một trận lụt lớn bất thường đã xảy ra ở đây. Ở Ninive, Babylone, Shourouppak, Orouk, Kish, Tello và Fara, nhiều công trình khai quật khác cũng

làm lộ ra lớp trầm tích tương tự. Lớp trầm tích đó phải chăng là bằng chứng của trận đại hồng thủy ghi trong Kinh Thánh?

- **Những trận đại hồng thủy liên tiếp**

Nhờ các phương pháp đo thời gian mà người ta biết rằng những lớp trầm tích đó là do nhiều trận lụt không cùng một thời đại. Căn cứ vị trí các lớp trầm tích này, có thể nói trước đây không chỉ xảy ra một trận đại hồng thủy mà có rất nhiều trận.

Khoa địa vật lý đã chứng thực cho giả thuyết này. Chuyện một trận đại hồng thủy nhấn chìm cả hành tinh là điều khó có thực, nhưng ta có thể hình dung ra một thời đại biến động trong đó xảy ra những hiện tượng thời tiết dữ dội lạ thường.

Lớp trầm tích được phát hiện có lẽ là vết tích của những trận nước lũ dâng trào mãnh liệt trên các con sông ở Lưỡng Hà.

Con tàu của Noah



- **Đâu là nguyên nhân gây ra nạn hồng thủy?**

Theo một số chuyên gia thì nguyên nhân là do một biển ở Trung Á đã bị một trận động đất lớn làm cạn, nước biển tràn sang các khu vực xung quanh.

Nhưng theo một giả thuyết hợp lý nhất thì đó là trận đại hồng thủy trải dài trên nhiều thế kỷ. Vào cuối thời kỳ băng hà, tức từ 10.000 năm đến 5.000 năm trước Công nguyên, trái đất nóng lên khiến băng tan chảy, gây ra sương mù và những trận mưa to như thác đổ.

sự sống ngoài trái đất



Có chăng sự sống ngoài trái đất?

Dến nay, ta chỉ thấy sự sống tồn tại duy nhất trên Trái đất. Tuy nhiên điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của chất “prebiotic” - một chất hóa học luôn xuất hiện trước khi sinh thể ra đời - thì không chỉ có trên Trái Đất.

- *Chỉ “đơn giản” là vấn đề hóa học thôi sao?*

Các chuyên gia về bầu trời tìm cách xác định xem phần nào trong vũ trụ có môi trường thuận lợi cho sự xuất hiện của những cơ cấu phức tạp đặc trưng cho sự sống. Sự hình thành các phân tử tham gia vào những cơ cấu này đòi hỏi một “chất kết dính” và một “chiếc kéo” tốt để có thể bắt đầu. Sự sống phải chăng chung quy chỉ “đơn giản” là vấn đề hóa học? Với các sinh thể trên Trái đất, “chất keo dính” được tạo thành từ các nguyên tử carbon dễ dàng kết nối với nhau và với các nguyên tố hóa học khác.

Vai trò của “chiếc kéo” do nước ở thể lỏng đảm nhiệm. Theo thuật ngữ hóa học, nước là một dung môi, tức một môi trường có thể làm tan và cũng có thể gắn kết. Trong một dung môi, các nguyên tử có thể liên kết với nhau để hình thành các phân tử và các phân tử gắn kết với nhau để tạo nên một kết cấu ngày càng phức tạp. Nhưng đồng thời các phân tử của dung môi cũng có thể ngắt các liên kết đó. Điều này cho phép những kết hợp mới, những trao đổi mới. Một sinh thể sống không phải là một kết cấu hóa học cố định.

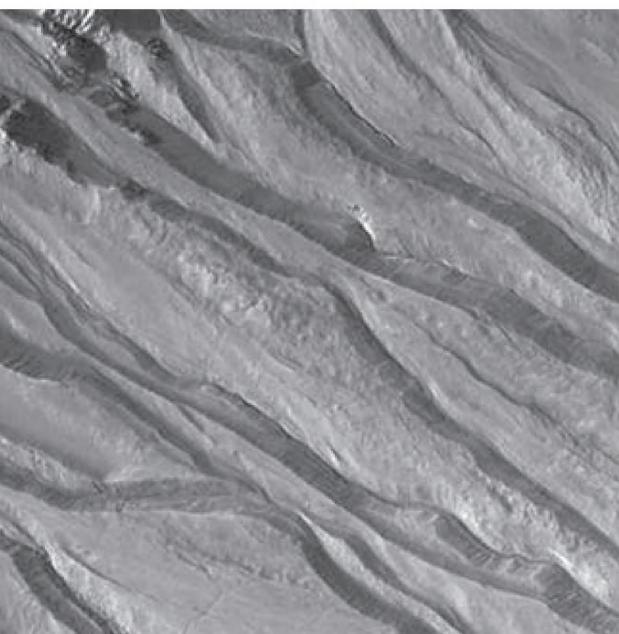
- *Silic với ammoniac hay carbon với nước?*

Đôi khi cũng phải tính đến việc hình thành sự sống đặt căn bản trên silic trong vai trò “keo dính” và ammoniac trong vai trò “chiếc kéo”. Nhưng việc hình thành sự sống dựa trên carbon và nước vẫn là con đường hiệu quả nhất để đạt được sự phức tạp và phong phú mà sự sống đòi hỏi.

Mà nước và carbon thì lại có rất nhiều trong vũ trụ. Các hợp chất hữu cơ đa dạng luôn tồn tại trong không gian giữa các vì sao lẩn ngay trong các sao chổi. Tuy nhiên, khó khăn lớn nhất vẫn là làm sao gấp được nước ở thể lỏng. Khả năng này có thể xảy ra trong các điều kiện nhiệt độ và áp suất cụ thể mà người ta nghĩ là chỉ tồn tại trên những hành tinh tương tự như Trái đất.

- *Sự sống nằm trên mặt sao Hỏa hay dưới mặt sao Hỏa?*

Theo quan điểm này thì sao Hỏa được xem là hành tinh có nhiều cơ may nhất. Đó là vì mọi thứ nhìn thấy được trên sao Hỏa đều khiến người ta nghĩ rằng cách đây 3 tỷ năm, hành tinh này đã từng



có một khoảng thời gian khí hậu tương tự như ở Trái đất. Nước đã từng chảy dồi dào trên bề mặt sao Hỏa. Biết đâu các vi sinh vật đã từ đó mà xuất hiện và phát triển?

Nước từng chảy trên bề mặt sao Hỏa, để lại những đường rãnh.

Trong giả thuyết này ta không loại trừ khả năng một số vi sinh vật còn sống sót sau hiện tượng thay đổi khí hậu dẫn đến việc nước thế lỏng bị biến mất. Các vi sinh vật này biết đâu vẫn đang ẩn mình trong một số vũng nào đó còn sót lại phía dưới bề mặt sao Hỏa?

- **Đại dương dưới lớp băng trên các hành tinh xa xôi**

Đáng kinh ngạc hơn nữa là tình trạng của Europa và Callisto, hai trong số các vệ tinh chính của sao Mộc. Hai hành tinh này có vẻ như ẩn giấu một đại dương chứa đầy nước lỏng và mặn bên dưới lớp băng bề mặt của chúng. Liệu có dạng sống nào thích nghi với các đại dương ngầm đó hay không? Không có gì là chắc chắn, nhưng giả thuyết đáng chú ý nhất là các hành tinh này ít ra cũng có điều kiện để cho chất prebiotic phát triển.



Bề mặt của Titan, mặt trăng chính của sao Thổ

Một ứng viên khác cho sự hình thành sự sống có lẽ là Titan, mặt trăng chính của sao Thổ. Hành tinh này rất lạnh nhưng cũng có nhiều điểm giống với hành tinh chúng ta: thành phần lớn nhất tạo nên khí quyển của nó cũng là nitơ và áp suất khí quyển nơi đó không cao hơn áp suất trên Trái đất là bao.

- **Có chăng sự sống bên ngoài Hệ Mặt trời?**

Về việc nơi nào bên ngoài Hệ Mặt trời có những điều kiện thuận lợi cho sự ra đời và phát triển của sinh vật sống thì câu trả lời có phần khó khăn hơn.

Từ năm 1995, việc phát hiện ra các hành tinh khổng lồ xung quanh các ngôi sao tương tự Mặt trời cho phép ta hy vọng là trên đó có những sinh vật tương tự như trên hành tinh chúng ta.

Tuy nhiên, lại không phải vậy. Các hành tinh này rất khác Trái đất. Bối cảnh tiến hóa của các hành tinh này khác xa với tất cả những gì mà ta tưởng mình đã biết, căn cứ duy nhất theo Hệ Mặt trời của chúng ta. Những phát hiện này vì thế buộc chúng ta phải thận trọng hơn là lạc quan.

Thiên hà



CHƯƠNG TRÌNH LẮNG NGHE TÍN HIỆU NGOÀI TRÁI ĐẤT

Một số nhà thiên văn đánh cược rằng bên ngoài Trái đất có những nền văn minh có công nghệ tân tiến đang sử dụng sóng vô tuyến để giao tiếp. Chính vì thế mà những nỗ lực đầu tiên lắng nghe tín hiệu ngoài Trái đất đã được xúc tiến trong thập niên 1960. Nó được tiếp nối sau đó dưới tên gọi là *chuong trinh SETI*, viết tắt của *Search for Extra Terrestrial Intelligence* tức Chương trình tìm kiếm trí tuệ ngoài Trái đất.

Tuy nhiên, việc nghe ngóng này bị nhiễu nặng bởi các tín hiệu phát ra từ Trái đất. Vì vậy trong tương lai việc tìm kiếm dấu hiệu của trí tuệ ngoài Trái đất có thể sẽ phải thông qua một hệ thống kính viễn vọng - vô tuyến đặt ở mặt sau của Mặt trăng, nơi không bị ảnh hưởng bởi mọi tín hiệu phát ra từ Trái đất nữa. Dự án này đang được nghiên cứu, nhưng không rõ đến khi nào mới xúc tiến được.

Cách duy nhất để ước đoán có sự sống ngoài Trái đất hay không chính là trực tiếp quan sát các tác dụng. Trên Trái đất, oxy trong khí quyển chỉ tồn tại được nhờ cơ chế quang hợp (quá trình tạo chất hữu cơ từ khí carbonic và nước trong không khí) giúp phóng thích oxy liên tục. Việc tìm ra oxy trong khí quyển của một hành tinh ngoài Hệ Mặt trời được cho là một chỉ dấu mạnh chứng tỏ có sự sống tồn tại.

Liệu các dự án nghiên cứu trong những thập niên tới có giúp ta trả lời được câu hỏi này không?

Con người không nên liên lạc với sinh vật ngoài trái đất

Ông hoàng vật lý Stephen Hawking cảnh báo những sinh vật ngoài địa cầu có thể tồn tại song nhân loại không nên tìm cách liên lạc với họ, bởi hậu quả có thể sẽ thảm khốc đối với chúng ta.

Ông nói: "Nếu sinh vật lạ viếng thăm địa cầu, hậu quả có thể giống như khi Columbus tìm thấy châu Mỹ, nghĩa là đẩy thổ dân bản xứ vào thảm họa diệt vong". Hawking cho rằng sinh vật ngoài trái đất có trình độ phát triển cao có thể xâm lược và thống trị những hành tinh mà họ phát hiện.

Loài người đã nhiều lần tìm cách liên lạc với những nền văn minh khác trong vũ trụ. Năm 2008, Cơ quan Hàng không vũ trụ Hoa Kỳ (NASA) phát sóng ca khúc "Across the Universe" của ban nhạc Beatles vào không gian để gửi thông điệp hòa bình tới các sinh vật ngoài Trái đất.

Trước đó, vào năm 1972 và 1973, Hoa Kỳ cũng lần lượt phóng hai tàu mang theo hình ảnh của một người đàn ông và một phụ nữ khỏa thân lên vũ trụ. Ngoài ra hai tàu còn mang theo cả những biểu tượng, ký hiệu nhằm giúp sinh vật ngoài hành tinh biết vị trí của Trái đất và Mặt trời. Vào năm 1977, Hoa Kỳ đã phóng hai tàu Voyager 1 và Voyager 2. Mỗi tàu mang theo một đĩa lưu trữ hình ảnh và âm thanh trên Trái đất.





Stephen Hawking tham gia thử nghiệm mô phỏng môi trường không trọng lượng trên một máy bay tại Mỹ vào năm 2007. Ông tận hưởng cảm giác không trọng lượng trong 25 giây.

Người ngoài hành tinh đã viếng thăm Nazca?

Phía Nam Peru là cao nguyên hoang mạc Nazca, nơi trên mặt đất có rất nhiều hình ảnh và hình vẽ hình học khổng lồ chỉ có thể nhìn thấy từ trời cao.

- *Một “di chỉ khảo cổ” bằng cảnh quan*

Phải chờ đến năm 1927 tức 1.000 năm sau khi thổ dân da đỏ Nazca biến mất, một phi công Peru mới tình cờ phát hiện ra những hình vẽ kỳ lạ đến khó tin trên mặt đất cách Lima 400km và cách bờ biển Thái Bình Dương 50km. Nhà khảo cổ người Mỹ Paul Kosok là người đầu tiên muốn tìm lời giải đáp cho các hình vẽ kỳ lạ này. Ông đến tận hiện trường vào năm 1939.

Trải dài trên diện tích hơn 500km², các hình vẽ Nazca được vạch trên lớp đá mỏng sậm màu trên sa mạc, để lộ ra phần đất màu sáng. Người ta xác định có ba dạng hình. Dạng thứ nhất là những hình thẳng, hình ngoằn ngoèo hay hình xoắn ốc dài đến 5km. Dạng thứ nhì là những hình vẽ hình học trông như những dải băng lớn giống các “đường băng”. Dạng thứ ba mang hình dạng thú vật với chiều dài thường là trên 150m.

Trên sườn đồi núi dọc sa mạc Nazca là những hình người mà người ta cho là người Paraca, tiền nhân của người Nazca, do họ có cấu tạo khác với người Nazca và trông cổ xưa hơn những người Nazca trong vùng.

- *Một tuyệt phẩm chỉ có thể nhìn thấy từ trời cao*

Các hình vẽ mang đường nét hình học này bỗng nhiên thoát

khỏi lớp bụi năm tháng để trở nên nổi tiếng là nhờ công lao của bà Maria Reiche, một nhà toán học Đức. Từ năm 1945 bà cống hiến cả cuộc đời cho việc nghiên cứu hiện tượng này, bắt đầu bằng việc phụ tá cho giáo sư Paul Kosok. Trong suốt quãng thời gian đó, bà chia đều thời gian của mình cho việc nghiên cứu các hình vẽ và trao đổi với vị giáo sư.

Người Nazca làm thế nào có thể vẽ ra những hình ảnh hoàn hảo đến thế mà không cần nhìn thấy chúng (từ trên không)? Bà Maria Reiche khẳng định đó là do họ phóng to các hình mẫu mà bà tình cờ tìm thấy dấu vết bên cạnh một số hình vẽ thú vật.

- ***"Quyển sách thiên văn vĩ đại nhất"***

Cũng như giáo sư Paul Kosok, bà Maria Reiche nghĩ rằng các đường thẳng là một dạng lịch thiên văn. Quả thực những đường này khi giao nhau thường tạo thành những mô-típ Mặt trời. Dạng lịch này rất cần cho sản xuất nông nghiệp và giúp người Nazca tính toán ngày tháng của từng mùa.

Sau khi nghiên cứu trên vỉ巾 năm 1968, nhà thiên văn học người Mỹ Gerald Hawkins (nổi tiếng nhờ lý giải việc sắp xếp công trình tượng đài cự thạch Stonehenge theo thiên văn) cũng công nhận rằng nhiều hình vẽ của người Nazca, mặc dù không phải tất cả, giúp ta có thể quan sát các điểm chí và các hiện tượng thiên văn khác.

Qua nghiên cứu bình đồ các hình vẽ hình học và hình thú, nhà dân tộc học Simone Waisbard cùng con trai là Jack (một chuyên gia tin học) lại tin rằng đó chính là lịch khí tượng hay nói đúng hơn là nhiều bộ lịch chồng lên nhau trong suốt nhiều thế kỷ. Điều này cho phép giải thích nhiều thứ, ví dụ việc một "đường băng" được vẽ chồng lên hình một con chim tuyệt đẹp dài hơn 100 mét.



Các hình vẽ ở Nazca quả là những kiệt tác. Một công trình của người ngoài hành tinh hay đơn giản chỉ là lịch mặt trời?

- ***Hay một công trình tôn giáo rộng lớn không vách ngăn?***

Nhà thám hiểm người Anh Tony Morrison, một chuyên gia khác về Nazca, thì lại dựa vào tập quán và tôn giáo của người Nazca để gán cho các hình vẽ ý nghĩa tôn giáo. Theo ông thì các đường vẽ là những con đường thiêng liêng gắn kết các bệ thờ (được vật chất hóa bằng nhiều đồi đá nối nhau bởi các đường vẽ), với các hình vẽ thể hiện lòng kính đỗi với thánh thần. Còn các “đường băng” lớn là những nơi tụ họp để hành lễ.

Vì thế các vùng *pampa* (thảm nguyên) ở Nazca nếu không sử dụng làm bãi đáp cho phi thuyền của người ngoài hành tinh thì cũng được dùng làm trung tâm hành lễ lớn và là nơi thờ phụng của các thầy tu sống ở thành phố Cahuachi gần đó.

NGƯỜI NAZCA

Dân tộc bí ẩn này có vẻ như đã từng trải qua thời kỳ cực thịnh ở những thế kỷ cuối trước Công nguyên trước khi suy thoái để rồi đến khoảng năm 900 thì bị đồng hóa bởi những người đến từ cao nguyên Andes.

Người Nazca nổi tiếng với nghề làm đồ gốm nhiều màu sắc. Qua các đồ gốm ta có thể biết rõ đời sống của họ. Sự giống nhau giữa một số hình vẽ trên đồ gốm với hình vẽ trên bình nguyên cho phép ta tin họ là tác giả của những hình vẽ bí ẩn trên mặt đất.

Là những nông dân định canh, người Nazca sinh sống trong các thung lũng ở bờ Nam Peru. Họ xây dựng nhiều thành phố, trong số đó thành phố lớn nhất là Cahuachi. Họ rất ít sử dụng kim loại trong đời sống.

Khi có ai đó qua đời, người Nazca ướp xác và chôn họ trong những ngôi mộ hình trụ đứng cùng với đồ dùng và y phục của họ. Khi bắt được kẻ thù, người Nazca chém đầu họ và lập đàn hiến tế những chiếc đầu bị chặt mà theo họ ẩn chứa sức mạnh to lớn của đối phương.



Dân tộc Nazca nổi tiếng với nghề gốm.
Món đồ gốm này mang những họa tiết
tương tự với những họa tiết của các đường
vẽ trên bình nguyên.

NHỮNG HÌNH VẼ KỲ LẠ CỦA THẾ GIỚI MỚI

Nếu như những hình vẽ ở Nazca được xem là nổi tiếng nhất về thể loại này tại châu Mỹ thì ở nhiều nơi khác cũng xuất hiện những hình vẽ khổng lồ trên cảnh quan.

Ở vịnh Pisco tại Peru có hình vẽ một “cột đèn” khổng lồ do người Paraca tạo ra.

Xa hơn ở phía nam là sa mạc Atacama thuộc Chile. Tại thung lũng Liuta, ta có thể nhìn thấy các hình thú, hình tròn, hình xoắn ốc và hình người bay được vẽ bằng đá trên sườn núi. Nhưng tác phẩm đẹp nhất chính là hình người khổng lồ Atacama cao 120m ở Sierra Unica. Giống như các hình vẽ ở Nazca, hình này được bao bọc xung quanh bởi một hệ thống đường kẻ và “đường băng”.

Ở Bắc Mỹ, người ta tìm thấy trên một sa mạc gần thành phố Blyth ở California ba nhóm hình người và hình thú trong đó nhóm hình lớn nhất cao đến 51m. Những hình vẽ này chỉ có thể nhìn thấy từ trời cao và chỉ mới được phát hiện năm 1932.



*Những hình
vẽ bí ẩn ở sa
mạc gần Blyth,
California được
gọi là intaglios.*

Đĩa bay đồ bộ

Ngày 24 tháng 6 năm 1947, lúc bay ngang qua 9 chiếc đĩa bay ở Đông Nam thành phố Seattle, Kenneth Arnold không biết rằng ông sẽ lưu danh hậu thế qua cuộc “gặp gỡ” này. Khi quay trở về, ông thuật lại câu chuyện về những “chiếc đĩa biết bay” và kể từ đó cụm từ “đĩa bay” luôn hiện trên các tit lớn của mọi tờ báo trên thế giới.



Đại úy Kenneth Arnold bên cạnh hình minh họa một trong 9 chiếc đĩa bay mà ông cho rằng mình đã nhìn thấy.

• Một nhân chứng đáng tin và những sự việc dồn dập

Có thấy mới tin. Chuyện xảy ra vào một ngày quang đãng trên dãy Rocheuses và nhân chứng là một kỹ sư. Do là một phi công kỳ cựu nên không thể nói là nhân chứng này bị đánh lừa giữa ban ngày bởi một hiện tượng tự nhiên trên không. Tin tức lan nhanh ra toàn thế giới và thứ mà người ta nhanh chóng gọi tên là những

“vật thể bay không xác định” đã trở thành một trong những đề tài bí ẩn lớn của giới báo chí ở hậu bán thế kỷ 20.

Quả thực trong thời gian xảy ra Thế chiến thứ hai rất nhiều người đã nhìn thấy đĩa bay. Cả hai phe đối địch đều nói về những chiếc “máy bay ma”. Đến năm 1946 thì nhiều người bắt đầu nhìn thấy đĩa bay ở Bắc Âu. Sau đó, trong giai đoạn 1947-1948, hiện tượng này xảy ra thường xuyên hơn và để lại nhiều hậu quả bi đát. Sau cái chết của đại úy Mantell, người được cho là bị một UFO giết chết, lực lượng không quân Hoa Kỳ buộc phải phản ứng.

- **Hàng loạt cuộc điều tra để có những báo cáo kết luận trước**

Hàng loạt ban điều tra được cử đi với nhiệm vụ chính thức là điều tra hiện tượng đĩa bay nhưng kỳ thực họ được phái đi chỉ để... chứng minh đó chỉ là ảo giác. Ban điều tra nổi tiếng nhất là Ban Dự án sách xanh (*Project Blue Book*). Ban này ngưng hoạt động vào năm 1969, sau khi một ủy ban khoa học dân sự mang tên Condon kết luận rằng không có “UFO”.

Đám mây hình thấu kính, một dạng hiện tượng thời tiết, có thể bị nhiều người nhầm lẫn với “đĩa bay”.



NGƯỜI NGOÀI HÀNH TINH HUNG ÁC PHẢI CHẶNG LÀ MỘT ẨN DỤ CHÍNH TRỊ?

Điều dễ nhận thấy là số người chứng kiến các hiện tượng ngoài hành tinh tăng lên rõ rệt từ thập niên 1950, nhất là ở Hoa Kỳ. Đây là thời kỳ căng thẳng tột độ giữa hai thế giới Đông - Tây, nhất là giữa Hoa Kỳ và Liên Xô, một thời kỳ mà ta gọi là “chiến tranh lạnh”. Do đó, việc quân đội Mỹ nín lặng trước các “vật thể bay” có thể diễn dịch là do họ cho rằng có khả năng đó là vũ khí bí mật của quân thù (nếu như không phải là những thí nghiệm của chính họ).

Về phương diện chính trị, chính quyền Mỹ thời đó sở dĩ cử các ban điều tra đi là nhằm xua tan các hoạt động được xem là “chống Mỹ”. Dưới sự chủ trì của nghị sĩ McCarthy (tên của ông được lấy đặt cho chủ nghĩa *mccarthysm*, ngụ ý thời kỳ nắn gân chính trị này), các ban điều tra bước vào một cuộc chiến mà những người chống đối gọi là “cuộc săn phù thủy”. Những con quỷ bị săn đuổi ở những thế kỷ trước nay xuất hiện trở lại dưới một hình thái khác và dưới một tên gọi khác như “những kẻ phản bội dân tộc Mỹ”, “bọn đẻ”, “những kẻ thù bên trong”...

Một số nhà làm phim Mỹ đã không hề bị lừa mị. Năm 1956, Don Siegel thực hiện một bộ phim mang tên *Invasion of the Body Snatchers* (tạm dịch là “Cuộc xâm lăng của những kẻ lấy cắp thể xác”). Nội dung phim nói về những mầm cây xanh ngoài hành tinh rơi xuống Trái đất và phát triển trong những cái kén khổng lồ rồi từ những chiếc kén đó nở ra những sinh vật tuy mang hình người nhưng thực chất lại do một sức mạnh bên ngoài hành tinh điều khiển. Như vậy, qua ẩn dụ đó, Don Siegel đã ngụ ý người ngoài hành tinh trước hết là hiện thân của kẻ thù, mặc dù nhà làm phim dụng lén kịch bản này nhằm tố cáo các phương pháp của chủ nghĩa *mccarthysm* mà chính quyền Mỹ đang áp dụng.

Nhưng từ trước khi kết quả này được công bố thì giới báo chí đã cho đăng một báo cáo mật chứng minh rằng ngay từ đầu Tiến sĩ Condon đã được giao nhiệm vụ kết luận là “không có đĩa bay”. Báo cáo mật này chính vì thế đã vô hiệu hóa báo cáo của Tiến sĩ Condon. Ngoài ra, các nhân viên quân đội và chuyên viên khoa học của Dự án sách xanh lúc đầu vốn rất nghi hoặc nhưng dần dần cũng bị thuyết phục bởi những thực tế mà họ thoát đầu muốn bác bỏ. Nhiều ban điều tra của châu Âu và của các quốc gia phương Đông (Liên Xô cũ) cũng được cử đi tìm hiểu sự kiện này và đều được chính phủ nước họ trông đợi sẽ kết luận là “không có đĩa bay”. Vấn đề UFO được đề cập nhiều lần bởi quốc hội các nước trong đó có Anh, Pháp, đồng thời cũng được nêu ra cả ở Liên Hiệp Quốc. Tuy nhiên chưa nơi nào có thể đưa ra lời kết luận mang tính thuyết phục. Sự tồn tại của những UFO là điều mà những người duy lý không thích thú gì, vì vậy đã diễn ra nhiều cuộc tranh cãi gay gắt.

- ***UFO có phải là đối tượng nghiên cứu khoa học?***

Theo phân tích của Giáo sư Hynek - giám đốc đài quan sát nguyên tử đồng thời là chuyên gia của không quân Hoa Kỳ về các vấn đề liên quan đến UFO trong suốt gần 20 năm - thì hiện tượng này tỏ ra “quá kỳ lạ, khó chấp nhận và quá phiền phức cho nên không chỉ giới khoa học mà cả giới chính trị cũng chỉ dành cho nó sự quan tâm hời hợt”.

Thái độ dè dặt hay kiên quyết bác bỏ này dẫn đến một hệ quả xấu là tạo điều kiện cho các cá nhân hay nhóm cá thể mặc sức tung hoành. Điều này có nghĩa là bên cạnh các nghiên cứu nghiêm túc của một số nhà khoa học không bị vướng víu bởi thành kiến còn có cả những diễn dịch hoang tưởng, đôi khi mang màu sắc giáo

UFO là gì?

Trong phần lớn trường hợp thì đó là một vật cúng hoặc một vật phát sáng (hoặc cả hai) xuất hiện trên không trung mà những ai nhìn thấy đều không biết hoặc không nhận ra đó là vật gì. Phần lớn mọi người đều diễn giải sai lệch khi nhìn thấy các vật thể đó. Họ thường tưởng lầm các hành tinh và các ngôi sao sáng, các thiên thạch, vệ tinh nhân tạo bay vào không gian, vv... là những vật thể bay từ nơi khác đến. Chỉ một số ít người đưa ra những quan sát chính xác và thận trọng.

Trong các “cuộc gặp gỡ cự ly gần, loại một”, các UFO xuất hiện rất gần các nhân chứng nhưng không hề tác động đến họ hay đến môi trường xung quanh.

Trong các “cuộc gặp gỡ loại hai”, các UFO có thể gây nhiễu loạn điện từ hay gây ra những điều gì đó như làm thay đổi tình trạng nhận thức của nhân chứng (khiến họ như bị thôi miên) hoặc để lại dấu vết trên mặt đất.

Còn với các nhân chứng khẳng định (hay tưởng tượng) đã chạm được vào “những người trong đĩa bay” (hay bị “bắt cóc”) thì người ta gọi đó là “cuộc gặp gỡ loại ba”.

Ở cả ba loại gặp gỡ này, trước hết phải tính đến khả năng nhân chứng bị ảo giác hay có ý lừa phỉnh, và nhiệm vụ của các nhà điều tra là tìm hiểu điều này. Tuy nhiên, theo ước tính của giáo sư Hynek, cố vấn khoa học của Ủy ban Dự án sách xanh, thì trong số các trường hợp chuyển đến lực lượng không quân Hoa Kỳ từ năm 1948 đến năm 1969 thì có đến 640 trường hợp hoàn toàn không thể lý giải.

Từ “đĩa bay” hay “UFO” đã ra đời sau chuyến bay của Kenneth Arnold năm 1947.



phái đối với những thứ được gọi là “thông điệp của người ngoài hành tinh”. Những diễn dịch loại này bùng nổ bởi lẽ chỉ có những chương trình nghiên cứu “sinh học ngoài Trái đất” (tức tìm kiếm các dạng sống ngoài Trái đất) mới được chính thức công nhận.

Như nhà xã hội học Pierre Lagrange đã viết: “Câu chuyện dài về các UFO là câu chuyện về một hiện tượng không hy vọng có lời giải đáp vào lúc này và rủi ro thay lại bị các tạp chí lá cải quá quan tâm, trước cả khi người ta kịp nghĩ đến việc thực hiện một chương trình nghiên cứu”.

Sinh vật ngoài trái đất ở Roswell

Chiều ngày 2 tháng 7 năm 1947, các nhân chứng nhìn thấy một đĩa bay xẹt ngang bầu trời sau đó một phần đĩa bay nổ tung khi bay ngang một trang trại gần thị trấn Roswell ở bang New Mexico, Hoa Kỳ. Đến ngày 8 tháng 7 thì quân đội đưa ra thông báo khẳng định họ đang giữ các mảnh vỡ của một vật thể bay không xác định và sẽ phụ trách vụ việc này.

- *Từ thông báo chính thức cho đến việc tái điều tra cũng chính thức*

Thông báo này là sự thừa nhận chính thức của chính phủ Hoa Kỳ về sự hiện hữu của vật thể bay không xác định (UFO - Unidentified Flying Object), điều mà từ trước đến nay họ vẫn luôn bác bỏ. Chẳng bao lâu sau, lực lượng không quân Hoa Kỳ đã phải hối tiếc vì điều này: sau ngày ấy, các thông tin loại này được xếp vào dạng “tối mật” như được đề nghị trong một bức thư của thượng nghị sĩ Barry Goldwater.

- *UFO gặp nạn*

Khi vật thể sáng này bay ngang bầu trời, nó đã làm cho cả New Mexico xôn xao bàn tán suốt một tuần lễ sau đó. Lúc bay ngang trang trại của McBrace, chiếc đĩa như thế bị sét đánh trúng. Nhiều mảnh vỡ của nó văng ra và bắn tung tóe xuống mặt đất. Tuy nhiên nó vẫn bay tiếp một đoạn trước khi rớt xuống gần thành phố Magdalena cách đó hơn 250km. Do người chủ trang trại chậm thông báo với chính quyền nên mãi đến ngày 6 tháng 7 thiếu tá Jesse A. Marcel - sĩ quan phụ trách thông tin ở căn cứ Roswell - và

nhân viên phản gián Cavitt mới đến hiện trường. Họ nhìn thấy ở đó rất nhiều mảnh vỡ. Những mảnh vỡ này đều bằng chất liệu nhẹ, cứng và rất chắc. Trên một số mảnh có ghi những ký hiệu khó hiểu. Trong số đó có một mảnh lớn hơn các mảnh khác và có hình thể khá tròn với đường kính khoảng 3m. Ngay ngày hôm đó, một số mảnh vỡ này được gửi đến Washington qua căn cứ Fort Worth ở bang Texas. Người nhận là tướng McMullen, phụ tá của tướng Vanderberg, tham mưu trưởng không quân Hoa Kỳ.

Ngày 8 tháng 7, quân đội đưa ra một thông tin báo chí khiến cánh nhà báo sôi sục. Để làm dịu tình hình, tướng Ramey - tư lệnh trung đoàn không quân số 8 ở Fort Worth - đã đưa ra một

BÍ MẬT TUYỆT ĐỐI: NGAY CẢ TỔNG THỐNG HOA KỲ CŨNG KHÔNG ĐƯỢC BIẾT

Vào đầu thập niên 1950, do tò mò trước dư luận về việc bắt được một UFO cùng những người bên trong đó, tổng thống Hoa Kỳ Dwight Eisenhower đã cho mở một cuộc điều tra riêng. Sau đó, không hề thông báo trước cho bất kỳ ai, ông đã nhân chuyến đi California, tạt qua căn cứ Edwards để xem "xác con tàu", khiến cho cả nước đồn ầm lên là ông đã qua đời...

Việc một nhân vật đứng đầu một quốc gia như Hoa Kỳ mà còn phải đến một nơi xa xôi để tìm hiểu thông tin về đĩa bay có thể lý giải là do thời đó mọi người luôn bị ám ảnh bởi việc giữ bí mật. thậm chí một số thông tin còn bị cấm tiết lộ ngay với chính nguyên thủ quốc gia. Tương tự như Eisenhower, bảy năm trước đó, giám đốc FBI Edgar Hoover cũng đã từng than phiền trong một bản ghi nhớ là ông đã không tiếp cận được những chiếc đĩa mà - theo cách nói của ông - "quân đội đã túm được".



Quân đội Mỹ
đang nhận dạng
phần còn sót
lại của quả cầu
thám không mà
một chủ trang
trại tìm thấy gần
thị trấn Roswell.

văn bản cải chính nói rằng những mảnh vỡ đó là của một quả cầu thám không. Đây là một hành động đánh lạc hướng mà ông Marcel thừa nhận năm 1979 sau khi lên chức trung tá. Cũng vào ngày này năm 1947, một chiếc máy bay từ Washington đưa đội giám sát việc thu lượm mảnh vỡ đến hiện trường tại Roswell. Bốn chiếc túi chứa mảnh vỡ được thiếu tá Marcel đưa đến Fort Worth. Những chiếc túi khác được gởi bằng máy bay đến Wright Field thuộc bang Ohio.

- *Phải chăng đó là phi thuyền của người ngoài không gian?*

Nhưng chuyện gì đã xảy ra với phần còn lại của vật thể bay này? Kỹ sư Barnett, một nhân chứng từ Magdalena đến hiện trường vào sáng ngày hôm sau sự kiện (tức ngày 3 tháng 7) khẳng định là ông phát hiện thấy một chiếc đĩa có đường kính từ 8 đến 10m cùng với

NGƯỜI TRONG ĐĨA BAY Ở ROSWELL

Chỉ có vài lời chứng rợn rạc của những bác sĩ (đã được giấu tên) tham gia giải phẫu tử thi những người trên “đĩa bay”. Nhà nghiên cứu Leonar Stringfield đã đúc kết những lời này lại để đưa ra hình ảnh sau đây về những “viên phi công” ngoài hành tinh: cao từ 1m đến 1m ruồi, đầu hói và to hơn đầu người thường, mắt to hơi xếch nằm cách xa nhau, không có vành xung quanh lỗ tai, không có mũi, miệng thì chỉ đơn giản là một cái khe, tay chân rất mảnh khảnh, bàn tay có 4 hoặc 5 ngón và có lớp màng giữa các ngón tay, da xù xì và xám xám, chưa xác định được nhóm máu.

Chân dung này được lập ra theo mô tả của tiến sĩ y khoa Weisber, chuyên viên phân tích kim loại qua hình ảnh Nicholas von Poppen (được tuyển vào quân đội để chụp ảnh hiện trường), và của trung sĩ Melvin E. Brown (thành viên đội phụ trách thu lượm phần xác “đĩa bay”).



Một mô phỏng về người ngoài hành tinh tìm thấy ở Roswell.



Ảnh trích từ đoạn phim bị tuồn ra ngoài về cuộc giải phẫu tử thi người ngoài hành tinh ở Roswell.

4 xác chết. Đó là những sinh vật hình người có vóc dáng nhỏ bé và mặc y phục mảnh mai màu xám. Tuy nhiên, quân đội đã đến phong tỏa khu vực này, ngăn không cho Barnett cùng những người trong đội nghiên cứu khảo cổ của đại học bang Pennsylvania làm việc, đồng thời yêu cầu họ giữ im lặng chuyện này. Chiếc tàu lạc từ không gian tới cùng các xác chết nhanh chóng được chuyển về căn cứ Edwards ở California để xem xét.

Đến cuối năm 1954, các phần còn sót lại của UFO được chuyển đến căn cứ Wright-Patterson ở Ohio, nơi người ta tìm thấy các mảnh vỡ cùng những thi thể khác vào cuối thập niên 1940. Đến năm 1978, một phần thân tàu và các thi thể lại được chuyển đi lần nữa, lần này có lẽ là đến trung tâm CIA ở Langley.

- **Hệ quả của “chiến tranh lạnh”**

47 năm sau, vào ngày 8 tháng 9 năm 1994, lực lượng không quân Hoa Kỳ đưa ra một báo cáo mới bắt đầu bằng những dòng như sau:

“Hôm nay, thư ký của lực lượng không quân [...] đã tuyên bố hoàn tất việc nghiên cứu [...] nhằm tìm các tài liệu lưu trữ để giải thích một việc xảy ra liên quan đến UFO năm 1947. Những nhà nghiên cứu ủng hộ giả thuyết UFO cho biết một phi thuyền ngoài Trái đất và những người bên trong đó đã được tìm thấy vào tháng 7 năm 1947 gần thị trấn Roswell thuộc bang New Mexico và sự kiện này không được tiết lộ ra công chúng.”

Báo cáo này giải thích vật thể bay đó thật ra là một khinh khí cầu. Khinh khí cầu này được chế tạo tinh vi hơn các khinh khí cầu khác trong khuôn khổ “dự án Mogul”, một dự án nghiên cứu quân sự “tối mật”. Mục đích của quân đội Mỹ là dò tìm ở tầng thượng lưu các sóng âm thanh gây ra bởi các vụ thử nghiệm bom nguyên tử của Liên Xô. Mà vào năm 1947, tức ngay giữa thời kỳ chiến tranh lạnh, các thí nghiệm loại này phải giữ bí mật tuyệt đối không để cho người Xô-viết biết rằng việc nghiên cứu hạt nhân của họ lại có thể bị do thám từ một nơi xa đến thế.

- **Tiết lộ mới**

Nhưng còn thi thể của các sinh vật ngoài Trái đất thì đã biến đi đâu? Quả thực là các nhân chứng tại hiện trường nơi xảy ra vụ “rót đĩa bay” năm 1947 đều khẳng định đã nhìn thấy các xác chết. Đến đầu năm 1995, một diễn biến bất ngờ đã xảy ra: một đạo diễn cho biết đã tìm thấy đoạn phim quay lại cuộc giải phẫu tử thi của một sinh vật ngoài Trái Đất bị rơi ở Roswell. Đạo diễn này sau đó

đã bán bản quyền đoạn phim trên cho 27 kênh truyền hình. Theo ông ta thì đoạn phim tư liệu này được tuồn ra bởi Jack Barnet, một nhà quay phim trong quân đội Mỹ. Trong phim, ta thấy một người ngoài hành tinh có 6 ngón ở mỗi bàn tay, một cái đầu to và không có rốn... Trong hai ngày 19 và 20 tháng 8 năm 1995, đoạn phim này được đưa ra công chiếu tại hội nghị các nhà nghiên cứu UFO, tuy nhiên ngay cả những người này cũng cho đây là phim giả. Mà quả thực trong quân đội Mỹ không có nhà quay phim nào tên Jack Barnet mà chỉ có một người tên Jack Barret, nhưng ông này đã qua đời từ lâu. Chiếc bàn mổ trong phim cũng không giống với bàn mổ... Còn người đạo diễn thì lại không thể chứng ra bất kỳ bằng chứng nào chứng minh nguồn gốc của đoạn phim tư liệu đó...

Thế là sự việc vật thể ngoài Trái đất ở Roswell và những tiết lộ mới đã chuyển từ lĩnh vực vật thể bay sang lĩnh vực chính trị quân sự và trở thành mối cuộc tranh biện xã hội cùng với sự kết tinh của những nỗi sợ hãi hiện đại mà người ta thường gọi là hội chứng *Hổ sơ X*. Lọt vào bàn tay của báo giới, nó đã trở thành một huyền thoại mới của thời hiện đại.

Dự báo diệt vong của Trái đất

Khó mà đoán trước được số phận của Trái đất về lâu về dài. Theo các nhà khoa học thì Trái đất hoặc là sẽ tan biến mất thành sương khói hoặc là ngược lại, tất cả các đại dương trên Trái đất đều đóng băng...

- *Cái chết không tránh khỏi của Mặt trời dẫn đến sự diệt vong của Trái đất*

Ra đời cách đây 4,6 tỷ năm từ một đám mây khí, bụi và tinh thể đá, Hệ Mặt trời sẽ không thể nào mãi tồn tại. Từ đây đến 5 hay 7 tỷ năm nữa, Mặt trời sẽ cạn kiệt hydro. Do áp suất và nhiệt độ ở tâm Mặt trời tăng lên, lớp vỏ khí của nó sẽ giãn nở rất nhanh và biến thành một ngôi sao gọi là “sao khổng lồ đỏ”. Các lớp bên ngoài sẽ nguội đi nhưng vẫn phình to ở mức độ đủ lớn để thuỷ tóm và nuốt gọn Trái đất. Sức nóng Mặt trời sẽ hủy diệt sự sống trên Trái đất trong khoảng 3 tỷ rưỡi năm nữa.

Do không thể duy trì phản ứng nhiệt hạch nên cuối cùng Mặt trời sẽ sụp vào chính nó, biến thành một loại ngôi sao khác gọi là “sao lùn trắng” với kích thước không lớn hơn Trái đất là bao. Mặt trời sẽ trở nên lạnh lẽo giống như các hành tinh xoay quanh nó.

- *Sẽ xuất hiện kỷ băng hà mới...*

Mới đây người ta đưa ra các giả thuyết giúp ta hình dung ra số phận của Trái đất theo hướng hoàn toàn khác hẳn, theo đó có thể một trong những hành tinh thuộc Hệ Mặt trời bị một ngôi sao đi ngang qua kéo theo làm thay đổi quỹ đạo của nó. Chỉ cần quỹ đạo sao

Mộc hơi
thay đổi một
chút là Trái đất
sẽ có nguy cơ bị đẩy
vào không gian hay, ngược
lại, bị đẩy về phía Mặt trời. Trong
trường hợp đâu, sự sống vẫn có thể
tiếp diễn ở gần nơi có những nguồn thủy
nhiệt nằm sâu dưới đáy đại dương, mà các đại
dương thì khoảng một triệu năm nữa mới
đóng băng.

Rủi thay, sự kiện này chỉ có một phần
trăm ngàn cơ may là sẽ xảy ra trong 3,5 tỷ
năm tới.

• ... hay hiện tượng cái nóng hủy diệt?

Ngược lại, nếu nhiệt độ tăng lên thì “chỉ” một tỷ năm nữa thôi là toàn bộ các đại dương sẽ biến mất. Trái đất thậm chí sẽ bắt đầu gặp rắc rối sớm hơn 500 triệu năm do lượng CO₂ trong không khí sụt giảm. Sức nóng khiến các cacbonat (chất khoáng hình thành từ khí CO₂) kết tủa trong nước dễ dàng hơn và do đó hút nhiều CO₂ hơn. Trong 500 triệu năm nữa, do không đủ cacbon nên rừng cây và nương rẫy sẽ không thể tiến hành quang hợp. Một số cây nhiệt đới cho dù có sống sót nhưng số lượng của chúng cũng không đủ để nuôi dưỡng sinh quyển.

Còn đối với hiệu ứng nhà kính hiện đang góp phần duy trì nhiệt độ trung bình giúp duy trì sự sống trên Trái đất thì hiệu ứng này cũng chỉ giúp con cháu chúng ta sống thêm vài triệu năm nữa thôi.

• Nếu Trái đất ngừng quay...

Thêm một giả thuyết khác. Người ta nhận thấy tốc độ quay của Trái đất đang từ từ chậm lại và nhiều cơ chế đang được đưa ra để giải thích điều này. Chính ma sát giữa lõi

Từ đây cho đến 5 - 7 tỷ năm nữa,
Mặt trời sẽ biến thành một ngôi sao
được gọi là “sao khổng lồ” và
ngày càng nguội đi.

và vỏ Trái đất đang làm thay đổi vận tốc quay của hành tinh. Khi ma sát trở nên rất lớn thì Trái đất sẽ bị chặn lại vô phương cứu vãn nổi. Tuy nhiên, việc lượng tính hiện tượng này vẫn còn khá kém.

Dù vậy, người ta cũng đã tính được rằng cứ mỗi thế kỷ Trái đất sẽ quay chậm đi hai phần ngàn giây xung quanh trục của nó. Như vậy, nếu như ở đầu kỷ cacbon cách đây 350 triệu năm, một năm có đến 400 ngày và mỗi ngày có 22 giờ thì hiện nay mỗi năm chỉ còn 365 ngày và mỗi ngày dài 24 giờ. Trong một tỷ năm nữa, mỗi ngày sẽ có gần 30 tiếng và mỗi năm có 290 ngày. Nhưng bù lại, ta biết được ảnh hưởng của thủy triều. Trên Trái đất, thủy triều thể hiện ở mức nước cao tối đa khi nằm ở khu vực đối diện với Mặt trăng và khu vực đối xứng với nó qua đường kính, đặc biệt khi Trái đất, Mặt trăng và Mặt trời nằm thẳng hàng nhau. Ở mức độ thấp hơn, thủy triều cũng tác động đến vỏ Trái đất và khí quyển. Chúng tạo ra những dải đậm hình thành nên một mômen hối chuyển làm chậm sự quay của Trái đất trong khi rời xa Mặt trăng. Chính vì thế mà khoảng cách giữa Trái đất và Mặt trăng mỗi năm cứ tăng lên vài cm, và cuối cùng thì cũng sẽ đến ngày mà Mặt trăng thoát khỏi sức hút của Trái đất.

• ...hoặc nếu Trái đất ngả nghiêng

Khi mất đi vệ tinh của mình, Trái đất sẽ quay ngày càng chậm hơn và có nguy cơ bị ngả nghiêng... Độ chêch của Trái đất, tức độ nghiêng của mặt phẳng xích đạo so với mặt phẳng quỹ đạo, sẽ liên tục thay đổi dưới ảnh hưởng của nhiều nhân tố khác nhau. Hiện nay, độ nghiêng của Trái đất là $23,3^\circ$, và trong khoảng 41.000 năm nữa nó sẽ thay đổi thêm $1,3^\circ$ nữa. Mặc dù đó chỉ là thay đổi nhỏ nhưng cũng đủ để khoảng thời gian nắng, tức thời gian mà Trái đất nhận nắng lượng từ Mặt trời, thay đổi gần 20% so với trước.

Điều này cho phép giải thích vì sao ở kỷ thứ tư (2 triệu năm cuối cùng) đã xảy ra thời kỳ băng hà. Nói chung thì chính độ nghiêng này là nguyên nhân tạo nên các mùa.

Chính vì thế mà các nhân tố làm chậm tốc độ quay của Trái đất cũng có thể làm Trái đất ngả nghiêng ở một góc lớn hơn góc hiện nay với hai khả năng cực trị khác nhau. Một là Trái đất bị kẹt bởi góc chêch bằng 0° (trục của các cực vuông góc với mặt phẳng quỹ đạo). Hai là ngược lại, Trái đất bị kẹt ở 180° (trục của các cực nằm trong mặt phẳng quỹ đạo). Kết quả là không còn các mùa nữa...

CON NGƯỜI SẼ CHỊU CHUNG SỐ PHẬN VỚI KHỦNG LONG?

Cách đây 65 triệu năm trên Trái đất đã xảy ra thảm họa sinh học lớn nhất lịch sử. Phân nửa số loài động vật không xương sống và gần 90% loài sinh vật nổi biển mất khỏi các đại dương. Trên mặt đất, đến phân nửa số động vật có xương sống đã bị diệt vong, trong đó có loài khủng long.

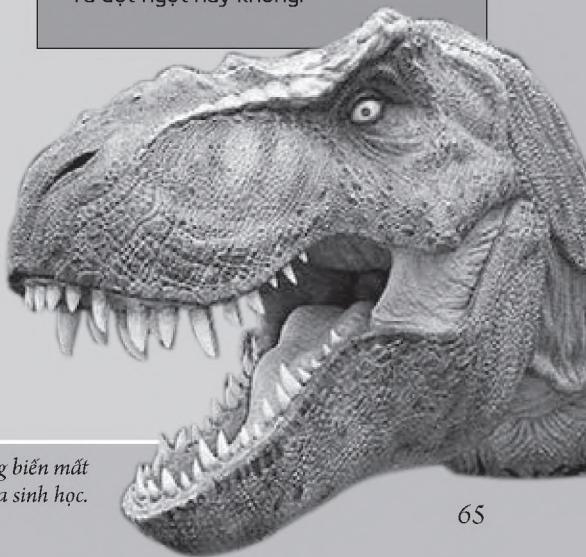
Nguyên nhân gây ra thảm họa này là do một tiểu hành tinh có đường kính khoảng 10km đâm xuống vùng Chicxulub (bán đảo Yucatán ở Mexico) khi khu vực này còn nằm ở vùng biển Đại Tây Dương. Mới gần đây, người ta phát hiện ra một miệng núi lửa có đường kính 160km vùi dưới 1000m trầm tích. Dưới tác động dữ dội của núi lửa này, một đợt sóng thần khổng lồ cao khoảng 500m đã ập vào bờ biển Hoa Kỳ và bờ biển Mexico, đồng thời hơn 50.000km³ bụi và xon khí đã phóng vào khí quyển, nhấn chìm Trái đất trong bóng đêm và giá rét.

Một tiểu hành tinh mới

Qua những quan sát thiên văn lần trong các bộ phim giả tưởng người ta thường hình dung một "kịch bản" trong đó Trái đất một lần nữa bị tàn phá bởi một tiểu hành tinh. Quả thật, các thiên thạch vẫn rơi liên tục xuống mặt đất, dù không gây tác hại đáng kể. Các tiểu hành tinh kích thước lớn cũng thường xuyên tiến sát hành tinh chúng ta. "Sát" ở đây theo các nhà thiên văn có nghĩa là ít nhất vài trăm ngàn km, tức tương đương với khoảng cách từ Trái đất đến Mặt trăng. So với khoảng cách trong vũ trụ thì khoảng cách này không là gì, hầu như chỉ vừa vặn để Trái đất tránh thoát một biến cố lớn khác.

Sự biến mất của loài khủng long VỚI tốc độ quang hợp ngày càng chậm và thậm chí là ngưng hẳn, rất nhiều loài thực vật bị chết. Cái chết của chúng kéo theo cái chết của các loài động vật ăn cỏ và sau đó đến cái chết của động vật ăn thịt. Các "ngôi sao" thời đó - tức loài khủng long - do quá to lớn và không thể thích nghi với điều kiện khí hậu mới khắc nghiệt nên đã biến mất khỏi mặt đất. Nhưng tác động của tiểu hành tinh có phải là nguyên nhân trực tiếp gây ra sự diệt vong của loài khủng long? Hay đó là "phát súng kết liễu" sau khi hệ sinh thái suy bi suy kiệt do diện tích đại dương co hẹp và diện tích lục địa tăng ở nửa sau của kỷ Phấn trắng, tiếp nối bởi việc núi lửa phun trào dữ dội ở Tây Ấn ở cuối kỷ Đệ nhị và đầu kỷ Đệ tam? Điều ta cần biết là sự biến mất của các loài có diễn ra đột ngột hay không.

Loài khủng long biến mất sau một thảm họa sinh học.



THẨM HÓA NÀO SẼ XÂY ĐẾN TRONG TƯƠNG LAI?

Từ lúc hình thành đến nay, Trái đất đã trải qua nhiều biến động nhưng cuối cùng cũng hồi phục. Liệu tình trạng này có tiếp tục duy trì trong tương lai?

Hiệu ứng nhà kính

Hiện diện rất ít trong khí quyển, một số khí đóng vai trò giống như các tấm kính trong nhà kính nghĩa là giữ các tia hồng ngoại để sưởi ấm cho hành tinh chúng ta. Không có những khí đó thì không thể tồn tại sự sống trên Trái đất. Tuy nhiên, do tác động của con người mà mật độ các khí này ngày càng tăng cao: chỉ trong vòng 150 năm mà mật độ khí CO₂ đã tăng 30% và mật độ mêtan (methane) tăng 60%. Kết quả là từ cuối thế kỷ 19 đến nay, Trái đất nóng lên từ 0,3°C đến 0,6°C còn mực nước biển thì tăng từ 10cm đến 25cm.

Từ đây đến năm 2100, tình trạng nóng lên toàn cầu có thể khiến nhiệt độ trung bình của Trái đất tăng thêm từ 1°C đến 3,5°C và mực nước biển sẽ tăng thêm từ 15 đến 95cm.

Ô nhiễm đủ dạng

Kể từ khi bước vào thời đại công nghiệp đầu thế kỷ 19 người ta đã nhận thấy sự tăng lên rõ rệt của các khí mang hiệu ứng nhà kính như CO₂, CFC, mêtan (methane), oxit nitơ (nitrous oxide) và cả oxit lưu huỳnh (sulfure oxide), loại khí có tác dụng axit hóa nước mưa.

Không khí, nước và đất cũng bị ảnh hưởng bởi các chất gây ô nhiễm độc hại và tồn tại dai dẳng. Trong số các chất gây ô nhiễm này có chì, cadmium, thủy ngân và cả đioxin (dioxin) hay hydrocacbua (hydrocarbure).

P h â n 2

NHỮNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG BÍ ẨN

NHỮNG VẾT TÍCH VẬT CHẤT DUY NHẤT CỦA NỀN VĂN MINH
ĐÃ MẤT THƯỜNG CHỈ LÀ NHỮNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG HAY
NHỮNG TÁC PHẨM MÀ KHÓ AI LÝ GIẢI NỔI. DÙ LÀ MỘ ĐÁ, ĐÀI ĐÁ,
HAY NHỮNG THÀNH PHỐ KHỔNG LỒ HOANG PHẾ, NHỮNG NGÔI MỘ
VUA CHÚA HAY ĐỀN ĐÀI BỎ HOANG THÌ TẤT CẢ NHỮNG
KIẾN TRÚC NÀY ĐỀU THỂ HIỆN CƠN SỐT XÂY DỰNG ĐẶC TRƯNG
CHO CÁC XÃ HỘI LOÀI NGƯỜI.

Mặc dù rất khác nhau nhưng phần lớn các công trình xây dựng
phi thường này đều liên quan đến việc thờ phụng thần linh. Kỹ
thuật xây dựng chúng luôn là những bí ẩn, trong khi mục đích,
ý nghĩa của chúng thì đến nay vẫn không sao hiểu nổi. Ngay cả
những công trình gần đây nhất cũng lưu giữ vô vàn bí ẩn...

Những nơi chốn huyền thoại



Babel - ngôi tháp chạm đến thiên đường

Sách Sáng Thế nói rằng sau cơn Đại Hồng Thủy những người và vật sống sót đã tập trung ở đồng bằng Shinear và dựng lên nơi đây một ngọn tháp khổng lồ. Hoảng hốt trước ý định đó, Chúa (Yahveh) đã cản trở bằng cách làm “mù mờ ngôn ngữ” khiến những người thợ xây không thể hiểu ý nhau.

- *Babel, Babylon, bọn man rợ...*

Do không thể làm việc hòa hợp nên các thợ xây đành rời bỏ công trình và đi tản mác khắp nơi. Thế là việc xây dựng tháp Babel (hay còn gọi là tháp Babylon) và cái thành phố cùng tên với nó đành phải dở dang.

Truyền thuyết về sự mù mờ ngôn ngữ xuất phát từ căn nguyên của từ ngữ. Theo người viết Kinh thánh sống vào thời mà người Israel bị bắt giữ ở Babylonia thì từ “Babel” có nghĩa là “mù mờ”, ý là sự mù mờ về ngôn ngữ của người Israel. Tương tự, người Hy Lạp do không hiểu ngôn ngữ của những người ngoại quốc đến nước họ (thoạt đầu là người Ba Tư), nên thường gọi những người này là người “barbarian” (người man rợ). Việc lặp lại hai lần âm “ba” biểu thị sự “apse, ngọng nghẹn” của các phương ngữ (không phải của Hy Lạp) so với cấu trúc vô cùng chặt chẽ trong ngôn ngữ của Homer.

- *Một ngôi tháp có thực nhưng có mục tiêu trái ngược với truyền thuyết*

Truyền thuyết ngôi tháp dựa vào một sự việc có thực. Tại

Babylon quả thực có một công trình xây dựng nhiều tầng gọi là “tháp tầng” (ziggurat). Không ai biết nguồn gốc ngôi tháp này, chỉ biết là nó được xây dưới triều vua Nabopolassar (626-605 TCN), người sáng lập triều đại Chaldea, và dưới triều hoàng tử kế vị là vua Nabuchodonosor (605-562 TCN).

Công trình xây dựng này mang tên *Etemenanki* tức “ngôi nhà cao nằm giữa Trời và Đất”. Một bản khắc thời vua Nabopolassar giải thích cái tên này như sau: “Thần Marduk (vị thần vĩ đại của Babylon) ra lệnh cho tôi phải xây móng của tháp *Etemenanki* sao cho thật chắc để có thể ăn sâu xuống dưới lòng đất còn đỉnh thì vươn lên tận trời cao”. Một bản khắc khác dưới thời vua Nabuchodonosor thì ghi rõ đỉnh tháp được xây bằng những “lát gạch men xanh rực rỡ”, một vật liệu trang trí mang màu sắc của bầu trời để tạo cho người nhìn cảm giác như tòa tháp lắn vào bầu trời xanh thẳm.

Tuy nhiên không có gì cho thấy người Babylon xây tháp do kiêu ngạo. Theo một bản khắc cổ thì người Babylon tạo dựng công trình này theo “lệnh” của thần Marduk và vì muốn có sự hài hòa giữa Trời và Đất. Sử gia Hérodote, người đã từng đến thăm Babylon vào khoảng năm 460 TCN, đã kể lại câu chuyện về một vị thần đến viếng thăm một phụ nữ ngủ trong căn phòng phía trên đỉnh

Phép tích một tháp phòng ngự Ottoman ở thế kỷ 19. Tháp Babel liệu có giống thế này?



tháp. Công trình *Etemenanki* này do đó đã hướng tới việc liên kết hai thế giới khác hẳn nhau: thế giới thần linh bên trên và thế giới loài người bên dưới.

- **Sự vĩ đại phù du tiếp nối bởi sự hủy diệt**

Người soạn sách Sáng Thế đã không đúng khi cho rằng những kẻ xây tháp có ý đồ xấu. Đã thế, chuyện trong Kinh Thánh còn

THÁP BABEL TRÔNG RA SAO?

Từ thế kỷ 16 đến đầu thế kỷ 20, nhiều nhà du hành và thám hiểm phương Tây khi đến khu vực Mesopotamia (Luống Hà) đã cất công đi tìm nơi xây dựng tòa tháp. Người thì cho rằng tháp này nằm ở Afar Ouf, phía tây thành phố Baghdad, kẻ lại nói nó ở Borsippa gần thành phố Babylon... Chỉ các công trình khai quật khảo cổ mới có thể xác định điều này.

Năm 1913, nhà khảo cổ Đức Robert Koldewey tìm ra vị trí ngọn tháp. Nền tháp có hình tú giác, mỗi cạnh dài 91,55m. Phần trung tâm tức phần xây đầu tiên nhất là một lối bắc gạch sống được nâng cao dưới thời vua Nabopolassar và vua Nabuchodonosor, rồi mới bao xung quanh bằng đá nung. Trong quá trình khai quật người ta tìm thấy ba chiếc cầu thang, hai chiếc ở hai bên và một ở chính giữa, nằm vuông góc với cấu trúc tháp.

Các thông tin này được bổ sung thêm bởi các ghi chép trên một phiến đá hiện đang được lưu giữ tại bảo tàng Louvre. Trên phiến đá là những thông tin chép vào năm 229 TCN từ một tài liệu cổ mô tả tình trạng hoàn chỉnh của ngọn tháp. Theo tài liệu này thì ngôi tháp cao khoảng 90m và có 7 tầng. Các bức tường của ngọn tháp được xây theo từng nấc thẳng đứng. Tầng trên cùng lát gạch men xanh, được sử dụng làm nơi thờ phượng.



Tác phẩm Tháp Babel của họa sĩ Lucas Van Valckenborch, sáng tác năm 1594.

lẫn lộn thực hư. Thật ra, có nhiều dân tộc khác nhau - và cũng vì thế mà họ sử dụng nhiều ngôn ngữ khác nhau - cùng tham gia xây dựng công trình này. Một bản khắc thời vua Nabuchodonosor đã chứng thực điều này khi ghi rằng “tất cả các dân tộc của nhiều quốc gia khác nhau (...) bị ta buộc xây lên công trình này”. Nhưng cho dù những người tham gia xây dựng có khác nhau về gốc gác thì cuối cùng công trình cũng đã hoàn thành bởi các tấm gạch men rõ ràng đã được lát trên đỉnh tháp.

• **Vinh hoa và hủy diệt**

Tuy nhiên một tai họa đã đổ xuống ngọn tháp. Tuy việc xây dựng tháp rất gian nan (phải mất mấy triều đại mới xây xong) nhưng ngọn tháp lại tồn tại không lâu. Thành phố Babylon sau đó bị quân Ba Tư chiếm đóng năm 539 TCN và đến năm 482 TCN



Tranh minh họa cảnh xây dựng tháp Babel.

trường đá của các thợ xây và bị họ biến thành một khối đá không hình thù. Một công trình khác sau đó được xây trên đống hoang tàn này. Khi công trình này sụp đổ, nó vùi theo toàn bộ phế tích của ngọn tháp ban đầu và bị chôn xuống lòng đất trong suốt nhiều thế kỷ.

thì người Babylon nổi dậy. Sau khi vua Xerxes của Ba Tư khôi phục lại quyền lực ở Babylon, ông đã tiến hành những cuộc trả thù làm cho ngọn tháp bị hủy hoại trầm trọng.

Một thế kỷ rưỡi sau, tức vào năm 331 TCN, khi Alexander Đại Đế đến Babylon để lập đô, ngài nhìn thấy ngọn tháp đổ nát và có ý định tu sửa nó. Nhưng do công việc này tốn rất nhiều công sức nên cuối cùng nhà vua đành từ bỏ ý định. Sau này, ngọn tháp biến thành công

Mê cung của thú thần Minotaur

Dược các chủ nhân của đảo Creta xây dựng vào khoảng năm 1700 TCN, điện Knossos với vô số phòng gian và hành lang chằng chịt có lẽ đã khơi nguồn cảm hứng cho những câu chuyện huyền thoại về mê cung.

- *Những thanh niên bị hiến tế cho con quái thú*

Minos, vua nước Creta đồng thời là con trai của thần Zeus và công chúa Europa, yêu cầu nhà kiến trúc Daedalus xây một công trình để nhốt quái vật Minotaur nửa người nửa thú. Quái thú này ra đời từ sự ân ái giữa hoàng hậu Pasiphaë, vợ vua Minos, với thần Poseidon trong lốt bò mộng. Daedalus đã nghĩ ra cái mê cung phức tạp này, một nơi mà không ai có thể tìm được lối ra.

Hình ảnh bò mộng thường xuyên hiện diện trong văn minh Creta qua các cuộc thi đấu thể thao.





Tượng đồng Theseus chiến đấu với quái thú Minotaure của điêu khắc gia Pháp Antoine-Louis Barye (1795-1875) trưng bày tại bảo tàng Los Angeles (Hoa Kỳ)

Sau khi vua Minos đánh bại Athens, thành phố thất trận này hàng năm phải cống cho nhà vua 7 thanh niên cùng 7 thanh nữ để hiến tế thú thần Minotaure. Chuyện này chỉ chấm dứt khi vị anh hùng thành Athens là vua Theseus giết được con quái thú. Nhờ lân theo sợi chỉ của công chúa Ariane, con gái vua Minos, mà vị anh hùng chiến thắng quái thú Minotaur đã tìm được lối thoát ra khỏi Mê cung.

Bị buộc tội là giúp đỡ công chúa Ariane, đến lượt Daedalus và con trai ông là

Icarus bị vua Minos trừng phạt bằng cách nhốt họ vào mê cung. Nhưng hai người đã thoát ra ngoài nhờ chế được những đôi cánh gắn lông và sáp.

• Một phát hiện lớn gắn với huyền thoại

Năm 1894, ngài Arthur Evans, một nhà khảo cổ học người Anh, đã tìm thấy phía

Tranh của Pablo Picasso (1933) "Minotaur vuốt ve một phụ nữ đang ngủ"



dưới các di chí của Hy Lạp và La Mã rất nhiều chứng tích của nền văn minh triều đại vua Minos. Từ năm 1900, nhà khảo cổ học này bắt tay vào khai quật điện Knossos, nơi mà ông cho là có đến 1.300 gian phòng. Ngày nay, con số này được xác định là 800 gian phòng nằm rải rác quanh một sân lát gạch rất đẹp. Phía Tây là phòng khách tiết cùng với nơi đặt ngai vàng cùng phòng thờ. Phía Đông là phòng hoàng hậu và khu vực gia nhân. Phía Bắc là khu sinh hoạt. Điện Knossos quả thực trông giống như một thành phố thu nhỏ.

Giả thuyết cho rằng kiến trúc phức tạp của tòa cung điện này lấy cảm hứng từ các câu chuyện thần thoại về Mê cung có lẽ là thực bởi người ta tìm thấy trong cung điện rất nhiều bức bích họa (như bức thể hiện cảnh đấu bò hiện đang được đặt ở bảo tàng Heraklion) và nhiều tác phẩm điêu khắc thể hiện con bò mộng.

• *Sự tiện nghi đầy tinh tế ở điện Knossos*

Cho dù là chỗ thờ phụng, là phòng tiếp khách hay phòng tắm của hoàng hậu thì tất cả các nơi trong cung điện đều thể hiện một sự tiện nghi đầy tinh tế. Mặc dù nằm giữa các bức tường dày nhưng nhờ cửa sổ mở ra ngoài theo kiểu chữ chi nên các căn phòng trong cung điện tránh được cái lạnh mùa đông, cái nóng mùa hè đồng thời thu được ánh sáng từ các giếng trời.



Một bức họa trong cung Knossos.

Cung điện này trông giống với chò ở của những người giàu sang thời ấy, chỉ khác là kích thước nó rất lớn, có nơi đến 5 tầng lầu.

- ***Một sự duyên dáng trái ngược với huyền thoại***

Cung điện gây ấn tượng mạnh bởi lối kiến trúc vô cùng tao nhã. Các dãy cột được nhìn thấy ở mọi nơi trong cung. Lúc đầu, những chiếc cột này được làm bằng những thân cây được sơn lên nhưng dần dần chúng được thay thế bằng đá. Các nơi trong cung sở dĩ toát lên vẻ duyên dáng, cuốn hút là nhờ những phôi cảnh với màu sắc tươi sáng. Các đồ vật, tượng thú nuôi, thú hoang và tượng người như sống động hơn trong toàn bộ khung cảnh hữu tình này.



Di tích cung Knossos
của vua Minos.

cự thạch và tượng



Dãy cự thạch kỳ vĩ nhất thế giới

Xung quanh vịnh Morbihan (Pháp) là những dãy cự thạch kỳ vĩ nhất thế giới. Vì sao con người lại dốc toàn bộ công sức của mình trong suốt nhiều thế kỷ để dựng lên quần thể đá đó?

• Trung tâm cự thạch

Carnac là một ngôi làng nhỏ độc đáo nhất thế giới. Cái tên Carnac mang ý nghĩa “nơi tập trung các carn” mà *carn* trong tiếng Celts ám chỉ các khối đá chồng chất lên nhau. Người ta tìm thấy đủ loại công trình đá ở Carnac, từ những dãy đá hình thành bởi những *menhir* (tảng đá đơn lẻ hay đá đài), những nấm mồ *dolmen* hình thành từ nhiều tảng đá chồng đỡ khói đá dẹt làm nóc, đến những vành đá *cromlech*, tức công trình đá xếp thành vòng tròn.

Một dolmen ở Caucasus.



Chỉ trong một phạm vi nhỏ mà có tổng cộng đến trên 3.000 khối đá được dựng lên. Tuy nhiên, đây chỉ là một phần nhỏ của công trình đá nguyên thủy. Có lẽ công trình này lúc đầu bao gồm gần 10.000 khối đá đài nhưng sau đó phần lớn công trình đã bị thời gian và bàn tay con

MENHIR LÀ CỦA NGƯỜI GAULOIS?

Trái với các tập truyện tranh Pháp vốn thường mô tả *menhir* như “sản phẩm của người Gaulois”, menhir thật chẳng thuộc về người Gaulois lấn người Celts. Tuy rằng người Celts khi mới đến Bretagne đã không hề ngần ngại lấy các *dolmen* làm nơi thờ phụng nhưng các *dolmen* này đã hiện diện sẵn ở Bretagne từ rất lâu trước đó. Các nền văn minh cự thạch đã biến mất sau khi lan rộng từ Tây Ban Nha sang Anh Quốc, nơi nó đạt đến đỉnh cao với công trình Stonehenge.

người phá hủy. Trước đây tổng công trình đá này trải dài trên một quãng đường 8km đi từ Sainte-Barbe đến sông Crach nhưng đến nay chúng chỉ còn tồn tại trên chiều dài 3km.

• Cảnh quan Carnac hiện ra sao?

Ta phân biệt ba chuỗi sắp đặt. Một *cromlech* hình bán nguyệt mở ra *cromlech* Ménec ở phía Bắc làng Carnac. Nơi đây có 1.169 khối *menhir* cao từ 60cm đến 4m xếp thành 11 dãy. Quần thể đá Ménec dài 1.170m. Tiếp sau một đoạn ngắn 250m trống trơn là dãy đá Kermario dài 1.120m, gồm 1.029 khối *menhir* cao từ 50cm đến 7m xếp thành 10 dãy. Chuỗi thứ ba là quần thể đá Kerlescan cách quần thể trước 400m. Quần thể này bao gồm 13 dãy đá kéo dài 880m và quy tụ 594 khối đá cao từ 80cm đến 4m. Giống như dãy đá Ménec, trước khi đến quần thể đá Kerlescan là *cromlech* hình bán nguyệt.

Bên ngoài các dãy đá, Carnac còn có ngôi mộ lớn Saint-Michel, có chiều dài 120m, chiều cao 12m, bên trong chia làm nhiều gian. Ngôi mộ này có vẻ như được xây sau các quần thể đá, tương



Các dãy đá Carnac trên “sườn đá lớn” là di tích lịch sử của người Gaulois.

• **Cột đá biến thành đá xây dựng**

Chỉ một phần các công trình đá được dựng lên từ thiên kỷ thứ tư đến thiên kỷ thứ ba trước Công nguyên là còn nguyên vẹn. Trải qua nhiều thế kỷ, phần lớn các cột đá đều bị phá hủy, di dời hoặc chặt đứt đoạn.

Người La Mã dùng đá để lát đường. Họ là những người đầu tiên cho xẻ các khối *menhir* lớn để xây nhà. Người công giáo thì mong muốn xóa bỏ mọi tàn tích của tín ngưỡng xưa nên đã cho kéo đổ các *dolmen* hay khắc dấu thánh giá lên đó.

Vào thế kỷ 17, ở vùng Loire-Đại Tây Dương, một linh mục cuồng tín đã cho phá hủy toàn bộ những cột đá ở khu vực ông ta sống để xây lên một công trình kiến trúc đá khổng lồ lấy từ “các mảnh vụn của một tín ngưỡng tàn bạo”. Hai thế kỷ sau, những kẻ tìm vàng đến và

tự ngôi mộ Kercado với đường kính 30m và chiều cao 3,50m.

Cuối cùng là rất nhiều *dolmen* và *menhir* riêng lẻ nằm xen kẽ nhau ở gần đó, nhưng ở bên ngoài khu vực dãy đá.



Một dolmen ở An Độ.

lật đổ các cột đá để xới đất tìm vàng. Năm 1974, trong một bức thư gửi cho ngài tỉnh trưởng, xã trưởng của một xã nhỏ đã thông báo việc san bằng một ngôi mộ đá mà ông ta cho là “làm cản trở việc canh tác”...

- ***Phải chăng là đài quan sát mặt trời?***

Chức năng của đá đài *menhir* và phòng đá *dolmen* rất khác nhau. *Dolmen* là lăng mộ còn *menhir* thì là để tưởng niệm hoặc cầu nguyện. Người ta không bao giờ lấy *menhir* để xây mộ và nếu như có một số ngôi mộ được phát hiện có cột chống là *menhir* thì đó là do chúng được xây sau.

Vào cuối thế kỷ 19, lần đầu tiên người ta nhận thấy có mối tương quan giữa cấu trúc của các quần thể đá với vị trí mặt trời ở một số thời điểm trong năm. Ở mỗi dãy đá, các *menhir* được sắp theo thứ tự từ lớn đến nhỏ và mỗi dãy đá đều tạo thành một góc cụ thể so với dãy trước. Chẳng hạn quần thể đá Kerlescan hướng về vị trí Mặt trời mọc ở điểm phân, quần thể đá Kermario hướng về vị trí Mặt trời mọc ở hạ chí và quần thể đá Menec hướng về vị trí Mặt trời mọc ở trung gian.



Các cột đá có thực sự được sử dụng làm đài quan sát thiên văn trong suốt nhiều thế kỷ?

CỤ THẠCH KHẮP MỌI NƠI

Những *menhir* cổ và nổi tiếng nhất đều nằm ở bán đảo Iberia và nhất là Bồ Đào Nha. Nghệ thuật cự thạch được tiếp nối ở vùng ven biển Đại Tây Dương và đôi khi xâm nhập cả vào đất liền. Nghệ thuật này nở rộ ở vùng Bretagne, chinh phục Ireland, Anh Quốc và lan tới Jutland và Scandinavia (Bắc Âu) khoảng năm 1500 TCN. Ngoài ra, nó còn để lại ở vịnh Lion, đảo Corse, đảo Sardaigne và nhất là Malta những quần thể đá ấn tượng mà người ta xác định là ra đời ở đầu thiên kỷ thứ II trước Công nguyên.

Những nhà nghiên cứu thời kỳ tiền lịch sử ước tính có đến 100.000 khối đá lớn được tìm thấy bên ngoài châu Âu. Bắc Phi, Palestina, Caucasus và Crimea là những nơi có rất nhiều cự thạch. Ở Hàn Quốc có hơn 300 *dolmen*. Số lượng cự thạch ở Ấn Độ cũng ngang ngửa châu Âu.

Không phải tất cả các cự thạch đều có cùng niên đại. Cự thạch vùng Cận Đông có từ thiên kỷ thứ III trước Công nguyên còn cự thạch Ấn Độ thì chỉ có từ thiên kỷ thứ II sau Công nguyên. Ngày nay, tại Tây Tạng người ta vẫn đang tiếp tục dựng những khối đá khổng lồ.



Các khối đá chồng lên nhau thẳng bằng ở Brocéliande, Bretagne, Pháp.

Một số nhà quan sát nhìn thấy trong cách bố trí các dãy đá các mốc thời gian tương ứng với các giai đoạn chính trong chu trình làm nông, một việc hoàn toàn mới mẻ với người phương Tây lúc đó.

- ***Một đài quan sát không lồ mở ra bầu trời khoáng đãng***

Kể từ đó, dựa vào việc có rất nhiều *menhir* riêng lẻ bị đục một lỗ mà người ta cho là để làm mốc nháմ, đã xuất hiện nhiều giả thiết liên quan đến việc các dãy đá được dùng làm lịch thiên văn. Tuy nhiên, các nhà quan sát đầu tiên đã sai lầm khi nghĩ rằng mục đích của các quần thể đá chỉ là để quan sát mặt trời. Đúng là hướng của các dãy đá tương ứng với vị trí mặt trời mọc và lặn tại các thời điểm xác định, nhưng người xưa cũng không quên những thiên thể khác.

Xuất phát từ thực tế là phần lớn các lịch nguyên thủy là lịch nửa tuần trăng, giáo sư đại học



Một dolmen ở đảo Kanghwa, Hàn Quốc.

Bên trong một dolmen ở Bồ Đào Nha.



Oxford Alexander Thom đã chứng minh trong thập niên 1970 rằng Carnac cũng là đài quan sát Mặt trăng. Ông cho rằng cột đá cao 23m ở xã Locmariaquer là khối đá trung tâm của một quần thể đá lớn được bố trí nhằm dự báo các hiện tượng nhật thực hay nguyệt thực.

Nhiều *menhir* riêng lẻ khác - có khi cách nhau đến 15km như khối đá ở Quiberon - được sử dụng để quan sát Mặt trăng vào thời điểm trăng tàn. Tổng thể hệ thống dây đá và *cromlech* này thực sự là một công cụ để quan sát và dự báo nhật/nguyệt thực cùng các hiện tượng thiên văn khác.

Là chuyên gia hình học của các công trình đá lớn, giáo sư Thom cũng nhận xét rằng người Tây Âu đã sử dụng đơn vị chiều dài của một đá lớn (có số đo chính xác là 0,8293m) để làm đơn vị đo lường phổ biến.

Stonehenge - nơi thờ phụng hay đài thiên văn?

Ở đồng bằng Salisbury phía nam nước Anh có một công trình tượng đài cự thạch tuyệt đẹp của châu Âu tồn tại gần 5.000 năm nay, đó là Stonehenge.

- *Những khối đá có xuất xứ đa dạng*

Công trình xây dựng Stonehenge khởi công năm 2800 TCN và được chia làm bốn giai đoạn. Stonehenge được dựng lên từ những khối đá đưa đến từ nhiều nơi khác nhau. Một số đá được lấy từ Avenbury cách đó 20km về phía Tây Bắc, một số đá khác lấy từ núi Prescelly xứ Wales cách đó hơn 200km và núi Milford Haven cách đó 250km.

Nhiều “khối đá xanh” (rhyolite) được mang về từ Ireland, mỗi khối nặng hơn 50 tấn. Đây là loại đá mà người ta bắt đầu đưa vào xây dựng từ thời kỳ đầu của thời đại đồ đồng (thiên kỷ thứ II trước Công nguyên).

Nhưng làm thế nào để vận chuyển những khối đá này đến tận công trình? Bằng đường thủy, xe kéo hay là sử dụng trực lăn hoặc súc gỗ trên những mặt đường đã san bằng chướng ngại? Có lẽ cả ba phương pháp này đã được áp dụng cùng lúc để bổ sung cho nhau.

- *Những người thợ xây tuyệt vời*

Chỉ riêng việc dựng các khối đá cũng đủ gây nhiều thắc mắc. Vào thời mà những thiết bị cầu chưa tồn tại, làm cách nào con người có thể dựng đứng những khối đá cao trên mặt đất từ 4 đến

6m, cộng thêm với một phần tư chiều cao bị chôn sâu xuống dưới đất như ở công trình Stonehenge?

Có vẻ như các khối đá ở công trình Stonehenge cũng như những công trình cự thạch khác thời đó đã được đưa tới trên những súc gỗ đến sát bên những chiếc hố đào sẵn. Sau đó người ta đắp đất để đẩy những khối đá này xuống hố rồi lấy đất đá chèn lại để giữ chúng đứng vững. Cho dù thế nào thì công trình này át hẳn đã huy động rất nhiều nhân công và đặt dưới sự chỉ huy của những chuyên gia khắt khe và giàu kinh nghiệm.

- **Bố trí chính xác**

Kể từ cuối thiên kỷ thứ ba, một vòng 56 hố mang tên “hố Aubrey” (theo tên một trong những người đầu tiên nghiên cứu địa điểm này năm 1650), bao quanh bởi một chiếc rãnh và ụ đất dốc, đã biến phia bên trong nơi này thành một nơi thờ cúng thiêng liêng. Chính tại đây, các cột đá Stonehenge sau đó đã được dựng lên làm nhiều chặng.

Những khối cự thạch của công trình Stonehenge mang một vẻ ngoài đầy bí ẩn.



Trong số những cột đá này, khoảng 40 cột cho đến nay vẫn còn trụ vững. Những khối đá cao 4,15m này được nối với nhau thành từng cặp bởi những đầm ngang làm bằng cả một khối đá nguyên rất nặng. Chúng hình thành nên một vòng tròn đầu tiên có đường kính rộng 31m.

Bên trong vòng thứ nhất này là những *menhir* nhỏ hơn sắp thành một vòng thứ hai mà đến nay ta vẫn thấy. Cứ ba *menhir* lại họp thành một cụm, trong đó cụm ở giữa gồm đến năm *menhir* cao 6,70m bố trí thành hình móng ngựa.

- *Phải chăng là nơi thờ cúng Mặt trời?*

Cho đến nay vẫn chưa ai biết lý do việc sắp đặt hình học các cột đá Stonehenge và vì sao các cột đá lại có kích thước cao thấp khác nhau. Tuy nhiên mọi người đều biết rằng con đường dẫn đến nơi thờ phụng này được hướng theo trục Mặt trời mọc ở hạ chí. Mà các dãy cột đá Carnac nổi tiếng nhất thế giới ở Bretagne thì lại xoay về hướng Mặt trời ở nhiều thời điểm khác nhau trong năm. Chính vì thế ta có thể kết luận rằng công trình Stonehenge - như mọi công trình cự thạch khác ở châu Âu thời đó - được xây lên nhằm mục đích thờ Mặt trời. Việc thờ cúng này có liên quan gì đến Mặt trăng không thì không ai biết. Nhưng dù gì thì các nghi thức này hẳn phải mang tính cưỡng chế mới khiến những người sống cách đây 4.000 năm phải nỗ lực phi thường để hoàn thành những công trình mà chỉ những người khổng lồ mới có thể làm nổi.

- *Giả thuyết về đài thiên văn*

Rất nhiều hài cốt tìm thấy tại đây đã cho thấy trong suốt nhiều thế kỷ nơi này từng được sử dụng làm nơi an táng người chết. Tuy

nhiên, mọi thứ đều chỉ ra rằng đây không phải là mục đích ban đầu của việc xây dựng công trình này. Sau năm 1961, các nhà khoa học như Gerald Hawkins, giáo sư thiên văn học ở Cambridge (Anh) và Fred Hoyle, nhà vật lý thiên văn của Viện công nghệ California (Hoa Kỳ), đã tiến hành nghiên cứu bối cảnh của công trình. Theo họ, các cự thạch phải được bố trí theo đường ngắm của người quan sát đứng ở trung tâm công trình giúp cho người này quan sát được các hiện tượng thiên văn.

Những vòng hố tương ứng với hệ thống đơn sơ của một cỗ máy tính khổng lồ, tuy mộc mạc nhưng có độ chính xác đáng kinh ngạc.

Cho đến nay, Stonehenge vẫn còn là nơi tập trung của giới thuật sĩ.



Vòng hố Aubrey liên quan đến chu kỳ nguyệt thực. Hawkins thậm chí còn chứng minh rằng, bằng cách mỗi năm dịch chuyển 6 tảng đá ở một lỗ, người ta có thể dự báo mọi hiện tượng Mặt trăng trong một khoảng thời gian rất dài.

Và cuối cùng, các góc độ khác nhau giữa các cột đá đơn lẻ cho biết các điểm chí và điểm phân, thời gian Mặt trời và Mặt trăng mọc và lặn.

- ***Một hệ thống ngày càng hoàn thiện qua nhiều thế kỷ***

Lập luận của Hawkins và Hoyle tuy khó chối cãi về mặt thiên văn học nhưng lại bị các nhà khảo cổ cực lực chỉ trích. Việc công trình này được xây dựng ở nhiều thời kỳ khác nhau có vẻ mâu thuẫn với lập luận cho rằng đó là một đài quan sát thiên văn được xây dựng với mục đích rõ ràng.

Nhưng chẳng lẽ người ta không thể theo đuổi một mục tiêu chung trong suốt nhiều thế kỷ? Rõ ràng là biểu tượng vòng tròn (thể hiện Mặt trời) và biểu tượng móng ngựa (thể hiện vành trăng khuyết) đã cho thấy cái lý thuộc về các nhà thiên văn.

Ngày nay, người ta cho rằng nhận định của các nhà thiên văn và các nhà khảo cổ là không hề mâu thuẫn. Các cự thạch được bố trí một cách quá chính xác để có thể xem là ngẫu nhiên.

HAI TRUYỀN THUYẾT

Suốt nhiều thời đại, công trình Stonehenge đã đi vào truyền thuyết và những câu chuyện thần thoại. Rất nhiều tác giả đã lấy Stonehenge làm đề tài chính cho những câu chuyện kỳ bí tưởng tượng của mình.

Công trình của người Hyperborea. Các khối đá của công trình Stonehenge lớn đến mức người ta đồn rằng chúng được dựng lên bởi một giống người khổng lồ đã tuyệt chủng. Một truyền thuyết đã gắn những người khổng lồ trong huyền thoại này với một dân tộc huyền thoại khác là người Hyperborea. Trong thần thoại Hy Lạp, người Hyperborea là một dân tộc sống ở cực Bắc của châu Âu và thờ thần Apollon.

Sử gia Diodore de Sicile sống ở thế kỷ 1 trước Công nguyên thậm chí đã viết như sau về một địa điểm có thể là Stonehenge: "Trên đảo có một khu vực thờ thần Apollon rất đẹp và một ngôi đền nổi tiếng. Những người sống ở đó được gọi là Boreade. Cứ 19 năm một lần thần Apollon lại đến đảo, đây là khoảng thời gian mà các ngôi sao trở về nguyên vị trí".

Thật ra, người Hyperborea rất có thể là người Iberia bởi chính Bồ Đào Nha là nơi phát hiện ra những dãy cự thạch đầu tiên. Một cuộc di dân đã đưa dân tộc này xuống những vùng ven biển đến tận Ireland và Anh Quốc.

Công trình của Merlin. Người Celts ở mọi thời đại đều tôn thờ Stonehenge. Bài viết đầu tiên đề cập chính xác đến địa điểm này nằm trong tác phẩm mang tên *Historia regum Britanniae* của Geoffroy de Monmouth (1136).

Theo tác giả này thì Stonehenge là công trình của đạo sĩ Merlin. Ông này đã dùng phép màu đưa các khối đá từ Ireland đến rồi sử dụng "sức sống" của vùng đất này để làm rồng xuất hiện. Đây cũng chính là nơi mà tất cả các quý tộc Anh tuyên thệ trung thành với vua Arthur.

Các tác giả Anh là John Aubrey sống ở cuối thế kỷ 17 và William Stukeley sống ở đầu thế kỷ 18 cũng góp phần to lớn vào việc gìn giữ hình ảnh của Stonehenge như một ngôi đền thuật sĩ và là nơi thờ phụng linh thiêng của người Celts. Tuy nhiên, ngày nay chúng ta đã biết rằng những khối cự thạch nặng nề này đã được dựng lên từ trước khi người Celts đặt chân lên Anh Quốc.

Những pho tượng khổng lồ trên đảo Eastern

Sừng sững trong khung cảnh tịch mịch đìu hiu của Rapa Nui, cái tên mà người Tahiti đặt cho đảo Eastern, là những pho tượng kỳ quặc với gương mặt khổng lồ, hai vành tai rộng cùng hốc mắt sâu hoắm đang nhìn về phía trời xa. Những pho tượng này do ai dựng và dựng cho ai?

- **Hòn đảo nhỏ giữa Thái Bình Dương**

Với diện tích 165km², đảo Eastern nằm lọt thỏm giữa Thái Bình Dương, cách Chile 3.800km, cách Tahiti 4.000km và cách hòn đảo gần nhất có người ở 1.800km. Đảo Eastern được một người đi biển Hà Lan tên Jacob Roggeveen phát hiện năm 1722. Ông này đặt tên cho đảo là đảo Phục sinh (tiếng Pháp là Pâques và tiếng Anh là Eastern) do ngày lê này diễn ra vào đúng ngày ông phát hiện ra đảo.

- **Một nghìn tượng moai khổng lồ**

Các nhà khảo cổ ước tính trên đảo có một nghìn pho tượng khổng lồ. Những tượng này còn được gọi là *moai* theo cách gọi của cư dân đảo. Những tượng đầu tiên có lẽ được tạc vào khoảng năm 900 sau Công nguyên, còn những tượng cuối cùng thì được tạc trước năm 1640.

Với thời gian, các tượng *moai* ngày càng được tạc lớn hơn và cách điệu hơn nhưng vẫn trung thành với hình mẫu ban đầu. Các tượng này tạc hình một người nam không có chi dưới. Hai cánh tay pho tượng ép sát hai bên thân, hai bàn tay thì hướng vào nhau.

Phía dưới ngực nhô ra chiếc bụng hơi tròn trĩnh. Trên chiếc đầu to lớn hình chữ nhật là một chiếc mũi với sống mũi rõ ràng, lỗ mũi nở to và cặp môi mỏng trề ra. Hai cái tai ôm lấy hai bên khuôn mặt. Thỉnh thoảng, sau lưng các pho tượng người ta nhìn thấy những hình vẽ gợi nhớ đến những hình xăm. Một bộ tóc nặng nề bằng đá đỏ bọc lấy phần đầu của một số tượng. Cặp mắt chỉ được làm sau khi các pho tượng được đưa đến nơi cần đến. Trên một số tượng *moai* vẫn còn dính những vệt màu đỏ và trắng được bôi thêm vào tượng.

- **Kỹ thuật tạc tượng đơn giản nhưng hữu hiệu**

Các pho tượng được tạc trên đá *tuf*, một loại đá núi lửa mềm và tương đối nhẹ lấy từ sườn ngọn núi lửa Rano Raraku. Trong công trường đá đồng thời cũng là xưởng đúc tượng có khoảng 300 pho tượng đang tạc dang dở. Các tượng này có chiều cao trung bình từ 5 đến 7m. Pho tượng lớn nhất cao 20m vẫn chưa tách khỏi khối đá tạc. Có thể tượng này không phải để đưa ra trưng bày.

Không khó hình dung kỹ thuật tạc tượng được sử dụng. Để tạc các pho tượng, người ta dùng cuốc chim, rìu nhỏ và đồ đục đá. Họ tạc phần đầu trước rồi từ từ xuống dưới cạnh sườn. Để gọt hai bên hông, họ khoét rãnh rồi tách phần lưng ra, vừa làm vừa lấy đá chèn vào sau lưng. Đến khi đã dựng đứng xong pho tượng ở chân núi lửa, họ mới hoàn tất phần lưng. Một số nhà khảo cổ cho rằng phải mất khoảng một năm mới có thể hoàn thành một tác phẩm cao 5 mét.

- **Làm cách nào di chuyển các tượng *moai* và nhắc chúng lên cao?**

Bảy mươi pho tượng sau khi hoàn tất đã không rời khỏi ngọn núi lửa mà được dựng ở chân núi Rano Raraku. Đến nay một số

tượng đã bị chôn vùi trong đất. Mang sức mạnh thần linh, các tượng này được dựng lên để bảo vệ công trường đá và những nhà điêu khắc, còn những tượng khác thì được đưa về những nơi thờ cúng gia đình. Việc vận chuyển các pho tượng từ công trường đến nơi dựng tượng đã làm dấy lên nhiều thắc mắc. Năm 1955, nhà thám hiểm người Na Uy Thor Heyerdahl đã thử làm một thí nghiệm là đặt các pho tượng khổng lồ nằm sấp trên những chiếc xe đẩy kéo bằng dây thừng, và ông đã thành công. Vấn đề vận chuyển như vậy xem như giải quyết xong, nhưng vấn đề vật liệu nào được dùng cho các công việc khác nhau thì vẫn còn đó...

Đảo Eastern rất ít cây cối khi được phát hiện năm 1722. Lúc đó người ta nghĩ rằng vì thiếu gỗ nên dân cư đảo không thể chế tạo công cụ, xe kéo, dây thừng, các súc gỗ và đòn xeo để dịch chuyển các pho tượng khổng lồ và dựng chúng đứng lên. Nhưng đến năm 1983 thì người ta phát hiện trên đảo có những quả cọ xuất xứ từ Chile mà mọi người bỏ quên hàng thế kỷ không tính đến. Giả thuyết của nhà thực vật học người Anh John Flenley cho rằng hòn đảo này trước đây từng có rừng cây rậm rạp do đó đã được công nhận. Dân cư đảo như vậy là có đủ vật liệu để làm đòn xeo và phiến gỗ.

Những người đá khổng lồ cao hơn 5m này được tạc từ đá tuf của núi lửa Rano Raraku.



Suốt một thời gian dài, người ta cũng thắc mắc không hiểu làm cách nào mà người bản địa có thể dựng đứng được những pho tượng đồ sộ đến thế. Đến năm 1955 thì câu trả lời đã được ông Heyerdahl tìm ra sau khi mất 18 ngày để dựng thành công một pho tượng nặng 23 tấn với sự trợ giúp của khoảng một chục cư dân đảo.

Các công nhân sử dụng các phiến gỗ để lật pho tượng nghiêng sang một bên rồi chèn đá xuống dưới. Sau đó họ nhấc pho tượng lên cao hơn một chút rồi lại tiếp tục chèn đá cho đến khi pho tượng được dựng gần như thẳng đứng, tựa trên đống đá. Sau cùng họ dùng dây kéo để hoàn tất việc dựng tượng.

NGƯỜI EASTERN, MỘT DÂN TỘC BÍ ẨN

Nguồn gốc của người dân đảo Eastern sau một thời gian dài nằm trong vòng bí ẩn nay đã được làm sáng tỏ. Người Eastern chính là người Polynesia đến đảo lập nghiệp vào khoảng năm 500 TCN. Là những người đi biển giỏi dang, họ đã vượt đại dương bao la để đi tìm vùng đất mới. Như tất cả những nhà thám hiểm Polynesia khác, họ mang theo cây cối cùng thú vật như chuột và gà rồi thuần hóa chúng ở hòn đảo mới. Họ gọi hòn đảo này là *Te pito te Henua* tức “cái bụng của thế giới”.

Đảo Eastern bao gồm nhiều thị tộc và có rất nhiều đẳng cấp. Ở vị trí cao nhất là quốc vương, một hậu duệ của những người Polynesia đầu tiên đặt chân đến đảo. Bên trong từng gia tộc, người Eastern cũng phân biệt giữa quý tộc, giáo sĩ, thợ thủ công, ngư dân, nông dân và cuối cùng là nô lệ, tức những người bị bắt trong chiến trận. Chính các gia đình thế lực nhất đã xây các đền thờ gia đình gọi là *ahu* và trang trí các ngôi đền đó bằng những tượng đá.

- **Điểm đến của các tượng moai: đền ahu**

Người bản địa ở đảo Eastern dựng các tượng này tại các *ahu* tức đền thờ của nhiều bộ tộc khác nhau trên đảo và cũng là một phần tổ tiên họ. Được xây dựng phần lớn ở ven biển, *ahu* là những mặt bằng rộng lớn có nền là những khối đá lớn xếp khít vào nhau. Các ngôi đền này thường có nhà ngang và đường đến đó đều lát đá. Phía trước ngôi đền là một sân rộng dùng làm nơi tụ tập của các gia đình trong những ngày lễ thường và lễ tôn giáo. Không phải tất cả 300 ngôi đền trên đảo đều được dựng tượng mà chỉ khoảng 100 đền là có tượng.

Các tượng khổng lồ này hẳn là hiện thân cho các vị thần hộ mệnh của từng nhóm gia tộc và tổ tiên họ. Đó là những tù trưởng được phong thần của các nhóm gia tộc đó. Ở mỗi đền *ahu* có từ 1 đến 15 tượng. Những ngôi đền trung bình có 5 tượng. Kích thước tượng *moai* đặt ở các đền *ahu* thường là từ 3,5 đến 5,5m. Tượng *moai* cao nhất nặng khoảng 80 tấn và cao 9,8m, nếu có thêm bộ tóc trên đầu thì sẽ thành 11,50m.

Tượng *moai* cũng được đặt ở các lăng mộ, nơi mà thi thể người chết thường được đặt ngoài sân trước khi đưa vào hầm mộ của đền *ahu*.

- **"Cái nhìn che chở" của tượng moai**

Các tượng *moai* luôn quay lưng về phía biển cả và hướng cái nhìn che chở bảo vệ về phía các dãy nhà thị tộc, trong đó dãy đầu tiên là nơi cư ngụ của các chức sắc. Tổng thể các tượng *moai* tạo nên đường ranh giới giữa biển cả và đất liền. Nhờ các công trình tôn tạo ngày nay mà một số tượng *moai* đã trở về với vị trí ban đầu của chúng.

RONGORONGO, BÍ ẨN CUỐI CÙNG CỦA NGƯỜI PASCUAN NAY ĐÃ GIẢI MÃ

Qua việc phát hiện những tấm gỗ *rongorongo* chưa bị hủy hoại, ta biết rằng người Eastern cũng có chữ viết. Dạng chữ viết này hay nói đúng hơn là dạng ký hiệu này chỉ mới được hiểu và giải mã gần đây. Tiến sĩ Steven R. Fisher là người giải thích cách đọc của nó năm 1997.

Các bản văn khắc gỗ này được thể hiện dưới dạng chữ tượng hình viết từ trái sang phải. Hằng tiếp theo viết theo hướng ngược lại và cứ thế tiếp tục. Trong các ký tự này có ký tự mang hình dáng người, có ký tự lại mang hình dáng thú. Rất nhiều nét ký tự thể hiện giới tính (chẳng hạn như dương vật dụng đứng).

Chính vì thế người ta cho rằng những bản khắc gỗ này được các giáo sĩ Eastern sử dụng để làm công cụ hỗ trợ ghi nhớ tại các nghi lễ liên quan đến sinh sản. Ngoài ra, chúng cũng được sử dụng như “bản dàn bè” cho các thánh ca.

Trước năm 1978 người ta vẫn tưởng những người khổng lồ này không có hốc mắt. Tuy nhiên đến năm 1978 thì nhà khảo cổ người bản địa là Sergio Rapu đã tìm thấy trong đất có san hô trắng và đá *tuf* đỏ, san hô được dùng để làm tròng trắng còn đá *tuf* đỏ thì làm tròng đen của mắt. Chính nhờ thế mà một số “cặp mắt” đã được đặt trả lại vào chỗ của chúng.

- **Nền văn minh gốc Polynesia biến mất đến hai lần**

Tại thời điểm phát hiện ra đảo Eastern, dân cư đảo có khoảng mươi thị tộc khác nhau nằm dưới sự cai trị của một quốc vương. Quốc vương đầu tiên của các thị tộc này là một người tên Hotu

Matua. Vì chạy loạn chiến tranh nên ông phải rời bỏ một đảo san hô khác để cùng vợ và đồng hương lưu lạc đến đây. Xã hội người Eastern ra đời từ một tai họa sinh thái và một biến cố chính trị lớn xảy ra khoảng năm 1640, trước khi người châu Âu đặt chân đến đảo.

Sau quốc vương Hotu Matua có khoảng 30 vị quốc vương khác trị vì trên đảo cho đến năm 1862. Cứ mỗi năm, sau một nghi lễ tôn giáo vinh danh *Người Chim* tổ chức vào mùa xuân, người dân đảo lại bầu ra một quốc vương (hay còn gọi là tướng soái). Trong buổi lễ, người ta tổ chức một cuộc tranh tài. Mỗi người phải cõi lấy được quả trứng đầu tiên của chim nhạn hay chim én biển trên đảo Moto Nui láng giềng trước những người khác. Người thắng cuộc (thật ra mỗi người tham dự cuộc thi đều có một người dưới

Các tượng moai đại diện cho thần linh và luôn quay lưng về phía biển.



quyền thay mặt cho người đó đứng ra thi giùm) được nhận danh hiệu *Tangata Manu* và trở thành hiện thân của thần tạo hóa Maké Maké dưới trần gian.

Quan sát nguồn tài nguyên và hình dáng đảo, ta có thể biết được xã hội người Eastern bao gồm chủ yếu là ngư dân và nông dân. Do xã hội phân cấp nặng nề nên đảo Eastern luôn phải đương đầu với nhiều cuộc nội chiến đẫm máu khiến hình thành thói quen ăn thịt người trong cư dân đảo.

Nhưng chính cuộc vây ráp lớn của quân đội Peru xảy ra năm 1862 mới thực sự giáng đòn chí tử vào cư dân đảo Eastern và tiêu diệt gần hết dân cư đảo. Hơn 1.000 người bị trực xuất khỏi đảo để bắt đi thu hoạch phân chim. Đến khi trở về, họ mang theo mầm bệnh và gieo rắc trên toàn đảo. Cuối cùng, chỉ còn hơn 100 người sống sót.

- ***Một thế giới bị đảo lộn do giằng co giữa quá khứ và hiện tại***

Qua lời kể của những người đến viếng đảo, ta biết rằng, vào cuối thế kỷ 19, không còn lấy một tượng *moai* nào đứng vững tại các đền *ahu*. Theo người dân Eastern thì việc các pho tượng khổng lồ bị xô đổ và đền đài bị bỏ hoang là do các cuộc chiến bộ lạc xảy ra vào giữa thế kỷ 17, khoảng năm 1640.

Các nhà khảo cổ cho rằng tại thời điểm đó, một biến động khí hậu lớn đã diễn ra tại đảo Eastern trong một thời gian ngắn. Hạn hán mấy năm liên làm cạn kiệt nguồn tài nguyên nông nghiệp của một hệ sinh thái vốn dĩ đã rất bấp bênh do hoàn toàn cách ly với những nơi khác. Để đương đầu với vấn nạn này, các giáo sĩ buộc dân đảo phải xây ngày càng nhiều tượng *moai* để cầu cho mưa trở lại. Việc làm này góp phần tàn phá các khu rừng trên đảo bởi dân

làng phải đốn cây để lấy gỗ kéo tượng. Nhiều bộ lạc khác nhau vì thế đã nổi dậy chống lại chính sách tự sát này bằng cách lật nhào các pho tượng. Từ cuộc chính biến này, một quyền lực mới đã lên ngôi dưới danh nghĩa thờ phụng *Người Chim*.

Ngày nay, những người Eastern nguyên thủy đã biến mất gần hết, còn các cư dân đảo hiện nay đều là những người ra đời từ cuộc hôn nhân giữa dân bản xứ với những người Âu-Mỹ di cư đến. Người Eastern ngày nay vì thế luôn bị giằng xé giữa một quá khứ đã mất và một thực tại đầy sóng gió. Sóng gió bởi lẽ đảo Eastern ngày nay, với dân số khoảng 2.000 người, chỉ là một quận của Chile do bị nước này thôn tính vào năm 1888.

kim tự tháp



Kim tự tháp hình thành từ số π

Với hình thù tượng trưng cho sự liên kết trời và đất, kim tự tháp Ai Cập biểu tượng cho tính thần thánh của một pharaon. Được xếp vào một trong 7 kỳ quan thế giới, kim tự tháp Kheops phải chẳng chỉ là lăng mộ của một vị pharaon đam mê quyền lực? Hay đó là tác phẩm thần bí của các nhà thiên văn và toán học Ai Cập xưa?

- *Chuẩn bị về trời*

Ngay khi lên ngôi báu, pharaon Kheops đã cho tiến hành xây dựng một công trình vĩ đại, công trình xây dựng ngôi mộ của chính mình dưới hình thù một kim tự tháp khổng lồ. Ngôi mộ này giúp nhà vua khi băng hà sẽ gặp lại Mặt trời, chúa tể các thần linh, tức vị thần mà ngài gọi là cha.

Kheops chọn vùng cao nguyên Giza, nơi không bị ảnh hưởng bởi dòng sông Nile hung hiểm nhưng cũng không xa mẩy con sông đó để có thể dùng bè vận chuyển đá tới nơi. Công trình này được nhà vua phó thác cho hai kiến trúc sư triều đình là hoàng tử Hemiunu và hoàng tử Wepemnofret.

- *Kỹ thuật đơn giản nhưng chắc chắn*

Công trình xây dựng kim tự tháp khiến các kiến trúc sư ngày nay phải ngả nón khâm phục. Vào thời đó, người Ai Cập chưa hề biết đến đồng, sắt, bánh xe và càng không biết đến những công cụ nâng vật liệu xây dựng.

Đá xây kim tự tháp phần lớn được lấy từ các vỉa lộ thiên của vùng cao nguyên này. Phương pháp thật đơn giản: để cắt các khối đá kim tự tháp, thợ xây luôn nhúng chêm gỗ vào chỗ nứt của vỉa

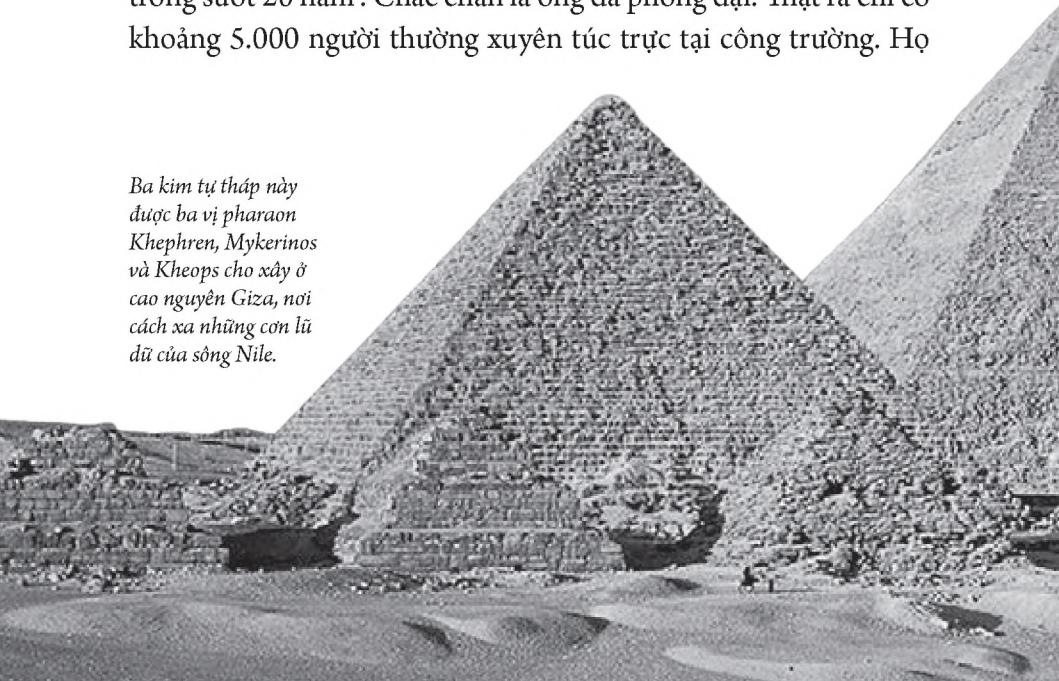
đá vôi và đổ nước vào đó. Gỗ nở ra sẽ làm vỡ đá. Các khối đá này sau đó được kéo bằng xe kéo đến chân công trình. Công nhân được trang bị những dụng cụ bằng đá cứng Họ sử dụng rất nhiều đòn bẩy, dây thừng tết từ sậy và những giàn giá bằng gạch sống (những giàn giá này sau đó bị phá đi) giúp họ nâng từng khối đá lên độ cao mong muốn.

Qua những bức họa lăng mộ vua Dehutihotep, ta biết rằng bằng phương pháp này mà 172 người đã di chuyển được một pho tượng nặng 60 tấn và chỉ cần 8 người là đủ để di chuyển một khối đá nặng 2,5 tấn.

- *Công trường khổng lồ*

Sử gia Hy Lạp Hérodote viết: “Hơn 100.000 người làm việc trong suốt 20 năm”. Chắc chắn là ông đã phóng đại. Thật ra chỉ có khoảng 5.000 người thường xuyên túc trực tại công trường. Họ

*Ba kim tự tháp này
được ba vị pharaon
Khephren, Mykerinos
và Kheops cho xây ở
cao nguyên Giza, nơi
cách xa những cồn lũ
dữ của sông Nile.*



là thợ chuyên nghiệp, kiến trúc sư, đốc công, thợ đục đá, chuyên gia xây dựng và thiết kế chuyên nghiệp.

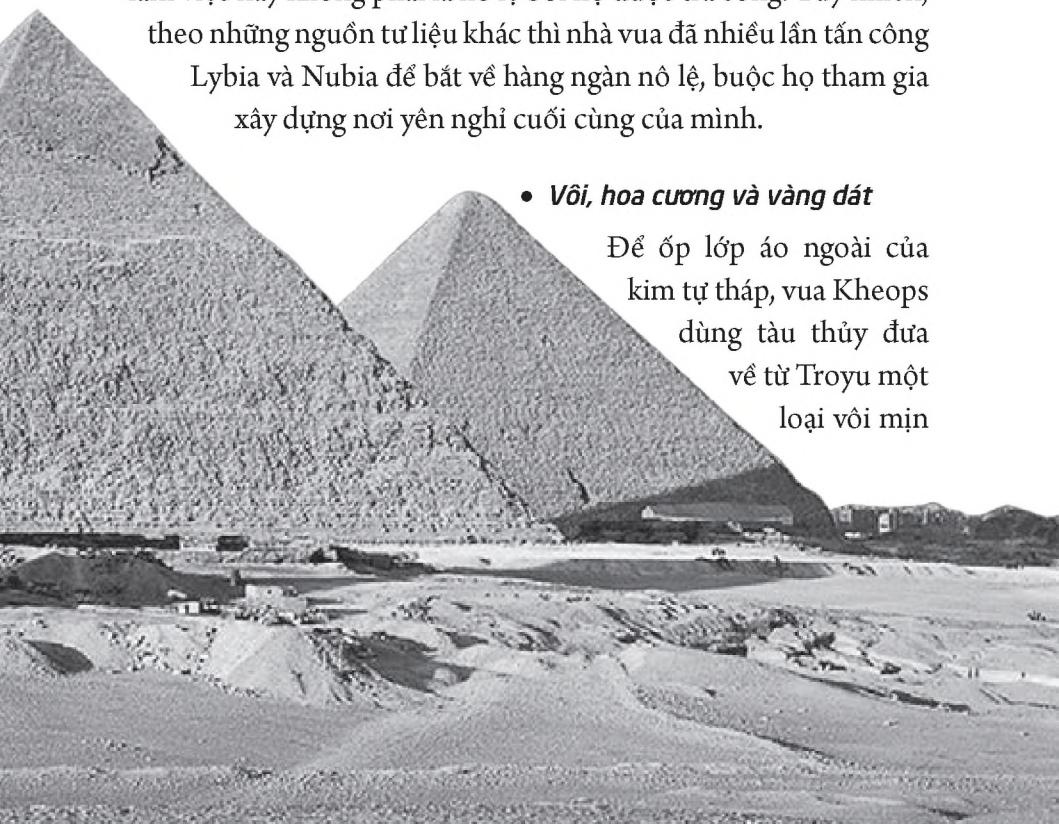
Trong thời gian nước sông Nile tràn bờ từ 3 đến 4 tháng, nhà vua tuyển hàng ngàn nông dân vào làm việc cho công trình vì đây là khoảng thời gian mà họ phải ngưng việc đồng áng do ảnh hưởng của lũ. Những người này sẽ phụ trách phần việc nặng nhọc nhất là vận chuyển đá. Khác với ta tưởng, những người làm việc này không phải là nô lệ bởi họ được trả công. Tuy nhiên, theo những nguồn tư liệu khác thì nhà vua đã nhiều lần tấn công Lybia và Nubia để bắt về hàng ngàn nô lệ, buộc họ tham gia xây dựng nơi yên nghỉ cuối cùng của mình.



Hàng ngàn nô lệ bị huy động cho công trình xây dựng kim tự tháp Kheops.

• Vôi, hoa cương và vàng dát

Để ốp lớp áo ngoài của kim tự tháp, vua Kheops dùng tàu thủy đưa về từ Troyu một loại vôi mịn





Bên trong kim tự tháp

trắng sáng. Đá hoa cương cũng được chở đến từ Aswan. Các khối đá được xếp khít đến nỗi không cách nào luồn lưỡi dao vào giữa. Cuối cùng, người ta đặt trên chóp của chiếc kim tự tháp trắng trơn và nhẵn nhụi đó một kim tự tháp nhỏ bằng vàng phản chiếu ánh Mặt trời.

Đáng tiếc là đến thời đại chúng ta lớp ốp ngoài của kim tự tháp đã không còn vì năm 1400, một vị vua Hồi giáo đã nghe lời một nhà tiên tri cho hủy hoại tuyệt phẩm đó mà ông ta cho là biểu trưng của “thời đại mông muội”. Với người Hồi giáo, công trình nghệ thuật dành cho các “thần dởm” này chỉ đáng bị phỉ nhổ. Vì vậy mà họ đã phá thủng kim tự tháp, xé toang lớp dát vàng bên ngoài xác ướp vua Kheops và lấy đi tất tật những báu vật được chôn trong ngôi mộ.

• *Phòng của pharaon*

Căn phòng phía trong hầm mộ của vua Kheops được ốp năm tấm đá hoa cương rộng 5m, phía trên là 4 gian trống khác ốp đá tương tự, trên nữa là gian thứ năm. Căn phòng này nằm dưới một mái đá hoa cương dốc hai bên để đảm bảo thăng bằng cho tổng thể công trình. Ẩn giữa trung tâm khối đá khổng lồ độc đáo đó, căn phòng này được xem là một trong những tác phẩm táo bạo nhất của kiến trúc nhân loại.

NGƯỜI NGOÀI HÀNH TINH ĐÃ XÂY KIM TỰ THÁP!

Suốt từ thời cổ đại, ngọn kim tự tháp lớn này không ngừng làm loài người sững sốt. Hết người này đến người khác đã tìm cách lý giải về công trình đồ sộ này.

Ngày nay. Các nhà ngoại cảm cho rằng kim tự tháp Kheops phát ra lực hút rất mạnh. Họ kết luận rằng các khối đá được người ngoài hành tinh dùng sức mạnh phi trọng lực để nhấc lên. Mục tiêu của người ngoài hành tinh là che giấu một lò phản ứng hạt nhân. Ai mà nghi ngờ thì cứ việc đào dưới lớp cát ở cao nguyên Giza ắt sẽ thấy xác phi thuyền không gian. Còn tượng Nhân sư u? Đó là biểu tượng của một chủng tộc thượng đẳng đến từ vũ trụ. Kim tự tháp Kheops đã được xây cùng lúc với tượng Nhân sư bởi người Atlantis, hậu duệ của người ngoài hành tinh sống sót sau khi lục địa của họ bị nhận chìm.

Từ thế kỷ 19. Những người lãng mạn và những người cuồng tín phản đối cách giải thích của các nhà khảo cổ, cho đó là tầm thường. Theo họ thì ngọn kim tự tháp này là cọc tiêu trồi lên khỏi mặt nước để giúp con tàu của Noah tìm thấy đường đi, hoặc đó là một đài quan sát thiên văn chứa đựng “những đại phương trình của Vũ trụ”.

Cũng theo những người này, chiếc quách bằng đá hoa cương đỏ tìm thấy trong hầm mộ vua Kheops chính là cái trap mà Thượng đế ban cho nhà tiên tri Moses. Những người thiên về thuyết Trái đất rỗng thì nhìn thấy ở ngọn kim tự tháp lớn cánh cửa bước vào thế giới bên trong Trái đất...

Cách giải thích của người Cổ Đại và Trung Cổ. Theo Aristotle thì ngọn kim tự tháp lớn này được xây lên để biểu thị uy lực nhà vua, còn theo sử gia Ammien Marcellin thì công trình này là một thư viện khổng lồ và các gian phòng bên trong được xây với mục đích lưu giữ sách vở của các nhà hiền triết. Theo Benjamin de Tudèle, nhà chép sử biên niên ở thế kỷ 12 thì đây là kho thóc khổng lồ mà tổ phụ Joseph đã cho xây dựng để dự trữ nguồn lương thực phòng cho 7 năm nạn bò gầy mà Pharaon đã nhận được điềm báo trong giấc mơ.

Bộ phim nổi tiếng Cuộc chiến dưới tháp cổ (*Aliens vs predator*) minh họa truyền thuyết người ngoài hành tinh xây kim tự tháp để thỏa mãn tính chiến đấu của mình.



Ngày nay người ta đã tháo dỡ các khối đá khổng lồ che bít đường hầm mà công nhân sử dụng để ra khỏi kim tự tháp sau khi chôn cất vua. Đó là một lối hẹp nằm sâu 16,50m dưới lòng đất. Sau khi khó nhọc lách qua đoạn đường gian nan băng qua một hành lang lớn còn nguyên dấu những tảng đá hoa cương đã từng một thời ốp lên đó, người ta đến gian phòng đặt chiếc hòm đá nặng trịch của vua Kheops. Xác ướp của nhà vua đã không còn đó nhưng người ta vẫn thấy hai ống dẫn hẹp thông ra không khí bên ngoài để linh hồn của pharaon có thể bay ra như chim, hướng đến tận trời cao và quay trở về tim mộ bất cứ khi nào mong muốn.

- *Bí ẩn những con số*

Người phương Tây đầu tiên đặt chân vào đại kim tự tháp này là đại tá Howard Vyse. Năm 1830, vị đại tá người Anh này đã dùng thuốc nổ để phá đường vào các hành lang bí kín. Những thu thập của ông đã gây sự chú ý nơi John Taylor, một biên tập viên ở London. Từ các số liệu do đại tá Howard cung cấp (Taylor không đến tận nơi), John Taylor đã dựng lên những lý thuyết lạ lùng nói về các ký hiệu toán học trong công trình kim tự tháp.

Cùng với một người bạn là nhà thiên văn Charles Piazzi Smyth, John Taylor đã chứng minh rằng nếu chiều cao của kim tự tháp là bán kính của một hình tròn, thì chu vi hình tròn này cũng bằng chu vi của mặt đáy kim tự tháp. Diện tích mỗi mặt bên bằng bình phương chiều cao kim tự tháp. Chiều cao mỗi mặt bên chia cho cạnh đáy bằng Φ (1,618), tức Tỉ lệ vàng của Pythagore. Những điều này chứng tỏ người xây kim tự tháp đã biết rõ các số π (3,14...) và số Φ từ thời đại bí ẩn xa xôi.

Những con số mươi mươi này cho thấy, ngay từ thời Cổ Ai Cập, loài người đã có những kiến thức toán học khá sâu sắc và đã áp

dụng chúng vào công trình xây dựng ngọn kim tự tháp đồ sộ này. Nhưng cũng có nhiều người vẫn cho đó là sự trùng hợp. Theo những người này thì các kiến trúc sư Cổ Ai cập, trong khi theo đuổi sự cân đối và các giá trị thẩm mỹ trong xây dựng kim tự tháp, đã “tinh cò” đi đến những con số π và Φ .

• *Những lý thuyết khó tin*

Các công trình nghiên cứu của Taylor và Smyth trở nên rối rắm khi họ đặt ra một đơn vị đo lường mới gọi là “khuỷu tay kim tự tháp” có lẽ do nản chí vì không tìm ra thêm được điều gì xuất chúng. Từ đó họ đưa ra hàng loạt kết luận lạ lùng, chẳng hạn như chu vi đáy kim tự tháp lớn hơn số ngày trong năm gấp một trăm lần, chiều cao kim tự tháp nhỏ hơn khoảng cách từ trái đất đến mặt trời một tỷ lần, v.v...

Mặc dù các phép tính của Taylor và Smyth quả là khó tin, nhưng vẫn có người tin theo. Vào cuối thế kỷ 19, cao nguyên Giza tràn ngập những kẻ cuồng tưởng mang theo thước dây tới đây để đo đạc lung tung. Nhà khảo cổ Flinders Petrie thậm chí còn bắt gặp một người đang gọt bớt một khối đá hoa cương ở tiền sảnh phòng mộ để kích thước đá phù hợp với lý thuyết của ông ta.

Một số người cho rằng kim tự tháp này ẩn chứa những lời tiên tri. “Nhờ những kiến thức được phát hiện của các nhà hiên triết cổ” mà một số người đã đưa ra các tiên đoán đại loại như: một

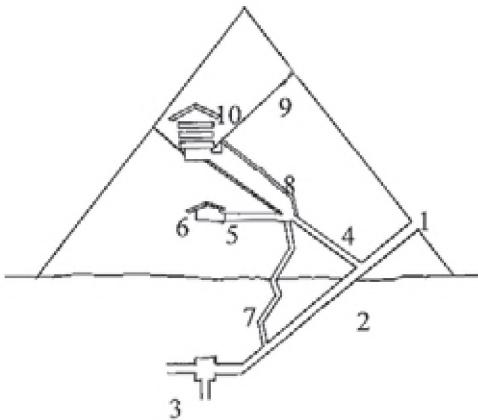


Tượng nhân sư Giza tạc thẳng trên núi đá cũng là một trong những bí ẩn khảo cổ học.

cuộc đại chiến sẽ nổ ra vào năm 1928, Chúa Jesus sẽ trở lại trần gian năm 1936 và ngày tận thế sẽ xảy ra vào năm 1953...

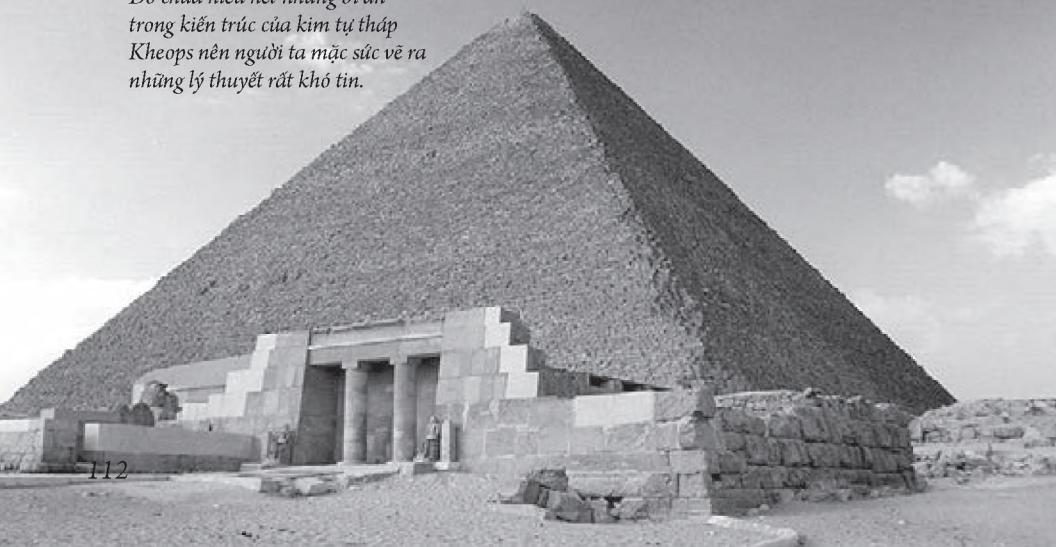
- **Hướng xây đáng ngưỡng mộ**

Hướng xây kim tự tháp rất đẹp và nó không cần phải đưa ra bất kỳ giả thuyết nào để giải thích. Bốn mặt công trình xoay về bốn hướng Đông - Tây - Nam - Bắc với độ chính xác kỳ lạ, và nếu như có sai sót thì cũng là rất nhỏ.



Một tính toán chính xác của người Ai Cập cổ trong việc xây kim tự tháp: hành lang số 2 chiếu thẳng đến ngôi sao Bắc cực trên bầu trời.

Do chưa hiểu hết những bí ẩn
trong kiến trúc của kim tự tháp
Kheops nên người ta mặc sức vê ra
những lý thuyết rất khó tin.



ĐẤT NƯỚC AI CẬP CỦA VUA KHEOPS

Lúc Kheops lên ngôi năm 2596 TCN thì hai đại vương quốc hình thành nên Ai Cập từ 1.000 năm trước đó đã hợp nhất. Là đại diện của triều đại thứ 4, Kheops đã chuyển kinh đô Ai Cập từ Meidoum sang Giza, một nơi không xa thành phố Memphis. Với sự trợ giúp của một quan tể tướng tài giỏi, vị pharaon đầy tham vọng và quyết đoán này đã tiến hành nhiều cuộc càn quét hiệu quả ở Lybia, Nubia (nơi mà ông ta cho khai thác các mỏ) và Sudan. Bán đảo Sinai ở phía Đông cũng được nhà vua khai thác triệt để bằng cách thường xuyên đưa gỗ quý từ Lebanon về.

Nhưng Ai Cập trên hết vẫn là một xứ sở nông nghiệp bởi nó vốn là một hành lang dài dọc theo sông Nile, được nước sông Nile tưới cho đất đai màu mỡ. Con sông này cũng giúp cho việc di chuyển được thuận lợi bởi Ai Cập vốn là một vương quốc tập quyền với bộ máy chính quyền nhiều cấp. Bộ máy này cho phép nhà vua toàn quyền điều phối nguồn tài nguyên của đất nước.

Triều đại của vua Kheops và các pharaon kế tiếp có thể xem là thời kỳ hoàng kim của Ai Cập cổ đại.

HƯỚNG ĐẾN SỰ HOÀN THIỆN

Kim tự tháp đầu tiên ra đời năm 2850 TCN. Trước đó, mô phần của các vua chúa và quý tộc chỉ được đắp bằng gạch sống trộn rơm mà người Ai Cập gọi là *mastaba*. Để linh hồn của vị chúa tể của mình là pharaon Djoser có thể lên thiên đàng, nhà kiến trúc Imhotep đã cho cắt những khối đá vôi rất đẹp lấy từ các công trường đá gần sông Nile để đặt lên ngôi mộ lớn của nhà vua. Những khối đá này tạo thành 6 bậc thang khổng lồ lên cao đến 61m. Khi chọn vật liệu có độ bền vĩnh cửu này để làm các nấc thang lên thiên đàng, Imhotep đã khai sinh ra một nghệ thuật xây dựng mới mà trước đó chưa ai biết: nghệ thuật gọt đá. Nghệ thuật này đồng thời cũng tạo ra khoảng cách giữa pharaoh và những người phàm tục. Chính nhờ nó mà sau này Imhotep được phong thần. Trên đỉnh hoang mạc nằm dọc sông Nile ở hướng Tây (hướng mà người ta nghĩ rằng Mặt trời sẽ bước vào vương quốc của người chết khi chiều tàn), các kim tự tháp kể từ đó nối tiếp nhau ra đời. Khu vực trung tâm của các kim tự tháp luôn được dành cho gian phòng đặt mộ các pharaon. Gian phòng này sẽ được bít kín vĩnh viễn ngay sau hôm xác ướp nhà vua được đặt vào trong quách. Trải qua nhiều công trình, tay nghề của các thợ xây và thợ đẽo đá ngày càng hoàn thiện và hình dáng của kim tự tháp cũng ngày càng thanh thoát. Tuy nhiên phải mất đến hơn hai thế kỷ rưỡi chiếc thang nổ mộ vua Djoser mới biến thành khối hình học hoàn hảo của mộ vua Kheops.

Liệu từ đó ta có thể suy ra rằng kim tự tháp là đài quan sát thiên văn? Chắc chắn là không. Ta chỉ nên ghi nhận rằng khi xây dựng lăng mộ vua Kheops, các kiến trúc sư đã vận dụng mọi kiến thức mà họ có để tô vẽ cho công trình, giống như họ đã đặt một hoa văn hay vật trang trí nào đó lên công trình này vậy. Vị pharaon do đó khi bước sang thế giới bên kia không chỉ mang theo tài sản của mình mà còn mang theo kiến thức của cả thời đại mà ông ta sống.

CÁI ĐẸP LÀ PHẠM TRÙ TOÁN HỌC?

Sự hài hòa hoàn hảo. Tỷ lệ vàng đã tồn tại từ trước đó, trong các công trình xây dựng của Ai Cập cổ đại. Lý thuyết về tỷ lệ vàng đã được trình bày lần đầu ở thế kỷ thứ 3 trước Công nguyên trong tác phẩm “Nguyên lý cơ bản” của Euclid. Ông này đã lấy cảm hứng từ tư tưởng của nhà toán học kiêm triết học người Hy Lạp Pythagore.

Theo Pythagore, Vũ trụ được hình thành từ cùng một dạng vật chất (gọi là “vật chất cơ bản”). Tất cả những nguyên tố của vật chất này liên kết với nhau theo một trật tự không đổi do đấng tối cao thiết lập do đó (và nhờ đó) mà tạo ra sự hài hòa hoàn hảo. Bắt nguồn từ khái niệm trật tự, khái niệm tỷ lệ dựa trên ý tưởng cho rằng “tất cả đều được sắp xếp theo những con số”. Nhờ so sánh chiều dài của các dây nhạc cụ với độ cao của 7 nốt thang âm Hy Lạp mà Pythagore rút ra được những tỷ lệ tạo ra hợp âm. Đây là những tỷ lệ toán học: các quãng nhạc có thể biểu thị bằng cách phối hợp 4 số đầu sao cho có tổng số bằng 10.

Một định luật phổ biến. Pythagore cho rằng thiên nhiên thuận theo tính lô-gich của toán học và chính nhờ tính lô-gich này mà thiên nhiên tìm ra được vẻ đẹp của nó. Do đó mà tỷ lệ vàng có thể giải thích mọi thứ,

*Quang cảnh một thành phố lý tưởng,
 tranh của Piero della Francesca.*



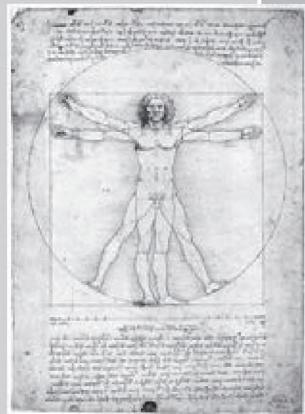
nhất là trong lĩnh vực âm học, vật lý và hình học. Nó gắn kết hài hòa với thiên nhiên.

Tỷ lệ vàng được áp dụng phổ biến trong nghệ thuật, kiến trúc và thiên văn Hy Lạp. Ý tưởng cho rằng mọi vật thể đều tuân theo những tỷ lệ phù hợp với các tỷ lệ chi phối Vũ trụ đã được xem là bất biến. Đề tài này được phát triển trong tác phẩm *De divina proportione* (1509) của một tu sĩ người Ý tên Luca Pacioli. Đây là tác phẩm đầu tiên hoàn toàn chỉ viết về tỷ lệ vàng và được minh họa bằng các hình vẽ của Leonardo da Vinci.

Một mô hình cho giới nghệ sĩ và kiến trúc sư. Trong *De architectura* - tác phẩm chuyên đề đầu tiên về kiến trúc viết năm 25 TCN - kiến trúc sư La Mã Vitruve là người đầu tiên cho rằng sự hài hòa của các tòa nhà cần phải phỏng theo sự hài hòa của cơ thể người.

Nhiều thế kỷ sau, các nghệ sĩ và kiến trúc sư thời Phục Hưng như Piero della Francesca, Leonardo da Vinci hay Albrecht Durer, đã lấy các tỷ lệ lý tưởng của cơ thể người để đưa vào các công trình của mình.

Gần đây nhất, năm 1946, kiến trúc sư Le Corbusier đã phát hiện bí quyết xây dựng hàng loạt khi ông sáng tạo ra hệ *Modulor* tức “Mô-đun vàng”, một hệ thống các tỷ lệ trong kiến trúc cho phép xây dựng nhà cửa vừa nhanh chóng lại vừa hài hòa.



Một bức họa của Leonardo da Vinci. Ông cho rằng một thân hình đẹp và cân đối cần tuân thủ Tỷ lệ vàng.



những đô thị bí ẩn



Hải đăng Alexandria - kỳ quan thế giới cổ đại

Là kỳ quan thứ bảy của thế giới cổ đại, ngọn hải đăng Alexandria đứng sừng sững ở lối ra vào cảng thành phố Alexandria, Ai Cập, một thành phố do Alexander Đại Đế sáng lập năm 331 TCN và sau đó được vua Ptolemy I cho xây dựng.

- *Vị trí quan trọng của ngọn hải đăng tại cảng Alexandria*

Alexandria được xem là một thành phố lý tưởng, một thành phố mà sự vĩ đại phản ánh quyền lực thống trị của Hy Lạp ở Địa Trung Hải. Vẻ lộng lẫy và chiêu cao của ngọn hải đăng là biểu tượng nổi bật nhất của thành phố này.

Sau khi bị phá hủy vào năm 1303, những gì còn sót lại của ngọn hải đăng ngày nay chỉ là một đống đá vôi chìm sâu dưới lòng biển ở ngoài khơi thành phố Alexandria và những lời mô tả sơ sài khiến người ta không thể nào khôi phục lại hình ảnh của ngọn hải đăng này một cách chính xác.

- *Đảo Pharos tiếp nhận kỳ quan thứ bảy của thế giới*

Việc xây dựng một ngọn hải đăng ở Alexandria trước hết nhằm phục vụ lợi ích của thành phố. Sự sống còn của thành phố này gắn liền với việc phát triển giao thương biển. Do đó việc cần làm đầu tiên là đảm bảo an toàn để tàu bè đi lại dễ dàng trong khu vực mà nhà sử học kiêm nhà địa ký và triết gia Hy Lạp Strabo (sinh năm 58 TCN) mô tả là “đầy đá ngầm, cái thì nổi rõ trên mặt nước, cái thì chìm lìm không ai thấy”.

Ngọn hải đăng được xây dựng tại mũi đông của đảo Pharos, một hòn đảo mang hình dạng thuôn dài nằm đối diện với thành phố Alexandria. Chính từ cái tên của hòn đảo này mà đã ra đời danh từ “đèn pha” tức hải đăng (tiếng Latin là pharus). Đảo Pharos nối với đất liền bởi một con đê dài hơn 1km, tạo thành một bến cảng được che chắn kỹ.

- **Một công trình quy mô khổng lồ**

Là người sáng lập ra một triều đại mà sau này sẽ biến mất cùng với cái chết của nữ hoàng Ai Cập Cleopatra (vào năm 30 TCN), Ptolemy I - cựu dũng tướng của Alexander Đại Đế - mong muốn trở thành người nối gót các pharaon. Để xây dựng ngọn hải đăng, ông điều động tất cả những người tài giỏi nhất Ai Cập. Cá các giáo sĩ lặn thợ thủ công đều được trợ giúp tìm hiểu phương pháp xây dựng kim tự tháp, chủ yếu thông qua các sách vở lưu trong Đại Thư viện.

Kỳ quan thứ bảy của thế giới tạo cảm hứng cho rất nhiều nghệ sĩ.

Trên hình là bức họa ngọn hải đăng Alexandria của họa sĩ Maerten van Heemskerck.



Công trình này chắc chắn là vô cùng hoành tráng.

Các nguồn tư liệu văn học và khảo cổ học cho phép phác họa những nét chính của công trình. Được xây bằng đá vôi trắng, ngọn hải đăng vươn cao khoảng 135m. Tầng thứ nhất của ngọn hải đăng hình vuông, tầng thứ hai hình bát giác, còn tầng thứ ba (cũng là tầng cuối) có hình trụ. Cả khối công trình này nằm trên một nền chữ nhật nâng cao. Một đoạn đường dốc đặt trên 16 chiếc vòm dẫn đến cánh cổng vào đồ sộ của ngọn hải đăng. Để vào bên trong có một con đường dốc dẫn lên tầng hai rồi từ tầng hai có cầu thang lên đỉnh.

Yacoubi, một viên chức Ả Rập sống ở thế kỷ thứ 9 nói rằng tổng thể công trình “chỗ nào cũng có cửa sổ soi sáng đường cho những người leo lên hải đăng và giúp họ đặt chân đúng chỗ”. Ngọn hải đăng có khoảng 50 gian phòng. Một số là phòng làm việc của bộ phận bảo trì còn một số dùng để dự trữ chất đốt để chuyển lên tầng trên cùng của ngọn hải đăng.

• *Số phận ngọn hải đăng*

Nơi trọng yếu của ngọn hải đăng nằm ở tầng trên cùng. Đây là tầng có “căn phòng lửa”, nơi mà lò lửa hoạt động suốt ngày đêm để soi đường cho hơn 100.000 thủy thủ.

Đến triều đại Byzantium từ thế kỷ thứ 4 đến thế kỷ thứ 7, các tượng danh nhân Hy Lạp đặt trên ngọn tháp này được thay thế bằng tượng của các thánh Công giáo. Khi người Hồi giáo xâm chiếm thành phố Alexandria, họ biến tầng trên cùng của ngọn hải đăng thành đền thờ Hồi giáo. Cho đến nay việc khôi phục nơi này tỏ ra cực kỳ khó khăn bởi lẽ nó đòi hỏi các nhà khảo cổ phải làm việc rất tỉ mỉ trong một thời gian rất dài mới mong gắn lại được gần 3.000 khối đá hiện đang nằm sâu nhiều mét dưới đáy biển.

TRONG ĐẠI THƯ VIỆN ALEXANDRIA CÓ GÌ?

Là người theo đuổi ước mơ vĩ đại của Alexander Đại Đế, vua Ptolemy I đứng ra chủ trì việc xây dựng Alexandria. Được triết gia Demetrius Phalereus thuyết phục là thành phố cần có thư viện, Ptolemy I đã cho xây một thư viện và biến nơi này thành nơi trữ sách lớn nhất trong thế giới Địa Trung Hải cổ đại.

Một công trình xây dựng độc nhất vô nhị thời Cổ Đại. Triều đình Ptolemy muốn tập hợp tất cả những văn bản viết tay trên thế giới. Để làm điều này, họ bỏ tiền ra mua, sao chép và thậm chí là ăn cắp sách... Hàng ngàn cuộn giấy nambiết các kệ sách ở khắp nơi trong lâu đài, cả dưới hàng hiên lẫn ngoài hành lang.

Trong đại thư viện có các tác phẩm của Homer, Hérodote hay Thucydides và thậm chí cả bản dịch Kinh Thánh Do Thái Septante. Số lượng lớn sách vở nơi đây đã thu hút những nhà trí thức lớn nhất thời đó. Người ta ước tính trong thư viện Alexandria có đến 700.000 "quyển sách".

Trận hỏa hoạn là do Caesar...

Chính vì thế mà chuyện thư viện bị hủy hoại thực sự là một tấn thảm kịch cho cả người thời đó lẫn các sử gia thời nay. Sự biến mất của thư viện Alexandria lúc đầu bị cho là do lỗi của hoàng đế La Mã Julius Caesar vì trong quá trình mang quân đi chinh phục thành phố Alexandria năm 47 TCN, ông đã cho đốt hạm đội của chính mình để chúng không rơi vào tay cư dân Alexandria. Có lẽ ngọn lửa từ đó đã lan sang kho chứa sách.

Thật ra thì hầu như toàn bộ thư viện đã bị hủy hoại trong các đợt tấn công của La Mã vào năm 270 và sau đó là năm 391 sau Công nguyên.

Các đại đô thị bỏ hoang của người Maya

Người Maya đã sáng lập ra nền văn minh tiên tiến trải dài trên vùng đất bây giờ là các bang Yucatan và Chiapas của Mexico, một phần Honduras và Guatemala. Nguyên nhân khiến họ rời bỏ các thành phố này trước khi người Tây Ban Nha đặt chân đến hiện vẫn là một bí ẩn.

- **Tikal, một thành phố khác thường ngay giữa rừng già nhiệt đới**

Ẩn mình trong rừng nhiệt đới là các đại đô thành thực thụ, tạo nên một mạng lưới kiến trúc phức tạp. Bốn đô thành trong số này tỏ ra nổi bật bởi những công trình xây dựng rộng lớn mà hình hài khiến ta phải ngãm nghĩ về độ chuẩn xác kỹ thuật của các kiến trúc

Đền I and Plaza Major là một trong những công trình lộng lẫy nhất của Tikal ở Guatemala.



MAYA, NỀN VĂN MINH PHÚC TẠP

Mặc dù người Maya chủ yếu sống bằng nghề nông nhưng những món đồ gốm phát hiện tại các đô thành cho thấy họ cũng rất giỏi nghề thủ công. Họ sở hữu hệ thống chữ viết đầy đủ đầu tiên của châu Mỹ trước khi Christopher Columbus tìm ra lục địa này. Và họ cũng có nhiều kiến thức đáng nể về thiên văn học. Là xã hội theo chế độ thần quyền, toàn bộ lối tư duy tuân theo trình tự tôn giáo, xã hội Maya là một hệ thống đẳng cấp nơi mà việc hiến tế người diễn ra phổ biến.

Nhiều đô thành lớn được xây dựng ở thời kỳ đỉnh cao của lịch sử người Maya (từ năm 625 đến năm 800 sau Công nguyên), trở thành trung tâm tôn giáo, chính trị và hành chính của người Maya. Nhà ở của họ thì nằm rải rác quanh khu vực trung tâm này. Công trình tiêu biểu ở trung tâm thành phố là một ngôi đền có dạng vòm hình thành từ hai bức tường song song, càng vào sâu bên trong càng dày, trên cùng là phần nóc.

sư. Bốn đô thành đó là Tikal ở Guatemala, Copán ở Honduras, và hai đô thành Palenque và Uxmal ở Mexico.

Đô thành lớn nhất là Tikal rộng khoảng 10km^2 . Ngay giữa lòng đô thành là một sân rộng hình chữ nhật dùng để tổ chức các nghi lễ tôn giáo. Hai bên sân là những bệ đất vươn lên thành những ngôi đền hình tháp khổng lồ có nhiều bậc thang. Bậc cao nhất cách mặt đất 70m. Những ngôi đền này bao bọc phần mộ của những người cai quản thành phố. Tính ra có đến hơn 3.000 công trình xây dựng ở đây, trong đó có rất nhiều đền dài, dinh thự và sân chơi bóng phân bố trên ba thành thượng nối kết nhau bởi những mặt đường rộng, đặc biệt là thành thượng Bắc rộng đến hơn một hecta và có 16 ngôi đền.

Có rất nhiều tấm bia đá trơn ở các công trình trên. Có lẽ lúc đầu các bia này được trát thạch cao nhưng với thời gian lớp thạch cao này đã biến mất cùng với những dòng chữ khắc trên đó. Với những công trình còn lại, người Maya xây bằng loại đá cứng hơn lấy từ nơi khác đến. Do người Maya không sử dụng bánh xe mà dùng một hệ thống đai truyền đơn giản để tải đá, ta có thể hình dung họ phải khó nhọc thế nào để vận chuyển vật liệu xây dựng đến công trình. Việc xây dựng đô thành Tikal vì thế phải chia làm nhiều chặng và trải dài suốt 500 năm.

- ***Một nền văn minh đỉnh cao vì sao đã nhanh chóng biến mất?***

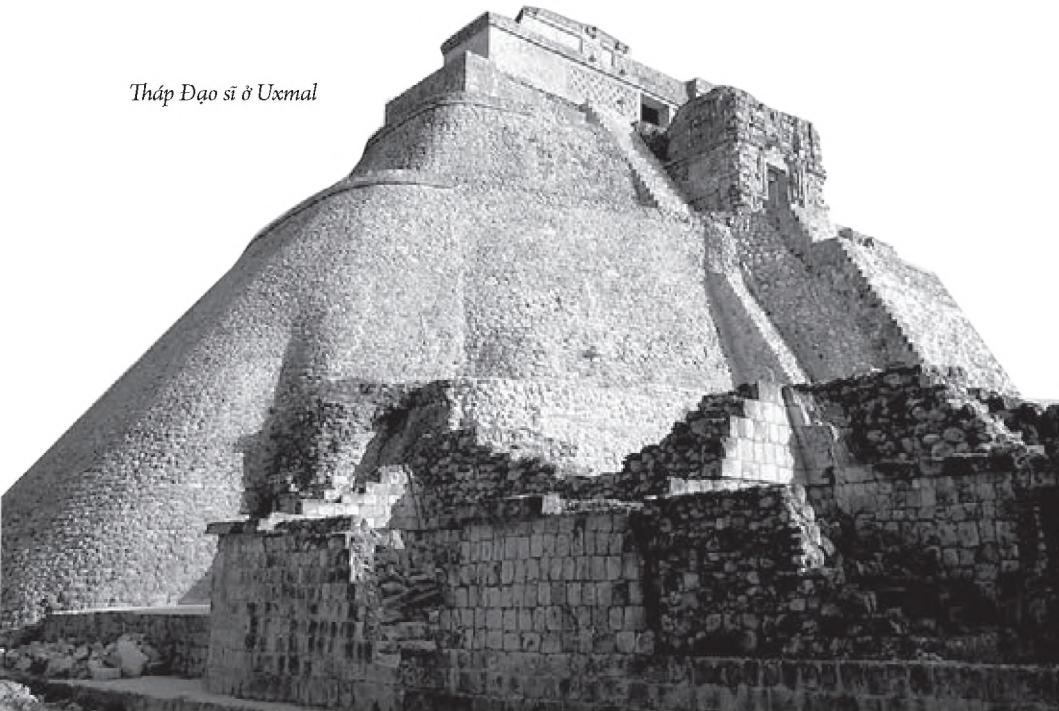
Việc ngưng đột ngột các công trình xây dựng cho mục đích tôn giáo và chính trị là dấu hiệu đầu tiên về sự suy tàn của đế chế Maya.

Tuy nhiên, không chỉ đời sống văn hóa của người Maya bị chưng lại mà cả dân số Maya cũng bắt đầu giảm dần. Phần lớn các

Cổng vào tháp Đạo sĩ ở Uxmal



Tháp Đạo sĩ ở Uxmal



khu trung tâm đều bị bỏ hoang chỉ trong vòng vài năm. Dân số Tikal từ 50.000 người giảm xuống chỉ còn 5.000. Đến cuối thế kỷ thứ 9 thì không còn bóng dáng người Maya nào ở đô thành hoang phế này.

Nhiều ý kiến được đưa ra để lý giải nguyên nhân rời bỏ các đô thành của người Maya. Một số người cho rằng đó là do thảm họa thiên nhiên như động đất, thay đổi khí hậu hay các đợt dịch bệnh. Nhưng tình trạng địa chất và địa lý nơi đây cho thấy lập luận này không đúng, và cũng không ai tìm thấy bất kỳ dấu vết nào của cái chết hàng loạt do dịch bệnh. Không có dấu vết nào của sự xâm lược ngoại bang. Việc tìm thấy ở Tikal vài món đồ gốm xuất xứ từ vịnh Mexico không thể chứng minh được rằng đã xảy ra một cuộc chiến tranh xâm lược ở đây.

- **Nhiều giả thuyết nhung đều không dứt khoát**

Dựa vào việc tượng những người cai quản thành phố bị chặt đứt chân tay, nhà khảo cổ học Mỹ Eric Thompson cho rằng những người nông dân đã nổi dậy. Khởi nghĩa nông dân đã kết liễu sự cai trị của những nhà cầm quyền tôn giáo và chính trị. Tuy những người này sau đó vẫn tiếp tục sinh sống quanh các đô thành, nhưng do các dinh thự của họ thiếu sự bảo trì nên dần dần sụp đổ. Giả thuyết này nghe có vẻ thuyết phục nhưng không vững vì không ai tìm thấy trong phế tích của đô thành này bất kỳ dấu hiệu nào chứng tỏ đã xảy ra một cuộc chiến đẫm máu.

Theo những nhà nghiên cứu khác thì nguyên nhân sụp đổ của nền văn minh Maya là do yếu tố thiên nhiên. Đất đai nơi đây bị suy kiệt bởi tình trạng thâm canh ngô. Tuy nhiên thường thì các nương rẫy bậc thang không bị ảnh hưởng bởi tai họa sinh thái này.

Không ai lý giải được vì sao người Maya dần dần rời bỏ các đô thành, mặc cho chúng bị rừng già xâm chiếm. Và người ta càng không hiểu vì sao họ lại bỏ đi trong một thời gian dài đến thế. Theo những giải thích gần đây nhất thì có thể là do vài nguyên nhân như sau: Thứ nhất là do áp lực quân sự và thương mại của những người từ nơi khác đến, thứ hai là do có sự mất cân đối giữa dân số và nguồn lương thực ở các đô thành, thứ ba là do xảy ra cạnh tranh



gay gắt giữa các đô thành với nhau khiến xã hội Maya ngày càng suy yếu.

Palenque - thành phố của người Maya phát triển rực rỡ vào thế kỷ thứ 7.

Tiahuanaco - thành phố đá màu nhiệm

Năm 1549, khi nhà thám hiểm Tây Ban Nha Cieza de Leon lên đến ngọn đồi cao thuộc dãy núi Andes ở Tiahuanaco thì ông phát hiện ra những phế tích thật đặc biệt ở nơi đây. Một số người cho rằng đó là di tích của một thành phố cổ nhất thế giới hay thậm chí là tàn tích một căn cứ của các "thánh thần" ngoài hành tinh!

- *Thành phố chết trên vùng cao nguyên thuộc dãy Andes*

Trong số tất cả các thành phố thời tiền Columbus (Christopher Columbus), Tiahuanaco chắc chắn là thành phố bí ẩn nhất. Năm ở cực Nam hồ Titicaca thuộc địa phận Bolivia 20km và tọa lạc trên cao độ 3.840m, Tiahuanaco trải dài trên một diện tích rộng hơn 4km², trên đó các di tích cự thạch chiếm khoảng 16 hecta. Với quang cảnh đồi cao, nơi này nằm lọt thỏm giữa hai ngọn núi cao, một ngọn cao 4.700m ở phía Đông và ngọn kia cao 6.000m ở phía Tây. Khó tưởng tượng nổi một nơi như thế lại ẩn dấu một nền văn minh vô cùng phát triển...

Công trình kiến trúc nổi tiếng nhất ở Tiahuanaco là “cổng Mặt Trời” làm từ một khối đá khổng lồ chạm trổ tinh xảo. Nhưng người ta cũng tìm thấy ở Tiahuanaco phế tích của các ngôi đền (trong đó một ngôi đền có hình kim tự tháp và một ngôi đền khác được chôn một phần dưới lòng đất), di tích một cung điện, nhiều công trình khác nhau và những tượng thần khổng lồ tạc trong đá nguyên khối.

Lúc người Tây Ban Nha mới phát hiện ra thành phố này thì số lượng di tích nơi đây còn nhiều hơn, nhưng do trong vùng thường

xuyên xảy ra động đất và do nhiều bức tường nơi đây bị dỡ bỏ để xây các công trình khác nên đến lúc được xếp loại di tích thì thành phố này đã không còn gì nhiều. Chỉ riêng các khối đá to nhất là vẫn trụ được tới ngày nay.

Ở các khu phố bên ngoài khu vực cự thạch, các căn nhà bằng gạch thuở nào đã trở thành cát bụi sau khi thành phố bị bỏ hoang. Phải quan sát từ trên không mới thấy được dấu vết của chúng. Từ phát hiện này, người ta ước tính dân số Tiahuanaco là từ 30.000 đến 40.000 người.

- ***Thời kỳ hưng thịnh và suy vong của thành phố Tiahuanaco***

Ngay khi người Tây Ban Nha đặt chân đến Tiahuanaco, họ đã tìm hiểu về độ tuổi của thành phố này. Người da đỏ thời đó không cung cấp được manh mối nào đáng tin cậy. Họ chỉ kể rằng thành

“Cổng Mặt Trời” - công trình kiến trúc nổi tiếng nhất ở Tiahuanaco





Cầu thang bằng đá nguyên khối dẫn lên đền Kalasasaya, khu thờ phụng thiêng liêng của Tiwanaku, Bolivia.

phố này được những người khổng lồ xây lên trong chỉ một đêm trước ngày xảy ra Đại hồng thủy, nhưng sau đó thì bị một trận động đất lớn hoặc “tia Mặt trời” hủy hoại. Dựa vào các truyền thuyết này mà một số “tác giả” suy đoán rằng Tiahuanaco đã 300.000 năm tuổi và là tác phẩm của một giống người khổng lồ bị lãng quên.

Nhưng các công trình khai quật ở thế kỷ 20 cùng việc đo tuổi bằng cacbon-14 thực hiện trong thập niên 1960 cho phép ta phân biệt bốn giai đoạn phát triển của thành phố này. Đầu tiên là giai đoạn hình thành (khoảng từ năm 1000 đến năm 133 TCN) rồi đến giai đoạn xây dựng đô thị (133 TCN đến 374 sau Công nguyên), sau đó là giai đoạn vương quyền (374-724) và cuối cùng là giai đoạn “bành trướng” diễn ra cho đến khi thành phố này đi đến một kết cuộc bi thảm ở đầu thế kỷ 13.

Khi quân Incas tràn vào Tiahuanaco giữa thế kỷ 15 thì thành phố này đã bị bỏ hoang gần 250 năm.

- **Các khối đá được dịch chuyển cách nào?**

Một bí ẩn nữa của Tiahuanaco là cách thức vận chuyển các tảng đá núi lửa nguyên khối trong dãy Andes và những tảng sa thạch để xây các công trình kỷ niệm hay tạc các tượng thờ. Tảng đá nặng nhất là khối sa thạch đỏ nặng 131 tấn. Sa thạch có lẽ có xuất xứ ở khu vực, nhưng đá núi lửa (tảng lớn nhất nặng 41 tấn) thì có lẽ được lấy từ hồ Titicaca thuộc bán

NỀN VĂN HÓA RỰC RỠ CỦA TIAHUANACO

Đỉnh cao của đế chế Tiahuanaco kéo dài từ năm 800 đến năm 1000 sau Công nguyên. Thời kỳ đó quốc gia này và đế quốc Huari ở phương bắc chia nhau cai quản dãy núi Andes thuộc lãnh thổ Peru. Đế chế Tiahuanaco trải dài trên vùng đất bao gồm phía Bắc hồ Titicac, phía Tây Bolivia hiện nay, phía Bắc Chile và vùng ven biển Peru. Tôn giáo thờ Mặt trời đóng vai trò rất quan trọng trong cuộc sống người Tiahuanaco và có vẻ như liên quan chặt chẽ đến đời sống chính trị. Người ta đã tìm thấy một số trung tâm hành chính địa phương và khu vực cùng với một hệ thống đường bộ phát triển xuất phát từ Tiahuanaco.

Các di tích của thành phố này cho thấy tài năng kiến trúc và nghệ thuật của người dân ở đây. Chúng chứng tỏ thợ thủ công Tiahuanaco biết cả nghề vàng lẫn nghề đồng.

*Một pho tượng đá nguyên khối ở Tiahuanaco.
Việc xây dựng thành phố Tiahuanaco dựa vào
các kỹ thuật kiến trúc và nghệ thuật hiện đại.*





Các bức tường của ngôi đền ở Tiahuanaco được trang trí bằng các bức tượng mặt người độc đáo.

đảo Copacabana cách đó 80km. Làm sao có thể di chuyển những khối đá này trên một chặng đường rất dài khi mà không có bất kỳ loại thú kéo nào?

Các câu truyện thần thoại của người da đỏ thường kể về một đạo sĩ dùng tiếng kèn để điều khiển các khối đá khổng lồ bay lên không. Một số người da đỏ thì cho rằng có bàn tay trợ giúp của người ngoài hành tinh. Nhà khảo cổ người Bolivia Carlos Ponce Sanjines đã bỏ một thời gian dài để đào tìm kiếm và tiến hành nhiều thử nghiệm ở khu di tích Tiahuanaco. Ông đã chứng minh rằng 20 người là có thể dùng dây thừng kéo một tảng đá một tấn. Vì biết người da đỏ có kỹ thuật bện dây thừng rất chắc nên ông quả quyết rằng các tảng đá nguyên khối có thể được kéo lê trên

mặt đất bằng cách sử dụng nhiều phương pháp giảm ma sát khác nhau. Về phần các khối đá lấy từ núi Andes thì có lẽ chúng được vận chuyển bằng đường hồ và được chất lên trên những chiếc bè làm bằng gỗ *balsa*, một loại gỗ lấy từ một nơi ở xa hơn 100km.

- **Bí ẩn vẫn còn đó và sẽ mãi còn đó**

Nhưng thắc mắc liên quan đến việc người thời đó đã dùng phương cách nào để vận chuyển các tảng đá lớn - cụ thể nhất là những tảng nặng trên 20 tấn - thì đến nay vẫn chưa có lời giải đáp.

Ngoài ra Tiahuanaco còn có những bí ẩn khác. Rõ ràng là cư dân thành phố đã đột ngột rời bỏ nơi này vào đầu thế kỷ 13. Nhưng vì sao? Không ai rõ. Cũng không ai biết thành phố này đảm nhiệm chức năng gì, là một trung tâm tôn giáo hay là kinh đô của các vua chúa? Cho đến giờ vẫn chưa có bất kỳ manh mối nào giúp ta giải quyết các thắc mắc này.

thánh đường huyền bí



Thánh đường huyền bí

Như một khu rừng cột đá soi rọi bởi dòng ánh sáng lung linh sắc màu qua những khung kính rực rỡ, nhà thờ Đức Bà Chartres là một trong những ngôi thánh đường lớn nhất nước Pháp. Tuy nhiên công trình này đến nay vẫn chưa chứa nhiều bí ẩn.

- *Giêng thiêng, nước thánh....*

Trước khi người công giáo đặt chân đến Chartres thì người Gaulois đã rất sùng tín nơi này. Ngay cả cái tên Chartres cũng đã chứng tỏ nguồn gốc văn hóa của nó bởi xuất xứ của từ này là *carns*, tên mà các thầy tế đặt cho các bàn thờ đá, hoặc *Carnut-Is*, có nghĩa là “chốn linh thiêng của người Carnutes” (Carnutes là tên gọi người Gaulois sống tại đây lúc vùng này bị La Mã chiếm đóng).

Mặt chính, ở trung tâm của nhà thờ Đức Bà Chartres.



SỰ KỲ DIỆU CỦA KÍNH MÀU

Ngay cả những tấm kính màu ở Nhà thờ Đức Bà Chartres cũng có hơi hướng bí ẩn. Bí quyết hóa học nào đã được sử dụng để đạt đến những màu sắc đẹp như thế? Ý nghĩa thực sự của các hình vẽ trên đó là gì?

Thánh sử thường có hai cách diễn dịch khác nhau: với công chúng thì dùng cách giải thích đơn giản còn với người am hiểu thì dùng cách giải thích phức tạp. Tương tự là với các hình thể trên kính ghép màu: với người này đó chỉ là những mẫu hình trang trí đơn giản, nhưng với người khác đó lại là “chuyển động của vật liệu dưới tác động của ngọn lửa giả kim”.

Chủ đề thiên văn cũng được ứng dụng cho trang trí giáo đường. Ở ô cửa Bắc của giáo đường, cảnh “thăng thiên” (của Chúa Jesus) được viền quanh bởi các sao trong cung hoàng đạo, còn ở vành cửa Nam thì có chạm hình 7 người tượng trưng cho 7 ngành nghệ thuật tự do (các môn học trí tuệ “cao quý” ứng với 7 hành tinh được biết đến ở thời Trung Cổ).



Một tấm kính màu lồng lẫy
của thánh đường.

Nơi này trước đây là một đền thờ dị giáo, bên trong có một chiếc giếng thiêng sâu khoảng 33m. Truyền thuyết kể rằng chiếc giếng được gọi là “Saints-Forts” này là nơi mà những người công giáo tuẫn đạo đầu tiên tìm đến để gieo mình xuống. Giếng sau đó được đặt trong một hầm mộ mà Đức Giám mục Fullbert cho xây lại và hoàn tất vào tháng 12 năm 1020 sau khi thánh đường bị cháy lần đầu tiên vào năm 1020.

- *Lại cháy...*

Năm 1134 một trận hỏa hoạn thứ hai lại hủy hoại thánh đường khiến nó phải xây dựng lại. Cổng chính thánh đường được xây năm 1144-1145. Nhưng đến năm 1194 thì ngọn lửa một lần nữa lại hủy hoại toàn bộ thánh đường, nhưng kỳ lạ thay mặt trước và cổng vào chính không hề bị ảnh hưởng. Đó là nơi có những pho tượng rất đẹp tạo thành một công trình điêu khắc tuyệt tác. Ngay giữa đống đốt nát, người ta còn tìm thấy một thánh tích quý giá còn nguyên không bị hư hại, đó là một mảnh áo của Đức Mẹ đồng trinh...

Công việc tái xây dựng lại diễn ra. Chỉ trong vòng chưa đến 30 năm, dưới sự điều khiển của một nhân vật không rõ danh tính, công trình vĩ đại này đã hoàn thành. Từ năm 1220, gian giữa và nơi bối trí dàn đồng ca đã sẵn sàng cho các buổi lễ. Đây gần như là một phép lạ bởi quy mô đồ sộ của công trình.

Mãi đến 40 năm sau đó, công trình này mới hoàn tất. Trước sự hiện diện của đức vua Saint Louis (Louis IX), thánh đường này đã được cung hiến cho Đức Mẹ Maria, vị thánh nữ bảo hộ thành phố Chartres.

Sau đó, hầm mộ trở thành nơi các giáo dân thường xuyên lui tới cầu nguyện Đức Mẹ đồng trinh đen mà họ gọi là “Đức Bà dưới lòng đất”. Các bệnh nhân từ khắp châu Âu đổ xô về với hy vọng được chữa lành bệnh bởi họ tin vào tác dụng thần diệu của nước giếng. Nhưng các giới chức tôn giáo quyết định ngưng việc làm mà họ cho là mê tín này bằng cách lắp kín miệng giếng vào năm 1654. Mãi đến hai thế kỷ rưỡi sau người ta mới tìm thấy lại chiếc giếng này.

- **Phương hướng khác thường**

Nhà thờ Đức Bà Chartres mang một số đặc điểm khác thường. Đầu tiên là nó xoay về hướng Đông Bắc (phần lớn các nhà thờ đều xoay về hướng Đông tức hướng về Palestine, cái nôi Thiên Chúa giáo). Điều khác thường này được giải thích là do ngôi thánh đường cần phải xây theo phần móng sẵn có của ngôi đền dị giáo cũ để trụ vững. Nhưng quả như vậy thì thánh đường này sẽ phải chịu ảnh hưởng của dòng nước ngầm mà từ thời người Gaulois đã được xem là có lợi cho con người nhưng lại dễ dẫn đến những tai họa dưới lòng đất như ô nhiễm lớp nước giếng, lở đất, v.v...

- **Lối trang trí lạ**

Ở khắp nơi trong thánh đường, khách đến thăm đều nhìn thấy những hình khắc trên đá do những người thợ hồ vô danh để lại

Một trong số các điêu khắc bên trong Nhà thờ Đức bà Chartres.



dưới dạng chữ viết tắt, hình vẽ cá hay vẽ chân dung người. Có điều lạ là một số đề tài Thiên Chúa giáo cơ bản lại vắng mặt. Chẳng hạn như không có nơi nào thể hiện cảnh Chúa Jesus bị đóng đinh trên thập tự giá.

Cuối cùng, một trong những điều bí ẩn nhất của nhà thờ Đức Bà Chartres là “mê đạo”, một hình vẽ khắc trên nền của gian thờ giữa. Hình này được hợp thành từ 11 vòng đá lát đen cuộn vào nhau để tạo ra một con lộ dài hơn 260m. Con lộ này dẫn đến tâm của mê đạo, nơi xưa kia được đánh dấu bằng một tấm biển đồng có khắc hình trận chiến giữa vua Theseus với thú thần Minotaur...

Đây quả là một mẫu trang trí kỳ lạ cho một giáo đường!

P h â n 3

BÍ ẨN CHỐN CUNG ĐÌNH

MẶC DÙ SỬ SÁCH VẪN LUÔN CỐ GẮNG LÀM SÁNG TỎ TẤT CẢ
CÁC MẶT CỦA MỘT QUÁ KHỨ VỐN ĐÔI KHI RẤT MƠ HỒ,
NHƯNG ĐÂU ĐÓ VẪN CÒN SÓT LẠI KHÔNG ÍT NHỮNG VÙNG TỐI,
NHỮNG THẮC MẮC KHÔNG LỜI GIẢI ĐÁP, NHỮNG CUỘC BÚT CHIẾN
VÀ THẬM CHÍ LÀ NHỮNG GIÁ THUYẾT ĐẦY MÂU THUẪN,
ĐẶC BIỆT LÀ Ở CHỐN CUNG ĐÌNH.

Phía sau chốn cung đình luôn ẩn náu những câu chuyện
huyền thoại. Nơi đó, người ta luôn chứng kiến những cảnh
bạo lực đổ máu và vô vàn những câu chuyện thực hư.
Sự sống và nhất là cái chết của các nhân vật chính trong lịch sử
đều nhuốm màu bí ẩn và trong suốt nhiều thế kỷ làm dấy lên
rất nhiều thắc mắc mà câu trả lời chỉ mới được đưa ra
sau những khám phá khoa học gần đây.

nhân vật bí ẩn



Kẻ mang mặt nạ sắt

Theo một truyền thuyết gợi nhiều cảm hứng cho các tiểu thuyết gia, nhà soạn kịch và làm phim, có một tù nhân lạ lùng mà vua Pháp Louis XIV ngăn cấm không cho tiếp xúc với thế giới bên ngoài. “Người mang mặt nạ sắt” mà văn hào Voltaire từng đề cập tới đến nay vẫn là một bí ẩn. Nhân vật đó là ai và đã làm gì để bị giam giữ?

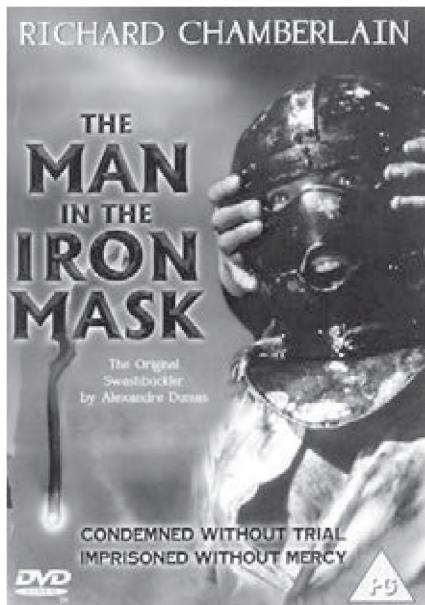
- *Trong ngục tối*

Bénigne de Saint-Mars là một cựu ngự lâm quân được đức vua và tể tướng Louvois vô cùng sủng ái. Năm 1665 ông được giao chỉ huy pháo đài Pignerol ở núi Alpes. Đến năm 1681 thì ông rời nơi này và nhận trọng trách chỉ huy phòng tuyến Exilles. Đi cùng ông là hai tù nhân. Năm 1687, khi trở thành tổng đốc đảo Sainte-Marguerite nằm đối diện với thành phố Cannes, một lần nữa người ta thấy ông lại mang theo một trong hai người tù. Người này được giấu trong một chiếc xe ngựa mui da che kín mít.

Năm 1698, Saint-Mars trở thành quản đốc ngục Bastille. Lại vẫn có một tù nhân đi cùng ông. Để giấu thân phận người này, Saint-Mars cho anh ta mang một chiếc mặt nạ nhung có một khớp kim loại ghi chữ “mặt nạ sắt”. Khi người tù này qua đời năm 1703, anh ta được chôn tại nghĩa trang Saint-Paul ở Paris dưới một cái tên vay mượn là Marchiali.

- *Các tù nhân đi theo Saint-Mars là ai?*

Người đeo mặt nạ chắc chắn là một trong những tù nhân mà Saint-Mars canh giữ trong thời gian chỉ huy pháo đài Pignerol. Qua các sổ tay của Saint-Mars và những thư từ mà ông trao đổi với tể tướng Louvois, tên tuổi những kẻ bị bắt đã được tiết lộ.



*Người mang mặt nạ sắt
luôn là đế tài hấp dẫn
cho điện ảnh khai thác.*

Hai trong số này là những nhân vật nổi tiếng. Một người là tể tướng Fouquet giàu có và quý quyết. Ông bị vua Louis XIV bắt giam vì nhà vua ghen tỵ với lối sống xa hoa của ông hoặc giả vì nhà vua kết tội ông tham nhũng. Còn người kia là vị công tước ngông cuồng de Lauzun. Ông này là thống chế của nhà vua và bị tống giam vì dính dáng đến những chuyện tình nhăng nhít. Cả hai đều không thể là kẻ mang mặt nạ sắt bởi Fouquet qua đời năm 1680 còn Lauzun thì được trả tự do từ trước khi Saint-Mars lên đường nhận nhiệm vụ khác.

Trong những tháng cuối cùng Saint-Mars lưu lại Pignerol, có 5 tù nhân khác bị giam trong pháo đài khổng lồ này. Một người trong số họ là một tu sĩ, ông ta bị kết tội lừa phỉnh nhiều quý

nương trong triều bằng cách nói rằng ông đã tìm được hòn đá hóa vàng. Một tù nhân khác tên Dubreuil. Ông này là một sĩ quan và bị kết tội gián điệp và phản quốc. Người thứ ba là Matthioli, một bá tước người Ý dưới quyền công tước Mantoue. Ông ta đã mưu toan lừa dối vua Louis XIV trong một cuộc đàm phán. Người thứ tư là La Rivière, gia nhân của Fouquet. Anh chàng này vẫn tiếp tục bị giam giữ ngay cả sau khi chủ nhân của mình qua đời vì bị nghi ngờ năm giữ những bí mật chết người do vị tể tướng mưu mô truyền lại. Người thứ năm là Eustache Dauger hay còn gọi là d'Auger, một hiệp sĩ trẻ trong triều. Anh chàng này bị kết tội dính dáng đến một vụ đầu độc.

- *Tù nhà tù này sang nhà tù khác*

Vậy là Saint-Mars đến phòng tuyến Exilles năm 1661 cùng với hai trong số các tù nhân. Ông chỉ gọi họ duy nhất bằng cái tên “*Hai kẻ ở tòa tháp phía dưới*”. Nhưng qua các bức thư do ông gửi đi, ta biết là Matthioli và Dubreuil vẫn còn ở lại pháo đài Pignerol một thời gian sau khi Saint-Mars ra đi, còn vị tu sĩ thì chết ngay trong trại giam.

Vậy “*Hai kẻ ở tòa tháp phía dưới*” chính là La Rivière và Dauger. Một trong hai người này sau đó ngã bệnh và qua đời năm 1686. Có lẽ người chết là La Rivière bởi trong thời gian phục vụ cho Fouquet anh ta đã có bệnh và thường xuyên không cử động được. Như vậy kẻ sống sót hẳn phải là Dauger. Lập luận này càng được củng cố bởi lá thư mà con trai hầu tước vùng Louvois gửi cho Saint-Mars năm 1691, trong đó anh ta nói về người tù mà Saint-Mars canh giữ “từ hơn 20 năm”. Trong số các tù nhân của Saint-Mars, chỉ có Dauger là có thời gian bị cầm tù tương ứng với khoảng thời gian ghi trong thư.

Năm 1694, Matthioli và Dubreuil bị chuyển đến château Saint-Mars và Dauger ở đảo Sainte-Marguerite. Anh chàng người Ý Matthioli qua đời vài tháng sau đó. Sau khi tiếp nhận trọng trách quản đốc ngục Bastille năm 1698, Saint-Mars rời đảo Sainte-Marguerite cùng với hai tù nhân sống sót trong đó một người mang mặt nạ còn người kia là Dubreuil. Dubreuil sau đó ở lại phòng tuyến Lyon. Vậy là chỉ còn...

MỘT SỐ GIẢ THUYẾT

Rất nhiều giả thuyết được đặt ra liên quan đến chiếc mặt nạ che giấu gương mặt người tù của Saint-Mars. Người ta cho rằng để che đậy nét giống nhau giữa người tù với một nhân vật quan trọng mà người ta buộc anh phải đeo mặt nạ, nhưng đồng thời lại đối xử với anh bằng thái độ tôn kính.

Từ thế kỷ 18 trở đi, người ta gán cho người tù này nhiều lai lịch. Lai lịch nổi tiếng nhất do văn hào Voltaire đưa ra và sau đó được Alexandre Dumas Cha lấy đưa vào quyển tiểu thuyết mang tên *Tù tước vùng Bragelonne*. Trong truyện này người mang mặt nạ là anh cùng mẹ khác cha với vua Louis XIV, ra đời từ mối quan hệ bất chính giữa hoàng hậu Anne nước Áo với bá tước Buckingham. Tuy nhiên, người này cũng có thể là em sinh đôi của vua Mặt Trời (tức vua Louis XIV), hay một người em của Louis XIV, ra đời từ cuộc hôn nhân bí mật giữa hoàng hậu Anne với Đức Hồng y Mazarin. Có cả những lời đồn rằng cha người này là vua Anh Charles II... hay thậm chí là văn hào Molière.



Văn hào Alexandre Dumas Cha.

- ***Người mang mặt nạ chỉ có thể là Eustache Dauger!***

Kể từ khi bị tống giam năm 1669, Dauger luôn được chiếu cố đặc biệt. Tên anh ta chỉ được báo với trại giam khi anh ta đến. Và nếu một nhân vật quan trọng như tể tướng Louvois chỉ có tỏ ra lo lắng thì đó chỉ là khi ông trao đổi với Saint-Mars về “người tù ở tháp bên dưới” hay “tên tù nhân cũ của ngài”. Louvois cũng ra lệnh canh giữ để không ai biết về người tù này và bằng bất cứ giá nào không để anh ta tiếp xúc với bên ngoài. Chính tay Saint-Mars đưa bữa ăn đến cho người tù mỗi ngày bởi ngay cả lính canh cũng không được đến gần anh ta. Thái độ này cho thấy Dauger hẳn đã biết một bí mật gì ghê gớm. Năm 1675, Louvois chấp thuận cho Dauger thay La Rivière hầu hạ Fouquet bởi anh chàng này thường xuyên đau ốm. Đây là mối quan hệ không có rủi ro bởi bản thân Fouquet cũng bị kết án chung thân và bị đứt ra khỏi mọi liên hệ với thế giới bên ngoài. Cùng với những bí mật khiến Dauger bị giam cầm, nay anh ta lại biết thêm chuyện của Fouquet nên trở nên nguy hiểm gấp đôi.



*Người mang mặt nạ sắt
trong phim.*

- *Chưa có câu trả lời thỏa đáng...*

Chỉ còn lại hai điều gây thắc mắc: Dauger đã biết bí mật ghê gớm gì? Và tại sao anh ta chỉ bị giam chứ không bị giết?

Giả thuyết mà các tiểu thuyết gia ưa chuộng - cho rằng người đeo mặt nạ là anh trai vua Louis XIV - không đứng vững bởi ai cũng biết rõ cuộc đời của Eustache Dauger trước khi anh ta bị bắt, và cuộc đời đó cho thấy nhân vật này không liên quan gì đến hoàng gia.

Và lại thêm một bí ẩn nữa: Dauger không những bị cách ly để ngăn anh ta tiết lộ những bí mật mà ngay cả gương mặt anh ta cũng bị giấu kỹ, có lẽ là vì bí ẩn nằm ngay chính trong gương mặt này.

Gaspard Hauser - bí ẩn của thời đại

Một thiếu niên kỳ lạ không biết từ đâu xuất hiện đã làm rúng động toàn thành phố Nuremberg (Đức) và làm cả châu Âu sục sôi. Cậu là ai và từ đâu đến? Phải chăng cậu là đứa trẻ bị bỏ rơi của một gia đình quyền quý?



Gaspard Hauser

• Thiếu niên kỳ lạ

Ngày 26 tháng 5 năm 1828, trên một con đường ở Nuremberg (Đức), người ta nhìn thấy một thiếu niên trong tình trạng kiệt quệ, bước đi loạng choạng, vừa đi vừa gầm gừ những lời khó hiểu, trên tay là một lá thư gởi cho chỉ huy trung đoàn kỵ binh số 6 Wessnich. Người ta lập tức dẫn cậu đến doanh trại.

“Ngài chỉ huy kính mến, tôi xin gởi đến cho ngài một chàng trai trẻ muốn được phục vụ đức vua trong quân đội. Cậu ta bị bỏ rơi trước cửa nhà tôi ngày 7 tháng 10 năm 1812.

Nhưng tôi chỉ là một người làm công ăn lương và đã có 10 con nên không thể chu cấp cho nó...” Đính kèm lá thư của tác giả vô danh này là một mảnh giấy ghi như sau: “Đứa trẻ này đã được rửa tội dưới cái tên Gaspard. Khi nó lên 17 tuổi, xin hãy đưa nó đến trung đoàn 6 kỵ binh ở Nuremberg vì

cha nó từng là quân nhân ở đó. Đứa trẻ sinh ngày 30 tháng 4 năm 1812. Vì hoàn cảnh của tôi cũng khốn khổ nên không thể giữ nó. Cha nó đã qua đời". Những dòng này được viết trên cùng một loại giấy và cùng một loại mực với lá thư trên.

Wessnich cho mảnh giấy này là giả và cố gắng vặn hỏi cậu bé, nhưng nó chỉ phát ra những tiếng kêu nhỏ và tiếng gầm gừ. Tuyệt vọng, ông đành đưa nó đến đồn cảnh sát.

- *Chào đời trong ngục tối*

Cậu thiếu niên sau đó được ngài thị trưởng cùng ông cảnh sát trưởng và một bác sĩ nghiên cứu kỹ lưỡng. Cậu có vẻ như bị lửa cuốn hút và tỏ ra sợ hãi khi nghe tiếng nhạc. Khi người ta đưa cho

Một bức tranh vẽ bằng bút chì của Kasper Hauser



cậu một tờ giấy, cậu vụng về viết lên đó cái tên Gaspard Hauser. Nhưng dần dần, ngày qua ngày, sau một thời gian tiếp xúc với nhiều người đến thăm, Gaspard bắt đầu lắp bắp được một vài từ. Chẳng bao lâu sau cậu đã sở hữu một vốn từ đủ để thuật lại câu chuyện của mình.

Lục tìm lại quá khứ, Gaspard nhớ lại rằng cậu đã từng sống trong một nơi tăm tối, chật chội, cao 2m, diện tích 1m x 1,5m, tức không đủ để đặt một chiếc giường. Cậu ngủ trên một ổ rơm, sống trong xà lim đó lâu đến mức không tài nào nhớ nổi năm tháng. Gaspard chỉ có một món đồ chơi duy nhất đi theo suốt tuổi thơ là một con ngựa tạc từ gỗ. Cậu chưa bao giờ nhìn thấy bất kỳ ai. Tối nào cũng có một người đem bánh mì và nước đến cho cậu, nhưng cậu không bao giờ trông thấy người đó. Tuy nhiên, lúc gần đây, mỗi tuần đều có một người đàn ông ăn mặc toàn đen và đeo mặt nạ đến gặp cậu. Người này dạy cậu đi đứng và viết tên của mình. Rồi một ngày nọ, ông ta đến mặc quần áo cho cậu và kéo cậu ra khỏi nơi giam giữ, dẫn cậu đến thành phố Nuremberg. Khi đến nơi ông nhét vào tay cậu một phong thư...

• *Đứa trẻ mồ côi của châu Âu*

Báo chí quốc tế chộp ngay lấy câu chuyện này và gọi Gaspard là đứa trẻ mồ côi của châu Âu. Gaspard được một giáo sư cho trú ngụ trong nhà ông, tại đây cậu bắt đầu học đọc và học nói với một tốc độ nhanh đến kinh ngạc. Các bác sĩ nhận thấy da cậu rất mịn và gương mặt rất quý phái. Thế là họ bắt đầu tưởng tượng đủ mọi chuyện. Họ cho rằng sở dĩ cậu bị giấu kín như thế là bởi mang một thân thế đặc biệt. Chẳng lẽ cậu là con cái một gia đình danh giá nào đó? Và rồi một giả thuyết nhanh chóng được đặt ra.

Stéphanie de Beauharnais là người Pháp và là dưỡng nữ của

GASPARD HAUSER PHẢI CHẮNG LÀ KẺ MẠO DANH?

Làm thế nào một thiếu niên sống bao năm trời trong tình trạng không được nhìn thấy ai, không nghe ai nói và cũng không hề được giáo dục sau đó lại có thể đi đứng, nói năng, viết chữ và thậm chí là học hành và cư xử như một người xuất thân từ một gia đình danh giá thực sự? Đó là thắc mắc lớn nhất. Những người thời đó đã giải đáp thắc mắc này bằng cách dựa vào thân thế của cậu. Theo họ, vì Gaspard xuất thân từ một gia đình danh giá nên, mặc dù gặp cản trở trong cuộc sống, cậu vẫn nhanh chóng phục hồi được mọi khả năng học tập.

Người thời nay thì không mấy tin tưởng vào lời giải thích này. Qua quan sát nhiều trường hợp trẻ em hoang dã trong lịch sử, người ta thấy rằng đứa trẻ nào chưa từng đi học cũng như chưa từng tiếp xúc với con người một thời gian dài thì không thể trưởng thành một cách bình thường. Việc đi đứng, nói năng đều phải được học ở một độ tuổi nhất định lúc còn bé.



Tượng Gaspard Hauser
tại Ansbach, Đức

hoàng đế Napoléon. Năm 1806 nàng kết hôn với đại công tước Charles de Bade của Đức, một quốc gia nằm dưới sự bảo hộ của Napoléon. Vì cuộc hôn nhân này do hoàng đế Napoléon sắp đặt nên không mấy được ủng hộ ở lãnh địa của ngài Đại Công tước. Stéphanie có một kẻ thù, đó là nữ Công tước de Hochberg, người vợ thứ của cha chồng nàng. Ông này muốn con trai mình là người kế vị nên nữ Công tước de Hochberg phải nhượng bộ với điều kiện Charles và Stéphanie không được có con trai nối dõi.

- ***Stéphanie tin là mình đã tìm thấy con trai***

Thế nhưng Stéphanie lại hạ sinh một bé trai xinh xắn ngày 29 tháng 9 năm 1812. Ngay từ khi sinh, đứa bé này về nguyên tắc đã trở thành thái tử xứ Baden. Đứa trẻ trông rất cứng cáp và tràn đầy sinh lực. Tuy nhiên, chỉ 15 ngày sau, đứa bé đã được báo là đã qua đời trong hoàn cảnh khó hiểu. Ngay cả người mẹ trẻ cũng không được phép nhìn thấy thi hài con mình. Một năm sau, đứa con trai thứ hai của Stéphanie và Charles cũng chịu chung số phận với người anh. Đến năm 1828 thì ký ức về sự mất tích của hai đứa trẻ đột nhiên quay trở lại khiến các sử gia biên niên thắc mắc tự hỏi không biết Gaspard Hauser có phải là con của Charles và Stéphanie và bị nữ công tước de Hochberg bắt cóc đem giấu không. Xúc động, Stéphanie cũng tự hỏi điều này. Nàng nhớ rằng vào cái đêm đứa bé được cho là chết, bà nhũ mẫu đột nhiên ngủ say một cách lạ lùng cứ như thể bị đánh thuốc mê. Stéphanie sau đó đã nói chuyện rất lâu với huân tước Stanhope, người giám hộ của Gaspard lúc đó. Nàng thậm chí còn bí mật đến Anspach, nơi cư ngụ của cậu thiếu niên, để lén lút quan sát cậu. Cuối cùng thì Stéphanie tin chắc rằng Gaspard Hauser chính là con trai mình.

- **Gaspard bị ám sát trước khi được nhận về**

Nhưng lúc đó đại công tước vùng Bade lại là Leopold, con trai nữ bá tước de Hochberg. Chính vì thế mà Stéphanie không biết phải làm sao vì từ khi Napoléon sụp đổ, mọi thứ đều trở nên khó khăn hơn với nàng. Tuy vậy, nàng vẫn chuẩn bị nhìn nhận lại con trai. Có điều là nàng chưa kịp làm việc đó thì cơ sự đã xảy ra.

Ngày 17 tháng 12 năm 1833, Gaspard bị ám sát chết. Cậu bị một kẻ lạ mặt đâm chết trong công viên và đây không phải là lần đầu tiên có người muốn ám sát cậu. Gaspard bị một vết dao đâm trọng thương ở ngực. Mặc dù vết dao có thể do Hauser tự đâm, nhưng cậu lại nói rằng nó là do kẻ giám sát cậu từ bé gây ra.

Không ai biết rõ sự thật về cái chết của Gaspard Hauser, chỉ có một điều chắc chắn là mối đe dọa duy nhất đối với quyền lực của gia đình Hochberg từ đó vĩnh viễn đã không còn nữa.

Năm 2002, trường đại học Münster đã tiến hành phân tích các tế bào từ tóc và quần áo của thi hài được cho là của Kaspar



Bia mộ của Caspar Hauser với dòng chữ Latin, tạm dịch là “Nơi đây yên nghỉ Caspar Hauser, bí ẩn của thời đại. Sự ra đời của anh không ai hay, cái chết của anh là điều kỳ bí.”

Hauser. Các mẫu DNA được đem so sánh với DNA của Astrid von Medinger, hậu duệ theo nhánh ngoại của Stéphanie de Beauharnais nếu như cậu quả thật là thế tử Barden. Hai mẫu này không đồng nhất với nhau, nhưng sự khác biệt cũng không đủ lớn để loại trừ mối quan hệ di truyền giữa hai mẫu vì các nhà khoa học cho rằng sự khác biệt cũng có thể là do những đột biến di truyền.

Bí ẩn thân phận của một “nàng” hiệp sĩ

Phục vụ dưới triều hai vua Pháp Louis XV và Louis XVI, hiệp sĩ d'Éon luôn gây thắc mắc về giới tính thực của ông ta. Cho đến nay, “tiểu thư” d'Éon, thủ lĩnh đội long kỵ binh, vẫn mãi là một bí ẩn trong lịch sử.

- *Một thanh niên có tinh thần thể thao*

Ngày 5 tháng 10 năm 1728 tại quận Tonnerre thuộc tỉnh Bourgogne, luật sư Louis Déon de Beaumont thông báo sự ra đời của con trai ông là Charles Geneviève Louise Auguste Andrée Thimothée. Với một bé trai thì đây quả là một cái tên kỳ lạ vì nó gồm ba tên nam và ba tên nữ. Là học sinh ưu tú, Charles Geneviève tốt nghiệp trường Mazarin ở Paris năm 20 tuổi. Trung thành với truyền thống gia đình, chàng tiếp tục học lên ngành luật và trở thành một luật sư trẻ tuổi làm việc ở Tối cao Pháp viện. Ngoài việc học, chàng còn tỏ ra rất năng động và yêu thể thao. Chàng học kiếm thuật và trở thành một kỵ binh giỏi.

Cuộc sống điêu đạm của chàng khiến mọi người hơi ngạc nhiên: chàng không có hôn thê hay tình nhân và cũng chẳng ngông cuồng như những chàng trai trẻ khác. Tuy nhiên lúc đó chẳng ai thắc mắc chuyện này vì tất cả mọi người đều nghĩ Charles Geneviève d'Éon là nam.

- *Một thiếu nữ xinh đẹp nhiều bối rối*

Năm 1755, hoàng thân de Conti, người phụ trách công việc mật của đức vua, giao cho d'Éon thực hiện một sứ mệnh vô cùng

tế nhị ở Nga, đó là tìm cách liên lạc với nữ hoàng Elisabeth của Nga và chiếm lòng tin của vị nữ hoàng này mà không để cho quần thần xung quanh hay biết. Quả thật lúc đó quan hệ giữa Pháp và Nga không mấy thuận thảo và hai nước đã cắt đứt quan hệ ngoại giao với nhau. Vua Louis XV vì thế quyết định khôi phục lại mối quan hệ này.

Charles Geneviève là một thanh niên rất khôi ngô, nét mặt vô cùng thanh tú, chính vì thế mà Conti quyết định để chàng cài trang thành nữ để thực hiện sứ mệnh này. Toàn bộ những giấy tờ giả mà Conti làm cho d'Éon đều mang tên "Tiểu thư Lia de Beaumont". Chẳng bao lâu sau, trong vai một thiếu nữ, chàng lên đường đi Saint-Petersbourg. Sứ mệnh này

NHẬN XÉT CỦA CASANOVA

Trong tập Hồi ký của mình, Casanova, một người am tường về phụ nữ, đã mô tả hiệp sĩ d'Éon mà ông đã có dịp dùng bữa tối chung tại nhà của ngài đại sứ Pháp Guerchi ở London.

"Chính tại bàn ăn ở nhà ngài đại sứ mà tôi được dịp làm quen với hiệp sĩ d'Éon, người mà sau này khiến cả châu Âu xôn xao bàn tán. Hiệp sĩ d'Éon là một phụ nữ đẹp. Trước khi bước vào con đường ngoại giao, nàng từng là luật sư và thủ lĩnh đội long kỵ binh. Nàng là một quân nhân dũng cảm và một nhà đàm phán khôn khéo dưới triều vua Louis XV. Mặc dù nàng có óc lãnh đạo và mang phong cách nam nhi nhưng tôi chỉ mất không đến 15 phút để nhận ra nàng là phụ nữ bởi giọng nói của nàng quá mạnh mẽ để có thể là giọng một hoàn quan, còn đường nét cơ thể của nàng quá thì mềm mại để có thể là một nam nhi. Đó là chưa kể nàng không hề có râu..."

hoàn thành mỹ mãn và người đẹp Lia de Beaumont được nữ hoàng tin cậy đến mức nhờ nàng làm người đọc sách cho bà và vô cùng yêu quý nàng.



Chỉ đến khi Charles Geneviève quay trở về Paris mọi người mới bắt đầu xôn xao. Mọi người rỉ tai nhau rằng Charles Geneviève không thể cải trang thành thiếu nữ giống đến mức độ hoàn hảo như thế. Làm sao mà một nam nhân hóa trang thành nữ giới lại có thể qua mặt được một phụ nữ dày dặn như nữ hoàng Elisabeth trong khi suốt ngày kề cận bà? Đến lúc đó người ta mới nhận thấy là chàng hiệp sĩ không hề có râu và cao ráo. Phải chàng chàng ta là gái giả trai?

• *D'Éon vẫn mãi là bí ẩn với toàn châu Âu*

Sự nghiệp của hiệp sĩ d'Éon tiến triển vô cùng tốt đẹp. Chàng quay trở lại Nga, thực hiện nhiều sứ mệnh ở châu Âu cho vua Louis XV trong vai trò khi thì là nam khi lại là nữ. Chàng trở thành thủ lĩnh của đội long kỵ binh và được ban tặng huân chương Saint Louis cho tinh

Tranh minh họa Charles Geneviève Louise Auguste Thimothée d'Éon de Beaumont trong cả hai loại trang phục nam và nữ.



Cuộc đấu kiếm xảy ra tại tòa nhà Carton House ngày 9 tháng 4 năm 1787 giữa nữ hiệp sĩ d'Éon de Beaumont và ngài Saint-George.

thần dũng cảm nơi sa trường. Những lời đèm pha về chàng ngưng bắt vì mọi người cho rằng chỉ nam nhân mới có thể cầm quân ra trận, mà quên rằng nước Pháp đã từng có một nữ tướng là Jeanne d'Arc.

Năm 1762, Charles Geneviève được cử sang London làm bí thư tòa đại sứ Pháp. Tại đây, chàng làm mọi người bối rối vì mặc dù không thực hiện trọng trách chính trị nào nhưng chàng cũng vẫn xuất hiện trong hình dáng khi là nam lúc lại nữ. Thỉnh thoảng chàng lại nói giọng nữ mà chẳng thèm giải thích lý do cho những người xung quanh.

Dân London vô cùng ngạc nhiên trước nhân vật người Pháp lạ lùng mà họ không rõ là nam hay nữ này. Mọi người đua nhau đặt cược về giới tính của d'Éon. Trong suốt hơn 20 năm, nhiều người Anh đã cá cược những khoản tiền khổng lồ về giới tính của

Charles Geneviève. Năm 1771, tổng số tiền cá cược lên đến con số khó tin là 300.000 bảng Anh. D'Éon tuy tuyên bố rất phẫn nộ trước chuyện này nhưng vẫn không tiết lộ điều gì cả.

Khi bị đặc sứ của đức vua - không ai khác hơn là nhà soạn kịch Beaumarchais - ép phải nói rõ giới tính của mình, Charles Geneviève đành ký vào một bản tuyên cáo ghi rõ giới tính của mình. Đó là vào năm 1774. Dựa vào kết quả khám xét của nhiều bác sĩ, Charles Geneviève tuyên bố mình là nữ.

- *Tiểu thư d'Eon không chịu được cảnh ăn không ngồi rồi*

Thế là nhà vua buộc chàng cựu hiệp sĩ từ đây không được cải trang thành nam nhân nữa mà phải giữ nguyên thân phận phụ nữ cho đến chết. Mọi việc được quyết và vận mệnh của Charles Geneviève xem như đã định. Kể từ đó chàng là tiểu thư d'Eon.

Tuy nhiên nàng tiểu thư này vẫn chưa quen với điều kiện sống

mới của mình. Giới tính của nàng buộc nàng phải rời xa quân đội và công việc ngoại giao. Vốn không chịu nổi cảnh ăn không ngồi rồi nên khi vua Louis XV băng hà và Louis XVI lên ngôi, Charles Geneviève liền nắm ngay cơ hội này để thay đổi tình hình.

Năm 1777, nàng đến Versailles và xuất hiện ở triều đình trong trang phục thủ lĩnh long kỵ binh. Nàng khẩn thiết van xin vua Louis XVI cho nàng trở lại với thân phận

Geneviève d'Éon



nam nhi. Nhưng trước thái độ không dứt khoát của nhà vua và các quan trong triều là Vergennes và Maurepa, nàng đành rời khỏi triều đình và mãi mãi mang thân phận tiểu thư d'Éon.

- **Bà cụ sống ở London là đàn ông!**

Charles Geneviève quay trở lại London và làm quen dần với thân phận phụ nữ của mình. Bà không mặc y phục nam nhân nữa. Suốt 30 năm bà sống cuộc đời một phu nhân đáng kính đang ngày càng già nua. Ngay cả cuộc Cách mạng Pháp và chuyện nhà vua bị hành quyết cũng không làm thay đổi thói quen của bà. Điều này cho thấy bà nhẫn nhục đã quen. Bà từ trần ở London ngày 21 tháng 5 năm 1810 trong nghèo khó, hưởng thọ 83 tuổi. Khi các thầy thuốc rồi sau đó là 15 người khác đến xem xét thi thể của bà, họ nhận ra đó là cơ thể một người đàn ông.

Vì sao một người đàn ông đây tham vọng và năng động như Charles Geneviève d'Éon lại chấp nhận sống gần 40 năm với thân phận phụ nữ? Lý do gì khiến vua Louis XV và sau đó là Louis XVI từ chối không cho người hiệp sĩ này quay trở về cuộc sống bình thường? Và cuối cùng, vì sao sau khi hai vị quân vương này mất đi, d'Éon vẫn không tìm cách khôi phục lại thân phận thật sự của mình?

Những thắc mắc trên cho đến nay vẫn chưa có lời giải đáp.



Chỉ huy đội long kỵ binh Charles Geneviève.

Huyền thoại cái chết vua Louis XVII

Ngày 8 tháng 6 năm 1795, một thi thể trẻ em được đưa ra khỏi tháp Temple ở Paris và lén lút đưa vào nghĩa trang Sainte-Marguerite. Là đứa trẻ mà cả cha mẹ đều bị lén đoạn đầu đài, cậu bé được biết dưới tên gọi Charles Capet này là một tù nhân quốc gia. Cùng với sự qua đời của một vị vua là sự ra đời của một huyền thoại.

• Tại nhà ngục Temple

Khi Louis-Charles đến nhà ngục Temple ngày 13 tháng 8 năm 1792 cùng chị gái và cha mẹ là vua Louis XVI và hoàng hậu Marie-Antoinette, cậu chỉ mới 7 tuổi. Cậu và cha bị giam ở tầng hai còn mẹ và em gái bị giam ở tầng ba. Cuộc sống gia đình cậu bé luôn quanh quẩn ở nơi này chỉ gián đoạn trong 2 tiếng dạo chơi trong vườn mỗi ngày.

Vua Louis XVI lấy tiền trợ cấp của mình để nhờ mua sách và đồ chơi cho con trai, đồng thời ngài đích thân dạy con học môn địa lý và môn Latin. Tuy nhiên hai cha con chỉ gần nhau được vài tháng. Đến tháng 12 năm 1792 thì cả hai bị tách lìa nhau.



Chân dung vua Louis XVII
ở Temple.
Tranh của Joseph-Marie Vien.



Louis XVI bị chặt đầu.

• Khởi đầu cuộc sống bất hạnh

Đứa trai sau đó được chuyển đến sống cùng các phụ nữ trong gia đình. Tại đây, họ đã làm mọi cách

để xoa dịu số phận của cậu. Năm 1793 trở nên khó khăn hơn khi vào cuối tháng 1 năm 1793, Louis Charles được thông báo là phụ thân cậu bị chém đầu (ngày 21 tháng 1). Kể từ hôm đó, dưới mắt những người bảo hoàng, cậu chính thức trở thành vua nước Pháp.

Đến đầu tháng 7 thì cậu bé (lúc này đã lên 8 tuổi) phải trở lại căn phòng trước đây giam giữ cha cậu ngay phía trên nơi nhốt mẹ, dì và chị gái. Từ đó cậu không bao giờ gặp lại họ nữa nhưng lại bị ép làm chứng một số chuyện nhằm gán ghép cho mẹ cậu tội ngoại tình. Đến ngày 16 tháng 10 thì hoàng hậu bị xử trảm.



Louis XVII và bác vá giày Simon tại nhà lao tháp Temple.

Kể từ đó những kẻ chăm sóc cậu là những người lạ. Cậu được giao cho hai vợ chồng bác thợ giày Simon trông nom. Cả hai dọn đến tháp Temple sống chung với cậu. Cậu quen dần với Simon và ông cũng cố gắng tạo cho cậu một cuộc sống êm ái. Bằng chứng là nhiều người đã nhìn thấy họ chơi đùa với nhau trong vườn. Nhưng đến ngày 19 tháng 1 năm 1794, hai vợ chồng Simon phải rời tháp Temple theo lệnh của quản đốc nhà lao Chaumette.

• *Lao tù nghiệp ngã*

Suốt sáu tháng sau đó, Louis-Charles chỉ còn lại mỗi một mình và mọi người không còn thấy cậu xuất hiện nữa. Cuộc sống địa ngục của cậu bé cũng bắt đầu từ đó.

Tất cả mọi lối ra vào phòng giam cậu đều bị phong tỏa, cửa sổ bị bít kín. Cửa phòng bị xây bít bằng gạch đến ngang thân, chỉ chừa lại các chấn song ở phía trên, nơi có một ô hẹp, vừa đủ để truyền thức ăn vào. Cậu bé từ đó sống trong tăm tối. Do không ai ra vào được phòng giam nên căn phòng nhanh chóng bốc mùi hôi thối. Mỗi ngày hai lần, lính canh lại đến xem cậu bé có còn đó không. Do giường cậu nằm luôn chìm trong bóng tối nên chẳng bao lâu đã tràn ngập chảy rận. Cậu bé bị giam giữ trong điều kiện kinh tởm như thế cho đến khi Robespierre (thủ lĩnh nhóm chính trị cấp tiến Jacobin) bị giết chết.



Louis XVII trong phòng giam

ĐIỀU TRA KHOA HỌC BẰNG CHỨNG XÉT NGHIỆM ADN

Sử gia Philippe Delorme cho biết trái tim trẻ con đặt ở Thánh đường Saint-Denis vào năm 1975, sau nhiều thập niên lưu lạc chính là trái tim bị đánh cắp bởi viên y sĩ đã tiến hành giải phẫu tử thi của Louis XVII.



*Chiếc hũ đựng tim
của Louis XVII.*

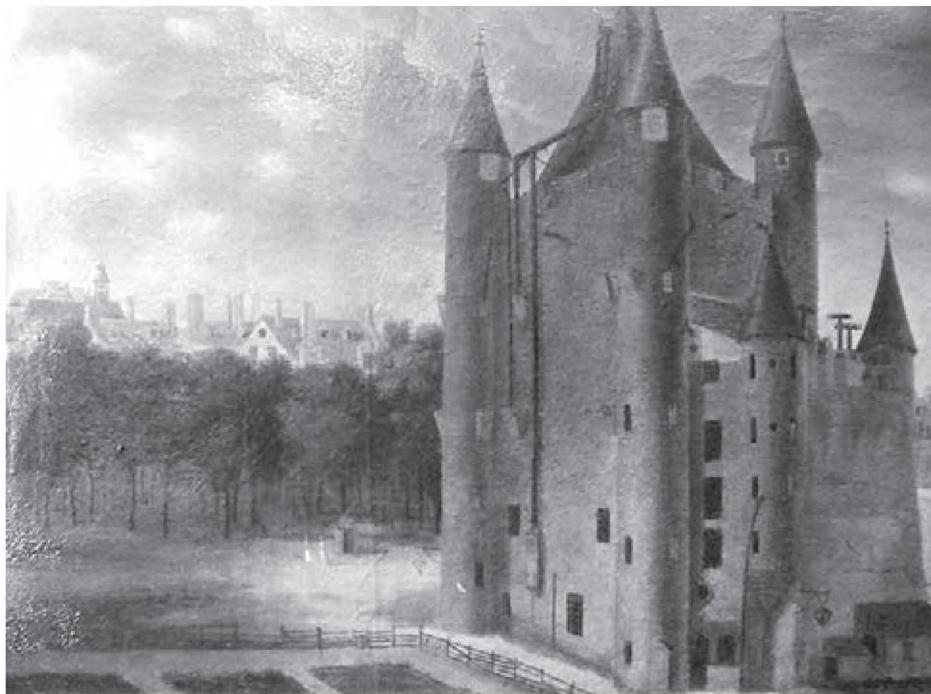
Ngày 15 tháng 12 năm 1999. Theo đền xuống của Philippe Delorme, giáo sư Jean Jacques Cassiman - nhà di truyền học của đại học Louvain tại Bỉ - đã lấy mẫu di vật (trái tim) này để xét nghiệm.

Ngày 19 tháng 4 năm 2000. Chuỗi ADN thể hạch lấy từ mẫu tim tại đại học Louvain sau đó được giáo sư Bernd Brinkmann, giám đốc viện pháp y của đại học Munster, Đức, xác minh lại bằng một xét nghiệm khác.

Kết luận điều tra. Philippe Delorme viết trên trang Web của ông như sau: "Chuỗi ADN này giống hệt với chuỗi ADN lấy trước đó ở tóc hoàng hậu Marie-Antoinette và các chị bà. Ngoài ra còn tìm thấy một biến thể của chuỗi ADN ở các hậu duệ của gia đình Habsbourg là Anne de Roumanie và em trai bà là André de Bourbon Parme.

Điều này cung cấp thêm cho "mối quan hệ họ hàng chắc chắn giữa những người khác nhau này".

Quả tim được phân tích tháng 4 năm 2000 có phải là tim mà bác sĩ Philippe-Jean Pelletan lấy từ lồng ngực cậu bé chết ở tháp Temple ngày 8 tháng 6 năm 1795 không? Sau một thời gian dài tiến hành điều tra kỹ lưỡng và sau khi kết quả xét nghiệm ADN được công nhận, nay tôi đã có thể khẳng định chắc chắn điều này".



Tháp Temple

Ngày 28 tháng 7 năm 1794, ngay khi vừa nắm quyền, Paul Barras đã đến tháp Temple và cho mở cửa ngục nhốt Louis XVII. Ông nhìn thấy một cậu bé khá cao ráo nhưng xanh xao gầy gò. Ông nhét tay cậu sưng tấy và cậu yếu đến mức không bước đi nổi. Barras chỉ định một bác sĩ chăm sóc cậu và ra lệnh thả cậu bé tù nhân. Nhưng đã quá trễ. Cậu bé đáng thương bị bệnh quá nặng đã từ trần.

- ***Con tin của hội nghị quốc ước và nạn nhân chiến tranh***

Tuy hội nghị quốc ước không cho giết cậu bé do e ngại phản

ứng của công chúng, nhưng họ lại thấy khó chấp nhận sự tồn tại của cậu. Chẳng phải là vua Charles IV của Tây Ban Nha (anh họ của Louis-Charles) đã gia nhập liên minh chống Pháp với mục đích hàng đầu là giải thoát cho cậu bé đó sao? Cạnh đó, phe chống Cách mạng Chouan cũng đang giương cao ngọn cờ trên có in hình cậu bé bị giam giữ. Cho nên đứa bé này cần phải chết và chết sao cho thật tự nhiên...

Và thế là người ta đã để cậu bé chết dần chết mòn. Chiến thuật dã man này cuối cùng đã thành công: Như em trai của mình, Louis-Charles qua đời bởi bệnh lao ngày 8 tháng 6 năm 1795.

• **Bí mật dẫn đến bí ẩn**

Các thành viên hội nghị quốc ước đứng sau lưng Robespierre lo sợ ảnh hưởng của cậu bé đã chết không kém chi lúc cậu còn sống. Chính vì vậy họ quyết định tổ chức chôn cất Louis-Charles một cách kín đáo để không ai hay biết. Thay vì thú nhận là con trai vua Louis XVI đã chết, nền Cộng hòa trẻ tuổi của Pháp lại muốn dim sâu tên tuổi và thân xác của vị hoàng tử vào quên lãng bằng cách bí mật cho mai táng cậu. Họ không biết rằng việc làm lén lút này sẽ tạo cho công chúng một sự mơ hồ vô cùng nguy hiểm. Do không ai nhìn thấy thi hài cậu bé nên mọi người đặt ra vô số giả thiết. Họ thắc mắc không biết cậu bé còn sống hay chết, không biết thi thể được đem đi chôn cất kia có đúng là của hoàng tử, và không biết cậu bé có bị phe Cộng hòa giết một cách dã man hay không.

• **Những kẻ mạo danh**

Sau khi vua Louis XVII qua đời, giới quý tộc di cư sống trong sự mong chờ khắc khoải trong suốt những năm sau đó. Trong nửa

thế kỷ sau, rất nhiều người ngấp nghé chiếc ngai vàng bằng cách tự xưng mình là Louis XVII. Có tất cả gần 40 kẻ mạo danh như thế. Những kẻ may mắn nhất như Richemont hay Naundorff thậm chí đã được giới quý tộc ở Saint-Germain đón tiếp nồng hậu sau khi nền quân chủ được vãn hồi. Thậm chí có kẻ còn tạo ra được cả một nhóm quần thần xung quanh họ. Tuy nhiên không ai đưa ra được bằng chứng cho thấy mình là cậu bé ở tháp Temple.

NHỮNG KẺ MẠO DANH LOUIS XVII

Đây là một trong những bí ẩn lớn nhất lịch sử nước Pháp. Tuy nhiên ngày nay ta đã biết là vua Louis XVII quả thực đã qua đời ở nhà ngục Temple. Những công trình nghiên cứu sử liệu và di truyền đã chứng minh điều đó. Tuy thế ngay trong thời kỳ Cách Mạng Pháp và cả ở các thập niên sau, vẫn còn nhiều người tin rằng người thừa kế ngai vàng nước Pháp đã thoát khỏi cái chết đầy bi thảm này. Đáp lại sự mong đợi đó, nhiều kẻ đã manh tâm giả mạo Louis XVII.

Con trai người thợ may. Năm 1798, tức 3 năm sau ngày Louis XVII qua đời, xuất hiện một thiếu niên tên Jean-Marie Hervagault. Thiếu niên có mái tóc vàng hoe và mang những đặc điểm của dòng họ Bourbon đó được giám mục Lafont de Savines công nhận là con trai vua Louis XVI. Hervagault còn nói rằng mình được các đại sứ châu Âu ở Lisbonne công nhận là người thừa kế ngai vàng hợp pháp.

Câu chuyện của thiếu niên này lan truyền khắp nước Pháp, nhưng chẳng bao lâu sau, Hervagault bị phát hiện là con trai của một thợ may ở phố Saint-Antoine.

Jean-Marie Hervagault



Mathurin Bruneau



Con trai người thợ đóng giày. Với việc nền quân chủ vẫn hồi, rất nhiều người đã nhòm ngó ngai vàng. Năm 1815, vua Louis XVIII nhận được một bức thư viết từ Saint-Malo ký tên "Thái tử Bourbon". Thư này do Mathurin Bruneau, con trai một người thợ đóng giày viết, tự xưng là Charles de Navarro.

Khi bị tra hỏi, gã đã không thể kể lại chính xác cuộc sống ở nhà ngục Temple nên bị tòa án Rouen tuyên án 7 năm cầm cố vì tội "xúc phạm quan tòa".

những câu chuyện cung cấm



Khang Hy - vị hoàng đế háo sắc bậc nhất Trung Hoa

Trong rất nhiều bộ phim của Trung Quốc, Đài Loan, hay Hồng Kông (Hong Kong), Khang Hy luôn được mô tả như một vị hoàng đế anh minh, đức độ của triều Thanh. Nhưng những phát hiện gần đây cho thấy đó là một hoàng đế rất háo sắc. Sự háo sắc của Khang Hy thậm chí còn vượt qua cả người cháu nổi tiếng phong lưu của ông là Càn Long. Nhưng tại sao người đời lại nghĩ ông không háo sắc?

• *Vị vua tham lục*

Khang Hy là vị hoàng đế có nhiều phi tần nhất trong các vị vua nhà Thanh. Ông có đến 55 hậu phi - quý nhân được ghi chép chính thức trong các chính sử (sau này bị tuẫn táng, chôn theo ông vào lăng mộ). Số phụ nữ từng được ông “sủng hạnh” dĩ nhiên là vượt xa con số này. Khả năng tình dục của ông quả là kinh hoàng và khả năng sinh sản của ông cũng rất đáng kinh ngạc (có tới 52 người con trai, được xem còn vượt hơn cả động vật). Thế mà cả đời ông rất khỏe mạnh, đến những năm cuối đời khí lực vẫn không suy giảm nhiều, sự háo sắc vẫn nguyên vẹn. Nhiều người Trung Quốc cho rằng sở dĩ được như vậy là vì Khang Hy luyện theo Đạo gia, tiếp thu



Khang Hy

nhiều kinh nghiệm dưỡng sinh. Ông vốn thích hút thuốc, nhưng sau đó bị cảnh báo nên bỏ. Ông cũng uống được rượu nhưng tiết chế không dùng, thậm chí từng nói về sự nguy hại rất lớn của rượu.

- **Cô ruột không tha**

Thanh triều ngoại sử chép rằng, trong thời kỳ Khang Hy trị vì có một vị cách cách (công chúa) là con út của Hoàng Thái Cực, em gái vua Thuận Trị, xét về vai vế là cô ruột của Khang Hy. Khi Thuận Trị đi tu, vị cách cách vì tuổi còn nhỏ nên chưa thể đi lấy chồng. Sau khi Khang Hy lên ngôi, vị cách cách này vẫn ở lại trong cung. Sau đó, một vị đại thần thỉnh cầu cho cách cách này xuất giá. Khang Hy nghe xong nói: “Bây giờ mà còn bàn chuyện lấy chồng hay sao, ta đã nạp làm thiếp từ lâu rồi”. Vị đại thần kinh ngạc nói: “Chốn cung đình là nơi nền tảng của luân thường đạo lý. Nay công chúa ngang hàng với phụ thân hoàng thượng, hoàng thượng làm sao có thể lấy một người cô cùng họ làm phi được?”. Khang Hy tinh khôn nói: “Chắc gì. Nói rằng cùng họ không được kết hôn là chỉ chị em gái của mẹ và con gái của mình thôi. Nếu là cô thì không phải mẹ của ta, cũng không phải con gái của ta, cũng không phải chị em gái cùng sinh với ta nên nạp làm thiếp cũng không việc gì”. Các vị đại thần hết sức can ngăn nhưng Khang Hy vẫn một mực không nghe.

- **Vợ quan, nô ti cũng chẳng từ**

Thanh triều ngoại sử cũng kể rằng, thời Khang Hy, em trai của danh thần Trương Đình Ngọc là Trương Mô làm quan ở kinh thành. Ông này kết hôn với con gái một người Hán mà gia tộc nhiều đời làm quan. Vợ ông họ Diêu được người đời ca tụng là “quốc sắc thiên hương”. Trương Mô vì thế rất đặc ý.

Đến một năm mừng thọ Thái hậu, Khang Hy hạ lệnh tất cả các phu nhân người Hán cũng như người Mãn phải vào cung chúc thọ. Dĩ nhiên, Trương phu nhân cũng phải vào. Khang Hy cũng có mặt trong buổi lễ. Thái hậu rất vui, sai bày yến tiệc trong nội cung để mọi người ăn uống vui chơi đến hết ngày mới về. Sau khi rời cung, các phu nhân ngồi kiệu về nhà bình yên, chỉ trừ phu nhân xinh đẹp của viên quan họ Trương. Nàng này khi về tới nhà thì áo mũ không chỉnh tề, không còn là người phụ nữ lúc đi nữa. Trương Mõ biết chuyện gì đã xảy ra nhưng sợ gặp họa nên nín thinh. Cái lệ các phu nhân người Hán nhập cung cũng vì thế mà bị cấm chỉ.

Trong số 55 người vợ của Khang Hy có một người họ Vệ, vốn chỉ là một nô tài giặt quần áo người Hán. Nàng này đang giặt đồ thì bị Khang Hy để ý đến. Vì phu nhân này có tiếng là “sắc đẹp phi phàm, trên người có mùi hương lạ, tắm cũng không mất”. Bà đã hạ sinh cho Khang Hy một người con trai, chính là Bát Hiền Vương nổi tiếng.

• **Háo sắc hay không háo sắc?**

Lời đồn về “hạnh kiểm tình dục” tốt của Khang Hy có lẽ xuất



Khang Hy lúc trẻ

phát từ việc ông rất coi trọng nghiên cứu tiết dục. Ông cho rằng “Con người ta nếu để lòng thanh thản và tiết chế được dục vọng thì không những ít bệnh tật mà còn luôn tươi trẻ”. Ông tin rằng “ít suy nghĩ có thể dưỡng thân, ít ham muốn có thể dưỡng thân, ít nói có thể dưỡng khí, biết được những điều này thì có thể dưỡng sinh”. Từ những lời này suy ra thì có vẻ như Khang Hy không phải người háo sắc, nhưng thật ra ông ta chỉ có những chủ trương điều độ mà thôi.



Giáo sĩ Joachim Bouvet

Giáo sĩ phương Tây Joachim Bouvet đã từng gửi một bức thư dài cho hoàng đế nước Pháp, thuật rằng: “Mấy năm trước, (Khang Hy) Hoàng đế tới Nam Kinh để xem xét tình hình Giang Nam, mọi người theo lệ cũ cống cho Hoàng đế 7 mỹ nữ. Ông ta nhìn qua một lần không ngoái đầu lại, từ chối không nhận. Ông ta e ngại các quan dùng nữ sắc để tiếp cận ông ta, làm ông ta sa ngã nên rất tức giận. Sau đó còn trừng phạt những người này nặng nhẹ khác nhau...”

Cận thần của Khang Hy là Lý Quang cũng từng nói: “Tuần phủ Giang Đông Cát Lẽ nghênh giá ở Khánh Đô... dâng lên 4 mỹ nữ. Khang Hy nói: “Dùng mỹ nữ để lung lạc ta, coi ta là hạng người nào đây?”. Sau đó còn phái người bí mật điều tra mới biết những người cạnh mình đều được tặng quà như vậy, tội càng thêm nặng”.

Ghi chép như trên rõ ràng là việc làm nịnh bợ để làm cho Khang Hy trong mắt người trong nước và ngoài nước là một ông vua không biết hào sắc là gì.

Tuy nhiên, các ghi chép lịch sử bản thân chúng nói lên nhiều điều hơn là những lời lẽ. Có người nói Khang Hy cai trị một thời gian dài nên đương nhiên phải có nhiều thê thiếp. Lập luận này không hoàn toàn hợp lý vì người kế vị Khang Hy là Ung Chính chỉ có 8 người vợ, cháu của ông là Càn Long nổi tiếng dâm đãng, cai trị còn lâu hơn ông rất nhiều (tính cả 3 năm làm thái thượng hoàng) mà cũng chỉ có 41 vợ. Khang Hy nếu không hào sắc thì cớ sao lại hào hứng với việc nạp thê thiếp như vậy. Nên nhớ là rất nhiều thê thiếp của Khang Hy được nhập cung vào những năm cuối đời của ông. Sự hào sắc của ông do đó khó mà chối cãi được.

Một cảnh trong phim thể hiện việc tuyển cung.



“Truyền thống nhiều đời”

Vua Càn Long cũng nổi tiếng là một ông vua dâm loạn. Sáu lần vi hành Giang Nam của ông thực chất là sáu lần truy hoan ở Giang Nam. Vì những kỹ nữ Giang Nam mà ông đã hai lần phế bỏ hoàng hậu. Vua Hàm Phong (niên hiệu của Văn Tông, 1851-1861) cũng vì dâm loạn mà sớm mất ngôi. Hoàng đế Đồng Trị vì đi lầu xanh mà mắc bệnh hiểm nghèo từ trần. Ung Chính Hoàng đế, bề ngoài được coi là đứng đắn, nhưng cũng là một ông vua cực kỳ háo sắc. Trước khi lên ngôi, Ung Chính chỉ có một thê một thiếp, nhưng 8 người con (5 nam, 3 nữ) của ông lại do những phụ nữ khác nhau sinh ra. Người ta đồn rằng ông bị đột tử là do uống thuốc “hồng hoàn”, một loại *viagra* của Trung Hoa thời đó. Dưới triều nhà Thanh, tất cả các cô gái đều được Hoàng đế tuyển chọn qua mói được lấy chồng (Từ Hy Thái hậu cũng đã vào cung theo hệ thống tuyển chọn này). Nếu như Hoàng đế có nhu cầu thì thậm chí còn lấy cả những phụ nữ người Hán đã có chồng.

Theo thống kê các đời vua Mãn Châu, Nỗ Nhĩ Hợp Xích có 16 vợ, Hoàng Thái Cực (ông nội Khang Hy) có 15 vợ. Ai Tân Giác La - Phúc Lâm có khoảng 16 thê thiếp. Ung Chính Hoàng đế có 8 thê thiếp. Càn Long Hoàng đế có 41 hậu phi. Gia Khánh Ngung Diễm có khoảng 9

hậu phi. Đạo Quang Hoàng đế có khoảng 23 hậu phi. Hàm Phong, Đồng Trị, Quang Tự cho đến Tuyên Thống Hoàng đế Phổ Nghi đều có số thê thiếp không quá 10 người. Như vậy Khang Hy vẫn vô địch về số lượng thê thiếp.



Cảnh trong một bộ phim về những chuyến vi hành Giang Nam của Càn Long.

Các vua Trung Hoa và chuyện hậu cung

Một hoàng đế Trung Hoa có thể có đến hàng trăm người vợ chính thức, lại thêm hàng ngàn cung nữ. Vua chúa Trung Hoa phải áp dụng “thời khóa biểu chăn gối” như thế nào trong điều kiện “quá tải” đó?

Do số lượng phi tần quá nhiều, các bậc đế vương Trung Hoa phải nghĩ đến cách tổ chức việc chăn gối sao cho hợp lý đối với từng thứ bậc. Vào thời Chu, cách tổ chức này được căn cứ theo sự vận hành của thiên thể, âm dương và lịch số. Theo đó, các phi tần được “lên lịch” với vua theo sự đổi dạng của Mặt trăng. Mỗi tháng, từ mùng một đến mùng tám, trăng phát triển để ngày càng viên mãn; từ 15 đến 30, trăng dần dần hao khuyết. Dựa theo nguyên tắc này, lịch chăn gối của vua tuần tự từ phi tần bậc thấp nhất đến bậc cao nhất. Từ đêm 16 đến 30, người ta áp dụng nguyên tắc ngược lại. Trong đó, hoàng hậu và ba vị nhất phẩm phu nhân được quyền ưu tiên tuyệt đối. Đến cửu tần trở xuống, 9 người vợ này theo lối cộng đồng mà hầu hạ giấc ngủ của vua. Vậy một người chồng cùng một lúc phải ngủ với... 9 bà vợ thì phải làm cách nào? Quả thật làm vua không phải là điều đơn giản!

• Lịch chăn gối của vua

Qua các tài liệu, các nhà nghiên cứu cho biết: từ ngày 1 đến ngày 9, vua được 81 ngự thê chăm sóc, luân phiên mỗi đêm 9 người; từ ngày 10 đến ngày 12, 27 thế phụ được gần vua, luân phiên mỗi đêm 9 người; ngày 13 là ngày đặc quyền của “cửu tần”;

ngày 14 thuộc quyền “tam phu nhân”; ngày 15 là độc quyền của hoàng hậu. Từ ngày 15 đến 30, trật tự sẽ đảo ngược lại như sau: ngày 16 - hoàng hậu; ngày 17 - tam phu nhân; ngày 18 - cữu tần; từ 19 đến 21 - 27 thế phụ luân phiên mỗi đêm 9 người; từ 22 đến 30 - 81 ngự thê, mỗi đêm 9 người. Như vậy vua có tổng cộng 121 vợ trực tiếp, tức gần 1/3 số ngày trong năm, đó là chưa kể những người tình “ngoài danh sách” khác.

Theo lịch như thế, mỗi tháng hoàng hậu được ngủ bên vua 2 đêm; tam phu nhân 2 đêm; cữu tần 2 đêm, thế phụ 6 đêm. Ngự thê 18 đêm. Tính riêng, mỗi vương phi (từ thái hậu đến ngự thê) đều được gần vua 2 đêm/tháng. Phương pháp phân phối này nhằm mục đích tránh việc các phi tần tranh đoạt ân sủng của nhà vua. Bởi vì nếu vua chỉ đặc biệt yêu thương một vài người thì các phi tần còn lại sẽ “thất nghiệp dài dài”. Do đó, biện pháp trên đây là có lợi cho các phi tần hơn là có lợi cho hoàng đế. Như thế, nhà vua không được lựa chọn người mình yêu thích.

Các mỹ nữ trong cung chính trang y phục trong phim Hoàng kim giáp.



Một giả thuyết khác cho rằng hoàng hậu được ở cạnh vua mỗi đêm, nhưng cứ 6 ngày thì được “nghỉ” một ngày. Đó là ngày dành cho các phi tần. Do đó 9 phi tần được luân phiên theo chu kỳ 45 ngày được gấp vua một đêm. Từ thế phụ trở xuống chỉ được hầu hạ vua một lúc chứ không được cả đêm.

- *Lịch của các vua chư hầu, quan đại phu, sĩ tộc*

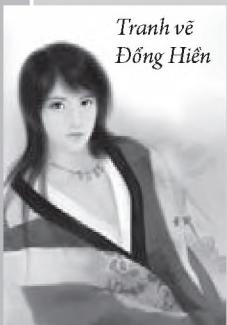
Chu kỳ 5 ngày cũng được các vua chư hầu đời Chu áp dụng. Theo quy định, chư hầu có 9 người vợ, trong đó có một phu nhân (vợ chính), 8 người còn lại đều là trác thất, được chia thành 4 nhóm, mỗi nhóm 2 người. Mỗi ngày, ngoài phu nhân, vua còn được hai trác thất hầu hạ.

Thông thường, trác thất dưới 50 tuổi mới được quyền ngủ với vua vì họ còn khả năng sinh đẻ. Nhưng quy định này không áp dụng đối với phu nhân. Kể cả khi đã 70 tuổi, phu nhân vẫn được quyền chung phòng với chồng.

Trong khi đó, quan đại phu được quyền có số vợ bằng 1/3 số vợ của vua chư hầu, tức 1 thê và 2 thiếp với chu kỳ luân phiên ân ái đơn giản hơn: mỗi người vợ một đêm. Hàng sĩ tộc thì được 1 thê 1 thiếp. Tư cách giữa thê và thiếp hoàn toàn khác biệt: thê được ở cạnh chồng từ tối đến sáng hôm sau, còn thiếp phải về phòng riêng khi chồng đã ngủ.

Việc tổ chức gia đình của vua chúa cũng tuân theo những quy tắc chặt chẽ. Đối với hoàng đế, vì số phi tần quá đông, triều đình xuất hiện chức quan “nữ sử”. Đầu tiên, để phân biệt đẳng cấp phi tần, nữ sử quy định họ phải đeo nhẫn vàng, bạc, đồng. Ngoài ra, ai đến kỵ kinh nguyệt, không được phép gần vua thì phải thông tin bằng cách tô đỏ hai bên má. Về sau, cho như thế là đẹp, phái nữ phát minh việc đánh má hồng.

- Một số hoàng đế tin rằng mình có thể đạt đến sự bất tử bằng cách giao hoan với càng nhiều phụ nữ càng tốt, miễn sao không phóng tinh.



- Các hoàng đế đôi khi có cả những người tình nam. Hán Ai Đế (năm 26 TCN đến 1 TCN) từng sủng ái và phong chức rất cao cho Đổng Hiên, một người giống phụ nữ, có khuôn mặt kiều diễm. Có một lần ngủ trưa, Đổng Hiên gối lên cánh tay áo của nhà vua ngủ. Ai Đế muốn xoay người nhưng không muốn làm Đổng Hiên tỉnh giấc nên cất cánh tay áo của mình. Từ giai thoại này mà người Trung Quốc gọi mối tình đồng tính là “mối tình cắt tay áo”. Khi Ai Đế mất, hoàng đế mới là Vương Mãng cực lực phản đối Đổng Hiên. Vì sợ gặp họa và cũng để đáp lại tình yêu của Ai Đế, Đổng Hiên và vợ con đã tự sát tại nhà.

Tương tự, vua nước Ngụy là Ngụy An Ly Vương (khoảng 250 TCN) yêu một cậu học trò vô cùng tuấn tú là Long Dương Quân. Một hôm, hai người ngồi câu cá thì Dương Quân đột nhiên khóc nức nở. Ngụy Vương gạn hỏi thì Dương Quân giải thích rằng khi người ta câu được con cá thì sẽ tim con cá to hơn. Cậu tự thấy mình giống như con cá, tuy hiện thời có địa vị hiển hách, ai nấy kính trọng, nhưng e mai sau sẽ bị quên lãng. Ngụy vương nghe xong bèn ra sắc chỉ trong cả nước cấm bàn luận về Long Dương Quân, nếu bị phát hiện sẽ bị giết mà không cần định tội.

- Nhiều cung phi bị giam hãm suốt đời trong cung mà không một lần được vua ân sủng, dẫn đến nhiều ức chế. Hơn 200 cung phi đã bị hoàng đế Minh Thế Tôn (1522-1566) ra lệnh tàn sát. Do muốn thoát khỏi số phận bạc bẽo của mình, 16 phi tần trong hậu cung của Thế Tôn đã vào phòng của ông, tìm cách thắt cổ ông bằng một dải lụa và dùng châm đâm ông chết. Trong cuộc vật lộn, hoàng đế đã bị mất một mắt nhưng sống sót nhờ được hoàng hậu đến trợ giúp. Các cung phi bị trừng phạt bằng cách phanh thây, đầu bị bêu trên cọc trước công chúng.

Án mạng hay tự vẫn?

Công tước Bourbon, nước Pháp, được phát hiện chết trong phòng ngủ tại lâu đài Saint-Leu. Lẽ nào ông ta tự treo cổ được khi mà một bên cánh tay và ba ngón của bàn tay bên kia đã không còn sử dụng được.



Louis Henri Joseph (1756-1830)

Ngày 27 tháng 8 năm 1830, người hầu phòng của Louis Henri Joseph - tức hoàng thân Condé đồng thời cũng là công tước Bourbon - đến gõ cửa phòng ngủ của chủ nhân và nhận thấy bên trong phòng bị khóa trái. Lo lắng, anh ta phá cửa vào. Trước mắt anh ta và bác sĩ riêng của công tước là thi thể của vị hoàng thân già treo lủng lẳng trên chiếc móc ở khung cửa sổ bằng hai chiếc khăn tay cột vào nhau...

- *Cuộc điều tra cẩu thả và gây nhiều tranh cãi*

Thoạt đầu, cả hai nhân chứng đều cho đây là một vụ tự sát, bằng cớ là cánh cửa bị khóa từ bên trong. Tuy nhiên, sau đó người ta phát hiện thấy nhiều tình tiết khả nghi. Hoàng thân không cách chi nhắt được cánh tay trái lên cao vì ông bị gãy xương tay từ năm 1816, đồng thời ông cũng bị mất ba ngón tay ở bàn tay phải.

Trong số những người đầu tiên được vua Louis Philippe cử đến hiện trường có đại tá Rurnigny, một người tin cẩn đồng thời là mật thám riêng của nhà vua. Ngay từ đầu Rurnigny đã nghi ngờ về cái chết kỳ lạ này. Tuy nhiên, nó vẫn được công bố là một vụ tự sát sau khi pháp y mổ xác và khẳng định như vậy.

Mặc dù câu chuyện tự sát làm hài lòng chính quyền, nhưng dư luận công chúng vẫn nghi ngờ. Nhanh chóng xuất hiện những lời đồn, cho rằng đây là một vụ ám sát. Hoàng thân Louis de Rohan, người thừa kế tiềm năng của hoàng thân Condé, bèn gửi đơn cho viện công tố Pontoise, yêu cầu tòa bồi sung thông tin.

Vị quan tòa phụ trách vụ này là ngài Huproye cũng tin chắc là hoàng thân Condé không thể nào tự tử. Nhưng người ta đã không để ông điều tra đến cùng: đúng lúc sắp công bố những kết luận của mình, ông bị thay thế bởi Brière-Valigny, một người mềm mỏng hơn rất nhiều.

- ***Vì sao không ai được nói khác bản công bố chính thức?***

Nếu đây đúng là một vụ ám sát thì có mấy câu hỏi đặt ra: kẻ nào có đủ thế lực để bịt miệng cả công lý trong vụ này? Liệu có nên tìm kiếm trong giới cầm quyền cao nhất vào năm 1830 ai là người muốn công tước Bourbon phải chết?

Năm 1811 công tước Bourbon bắt đầu có nhân tình. Sophie Dawes xuất thân là một hầu gái người Anh được công tước Bourbon gả cho một quý tộc Pháp để thụ hưởng danh hiệu quý tộc. Đến khi trở thành nữ nam tước Feuchères thì bà chính thức dọn vào lâu đài Saint-Leu sống chung với tình nhân. Đây là tòa lâu đài mà ngài công tước được thừa kế năm 1815 sau khi trở về từ cuộc sống lưu vong. Bourbon lớn hơn nhân tình của ngài đến 32

tuổi. Ngài sở hữu một tài sản kếch sù nhưng không có người thừa kế chính thức sau khi người con trai duy nhất qua đời.

Tuy nữ nam tước Feuchères rất hy vọng sẽ thừa hưởng một phần tài sản khổng lồ sau khi công tước Bourbon mất, nhưng bà vẫn ngại đám họ hàng thân thiết của ngài công tước, cụ thể là gia đình Rohan. Mặc dầu bà biết là ngài công tước đã soạn sẵn chúc thư và để lại cho bà một khoản kếch sù nhưng điều mà bà e sợ nhất là ông sẽ thay đổi di chúc và trao phần lớn gia tài vào tay bá tước Bordeaux, cháu nội của vua Charles X hiện đang sống lưu vong cùng ông nội.

• *Sự ra đi giúp dàn xếp mọi việc*

Nếu ngài công tước nhanh chóng chết đi thì mọi việc sẽ trở nên ổn thỏa với Sophie vì di chúc sẽ không kịp thay đổi. Bà đã tìm được đồng minh ở một người bất ngờ nhất là đức vua. Ngay từ trước khi lên ngôi, vua Louis-Philippe đã luôn ao ước là một ngày kia nhánh Orléans của ông sẽ thừa hưởng di sản của người anh họ, tức công tước Bourbon. Có lẽ vì thế mà nhà vua đã trở thành đồng minh của nữ nam tước Feuchères, người phụ nữ săn sàng làm mọi cách để vị hoàng thân già nhượng cho bà một phần tài sản. Và bà đã thành công. Ngoài khoản tiền 12 triệu francs mà



Sophie Dawes, nữ nam tước Feuchères.

Sophie hưởng, tất cả phần gia tài còn lại đều rơi vào tay công tước Aumale, con trai vua Louis-Philippe.

Nhưng động cơ của nhà vua không hẳn vì mỗi chuyện tiền bạc mà còn cả lý do chính trị. Vị công tước già không tán thành việc thay đổi thể chế vào tháng 7 năm 1830. Ngài từ chối tham gia nghị viện mới và thậm chí còn dự tính ra nước ngoài sinh sống cùng vua Charles X. Với Louis-Philippe thì sự ra đi này như là một cái tát vào mặt triều đình. Chính vì thế mà cả nhà vua lẫn nữ nam tước Feuchères đều rất mong ngài công tước lia đời.

- ***Giả thuyết về cái chết của ngài công tước: Tai nạn yêu đương***

Có một điều chắc chắn là do khiếm khuyết cơ thể nên ngài công tước không thể tự treo cổ. Có một giả thuyết khác cho rằng Sophie giết người tình vì quá yêu ông! Những người đàn ông có tuổi hoặc khiếm khuyết cơ thể thường hay dùng biện pháp thắt cổ để kích thích cảm giác tình dục và tìm lại cảm giác mà ông trời đã tước mất của họ khi cơ thể họ trở nên già yếu. Rất có thể nữ nam tước Feuchères đã dùng biện pháp này trong cái đêm bi thảm đó và đã không dừng lại kịp thời... Khi xảy ra chuyện, thay vì gọi người đến cứu bà đã bình thản bước ra khỏi phòng và thòng dây vào bên trong để chốt cửa lại. Do cơ thể ngài công tước không hề có dấu vết ân ái nào nên bà đã khéo léo ngụy trang tai nạn này thành một vụ tự sát.

TÙ THÚ THÀNH CHÍNH

Trong giai đoạn từ năm 1814 đến 1830, nước Pháp nằm dưới sự cai trị của vua Louis XVIII rồi sau đó là vua Charles X. Hai vị vua này đều thuộc dòng Bourbon và là em trai của vua Louis XVI. Còn Louis-Philippe thì thuộc dòng Orléans. Cuộc cách mạng 1830 là kết quả của chính sách cai trị yếu kém của Charles X.

Năm 1822, sau khi người thừa kế ngai vàng đầy tiềm năng của Charles X là công tước vùng Berry bị ám sát, nhà vua đã phế truất vị bộ trưởng mang tư tưởng tự do là Decazes và đàm áp những kẻ đối nghịch. Ngoài chính sách cai trị vụng về, nhà vua còn đưa kinh tế đất nước vào tình trạng tệ hại. Để giải quyết rắc rối, nhà vua đã áp dụng nhiều biện pháp cứng rắn, đồng thời bổ nhiệm các bộ trưởng bảo thủ và ra lệnh chấm dứt tự do báo chí và tự do hội họp. Đó là lý do dẫn đến cuộc đảo chính mang tên "*Ba ngày vinh quang*" (*les Trois Glorieuses*) diễn ra trong ba ngày 27, 28, 29 tháng 7 năm 1830. Dưới sức ép của những cuộc biểu tình khắp nơi trên đường phố, Charles X phải thoái vị và nhường ngôi cho cháu nội là công tước Bordeaux, tuy nhiên quyết định này vẫn không khiến những người làm cách mạng hài lòng. Nhiều người thuộc dòng Bourbon bị buộc phải di sang nước khác sống đời lưu vong và nhường ngai vàng vĩnh viễn cho dòng thứ, tức dòng Orléans. Ngày 9 tháng 8 năm 1830, Louis-Philippe được công nhận là vua nước Pháp.

Louis-Philippe
được đón
lên ngai.
Tranh của
Eloïs Firmin Féron.



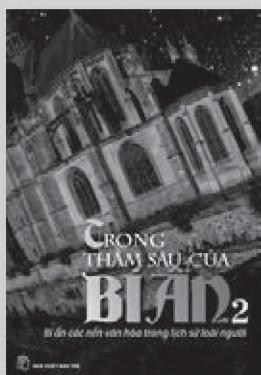
Dù hiện nay các phương tiện nghiên cứu và kiểm tra có tân tiến đến đâu thì những điều không thể lý giải vẫn cứ tiếp tục xuất hiện theo thời gian. Những bí ẩn đó như một thách thức giúp các nhà nghiên cứu không ngừng tiến lên phía trước, giúp con người mở rộng tầm nhìn và trở về với chính mình, với những suy nghĩ, thói quen và cả nỗi sợ hãi của bản thân.

Những câu chuyện trong bộ sách **TRONG THẦM SÂU CỦA BÍ ẨN** sẽ đưa bạn đến với từng đề tài hấp dẫn, kỳ bí, vừa như hoang đường, vừa lại là sự thật, mà cho đến nay vẫn chưa có lời giải đáp.



TẬP 1:

- *Hiện tượng siêu linh*
- *Quái vật*



TẬP 2:

- *Trong nanh vuốt quỷ*
- *Bí ẩn xung quanh các dân tộc, ngôn ngữ và các nền văn hóa*

TRONG THẦM SÂU CỦA BÍ ẨN (TẬP 3)

Nguyễn Thị Kim Anh *bìa* *soạn*

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN MINH NHỰT
Chịu trách nhiệm nội dung: NGUYỄN THÈ TRUẬT

Biên tập: TUẤN VIỆT - THU NHI

Bìa: BIÊN THÙY

Sửa bản in: NHẬT VI

Trình bày: NGUYỄN VÂN

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 39316289 - 39316211 - 39317849 - 38465596
Fax: (08) 38437450

E-mail: nxbre@hem.vnn.vn

Website: www.nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đàm Tráu, Phường Bạch Đằng,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (04) 37734544
Fax: (04) 35123395

E-mail: chinhanh@nxbtre.com.vn
